MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU 2
1.1. Mục đích 2
1.2. Khái niệm, thuật ngữ, từ viết tắt 2
1.3. Mô tả chung 2
2. TỔNG QUAN GIAO DIỆN 2
2.1. Đăng nhập hệ thống 2
2.2. Quên mật khẩu 3
3. CHI TIẾT CÁC CHỨC NĂNG/TIỆN ÍCH 6
3.1. Khung thông tin chung 6
3.1.1. Thông tin tài khoản 7
3.1.2. Tiện ích 10
3.1.2.1. Tab Tiện ích 10
3.1.2.2. Tab Tài khoản 21
3.1.2.3. Tab Báo cáo 26
3.1.1.4. Tab Thông tin 36
3.1.2.5. Tab Cài đặt 41
3.1.3. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai 42
3.1.4. Thông tin chi tiết mã TSCS, mã HĐTL 43
3.2. Khung đồ thị kĩ thuật 44
3.3. Khung thông tin thị trường 44
3.4. Khung thông tin vị thế và sổ lệnh 46
3.4.1. Vị thế mở 46
3.4.2. Lệnh đặt 49
3.4.3. Lệnh chờ 50
3.4.3.1. Hủy lệnh 50
3.4.3.2. Sửa lệnh 51
3.4.4. Lệnh Khớp 52
3.4.5. Vị thế đóng 52
3.4.6. Lệnh điều kiện 52
3.5. Khung đặt lệnh 53
3.5.1. Lệnh thường: 53
3.5.2. Lệnh điều kiện 54
3.5.2.1. Stop Up 55
3.5.3.1 Stop Down 58
3.5.3.2 Trailing Buy (Lệnh Mua xu hướng) 60
3.5.3.3 Trailing Sell (Lệnh Bán xu hướng) 65
3.5.3.4 OCO (Lệnh đặt và hủy liên hoàn – One Cancels Other) 69
3.5.3.5 Bull & Bear 72

1. GIỚI THIỆU

1.1. Mục đích

Tài liệu mô tả hướng dẫn sử dụng hệ thống giao dịch phái sinh trực tuyến WebTrading dành cho khách hàng YSVN

1.2. Khái niệm, thuật ngữ, từ viết tắt

KN/ TN/Từ viết tắt	Giải thích/Từ viết đầy đủ
CTCK	Công ty chứng khoán
CCP	Central Counterparty Clearing House
CK	Chứng khoán
GT	Giá trị
GD	Giao dịch
KH	Khách hàng
HĐTL	Hợp đồng tương lai
TKGD	Tài khoản giao dịch
TKKQ	Tài khoản ký quỹ

1.3. Mô tả chung

YSfuture là dịch vụ giao dịch phái sinh trực tuyến do Công ty Chứng khoán Yuanta Việt Nam cung cấp. Với phương thức giao dịch chứng khoán phái sinh thông qua trình duyệt web, chỉ cần có kết nối internet, Quý khách hàng có thể đặt lệnh giao dịch chứng khoán mọi lúc, mọi nơi mà không cần phải đến sàn giao dịch của YSVN.

2. Tổng quan giao diện

2.1. Đăng nhập hệ thống

Bước 1: Truy nhập vào đường link webtrade https://ysfuture.vn

Bước 2: Nhập thông tin tài khoản:

- Mã Khách hàng: < Mã khách hàng được cung cấp bởi YSVN >
- Mật khẩu: < Mật khẩu đăng nhập mà khách hàng được YSVN cung cấp>
- Nhấn vào icon để hiển thị/ẩn tường minh mật khẩu
- Nút tick box "Ghi nhớ trạng thái đăng nhập trên trình duyệt này"
  - Nếu có tick chọn: Sau khi đăng nhập thành công, các lần đăng nhập sau hệ thống sẽ tự điền mã khách hàng và mật khẩu. Khi nhấn Đăng xuất hệ thống sẽ bỏ ghi nhớ mã khách hàng và mật khẩu
  - Nếu không tick chọn: Sau khi đăng nhập thành công, các lần đăng nhập sau hệ thống sẽ không tự điền mã khách hàng và mật khẩu
- Biểu tượng để chọn Ngôn ngữ

Lưu ý: Quý khách hàng nên thực hiện đổi mật khẩu ngay từ lần đăng nhập đầu tiên

Bước 3: Bấm "Đăng nhập" (3).

2.2. Quên mật khẩu

Mô tả: Khách hàng quên mật khẩu đăng nhập có thể reset lại mật khẩu trên hệ thống Online Trading.

Bước 1. Chọn vào **"Quên mật khẩu"** tại màn hình đăng nhập của hệ thống → Sẽ dẫn đến mục "Quên mật khẩu" của YSwinner Cơ Sở

Bước 2. Nhập các thông tin:

- Mã khách hàng: < Mã khách hàng được cung cấp bởi YSVN > (1)
- Số CMND, Hộ chiếu, Mã số công ty: Số CMND, Hộ chiếu, Mã số công ty của khách hàng đã đăng ký (2)
- Xác nhận hình ảnh: Nhập chuỗi ký tự hiển thị trong hình chữ nhật bên cạnh. (3)

Bước 3: Chọn vào nút "Xác nhận" (4)

Thực hiện thành công, hệ thống sẽ hiện ra thông báo và gửi mật khẩu đăng nhập mới qua email và SMS cho khách hàng.

Giao diện màn hình chính

- Sau khi đăng nhập thành công, giao diện hiển thị màn hình chính sau:

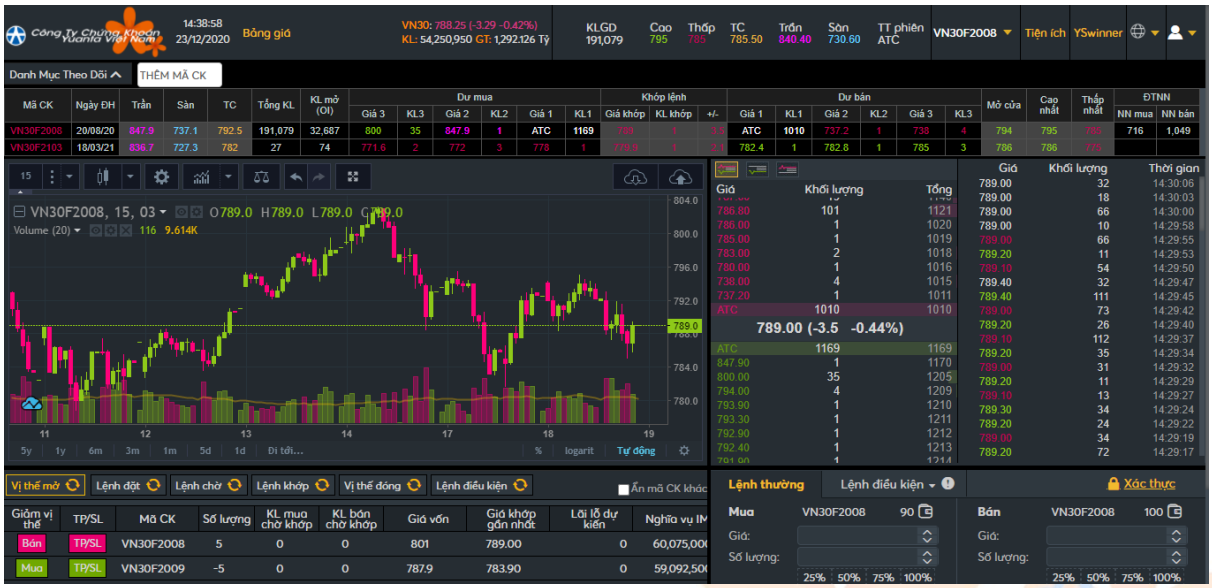

Giao diện gồm 5 thành phần chính:

- Khung thông tin chung:

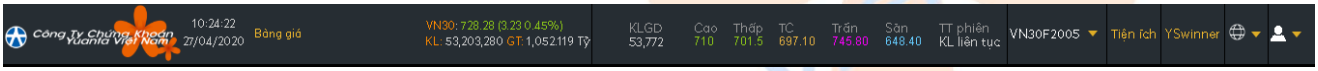

- Khung đồ thị kĩ thuật:

- Khung thông tin thị trường (giá khớp lệnh, dư mua/bán):

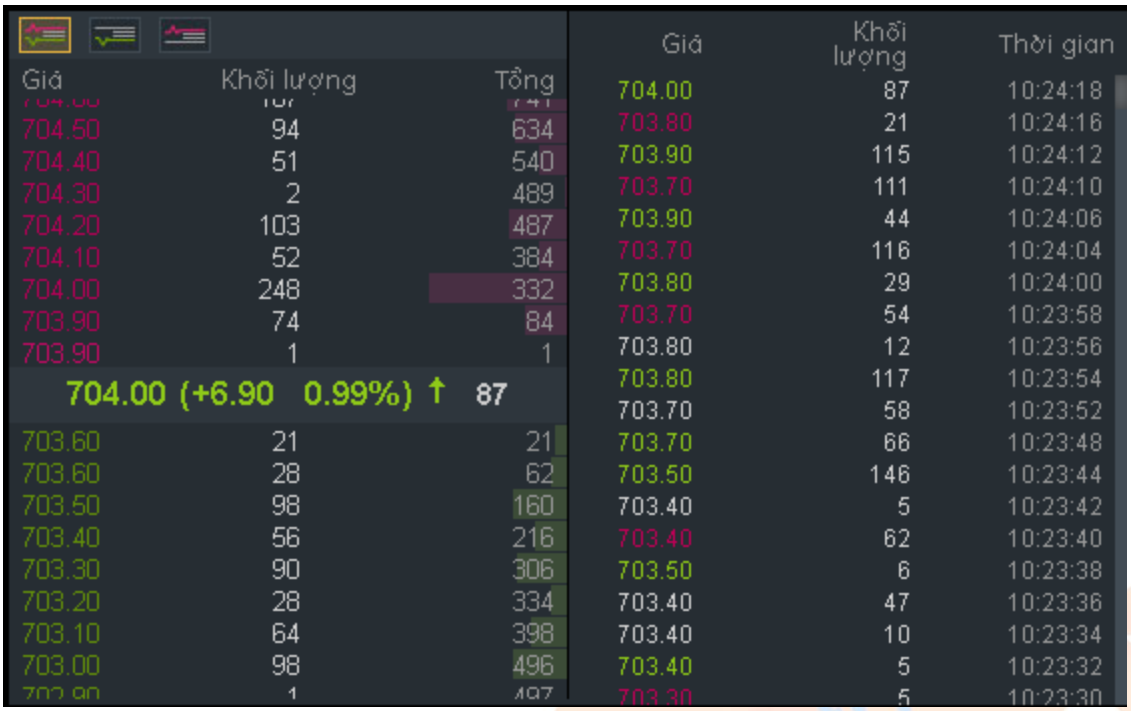

- Khung thông tin vị thế và số lệnh:

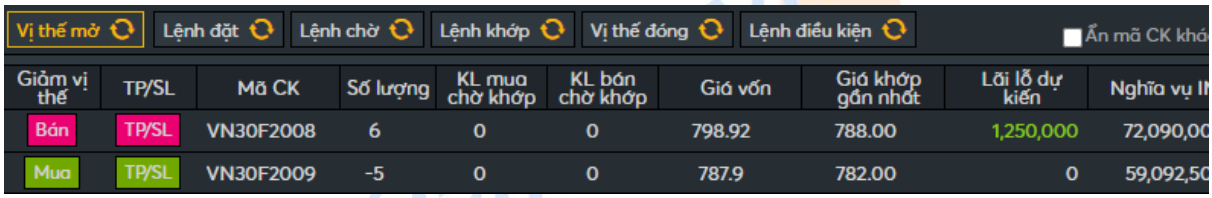

- Khung đặt lệnh:

3. Chi tiết các Chức năng/Tiện ích

3.1. Khung thông tin chung

Khung thông tin chung bao gồm:

- Thông tin tài khoản.
- Tiện ích.
- Thông tin chi các mã hợp đồng tương lai.
- Thông tin chi tiết mã TSCS, mã HĐTL mặc định.

3.1.1. Thông tin tài khoản

Chọn . Hiển thị các thông tin:

- Số tài khoản: Số tài khoản của khách hàng.
- Tên chủ tài khoản: Tên khách hàng.
- TKGD: Tài khoản giao dịch của khách hàng. Nếu khách hàng có nhiều tài khoản, cho phép lựa chọn 1 tài khoản.

- Tùy chọn hiển thị màn hình xác nhận khi đặt lệnh:
    - Tích chọn "Không hiển thị màn hình xác nhận lệnh": Đặt/Hủy/Sửa lệnh không hiển thị màn hình xác nhận.
    - Không tích chọn "Không hiển thị màn hình xác nhận lệnh": Đặt/Hủy/Sửa lệnh hiển thị màn hình xác nhận.
- Tùy chọn hiển thị bảng giá ngang
    - Tích chọn "Không hiển thị bảng giá ngang": Không hiển thị bảng giá ngang bên dưới khung thông tin chung
    - Không tích chọn "Không hiển thị bảng giá ngang": Có hiển thị bảng giá ngang bên dưới khung thông tin chung

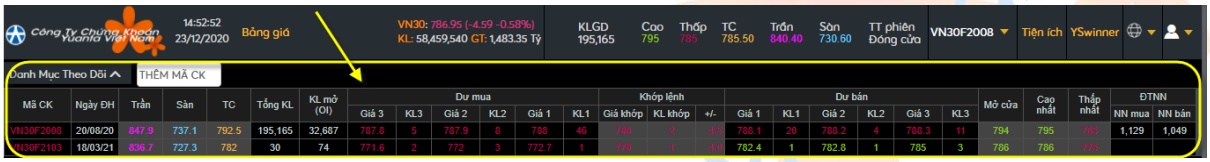

- Cách thêm mã chứng khoán vào bảng giá ngang: Nhập mã chứng khoán cần thêm tại ô 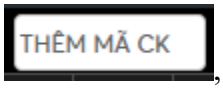

, hoặc tích vào dấu ★

- Chọn giao diện:
    - Hiện đại: Khung 10 giá dư mua, dư bán và khung lịch sử khớp lệnh hiển thị theo kiểu hiện đại
        - Khung **10 giá dư mua, dư bán**: Bên dư mua màu xanh, bên dư bán màu đỏ
        - Khung **lịch sử khớp lệnh:**
            - Giá khớp lệnh = Giá khớp lệnh liền trước → Giá khớp lệnh màu trắng
            - Giá khớp lệnh < Giá khớp lệnh liền trước → Giá khớp lệnh màu đỏ
            - Giá khớp lệnh > Giá khớp lệnh liền trước → Giá khớp lệnh màu xanh

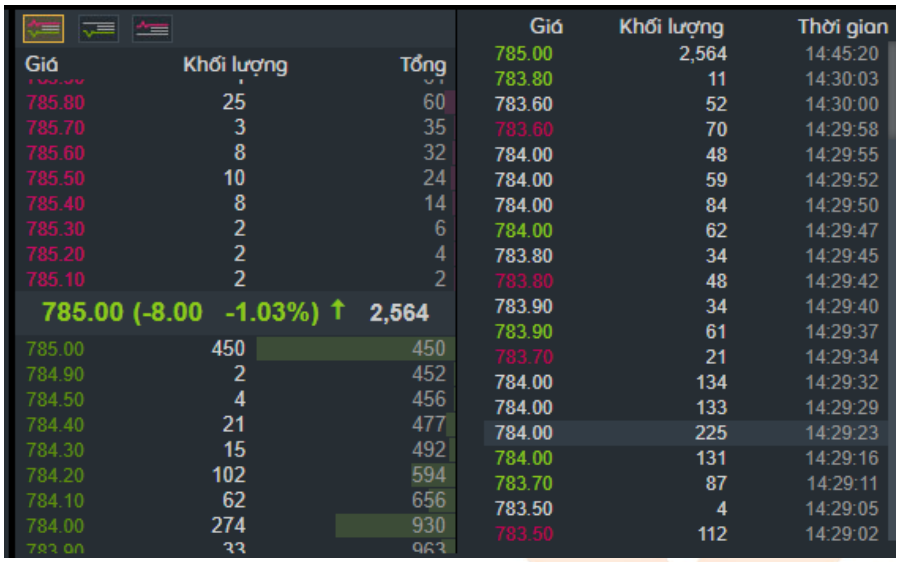

- Cổ điển
  - Khung 10 giá chờ mua – chờ bán, và khung lịch sử khớp lệnh:
    - Giá nhỏ hơn tham chiếu màu đỏ
    - Giá lớn tham chiếu hơn màu xanh
    - Giá bằng tham chiếu màu vàng
    - Giá bằng giá trần màu tím
    - Giá bằng giá sàn màu xanh

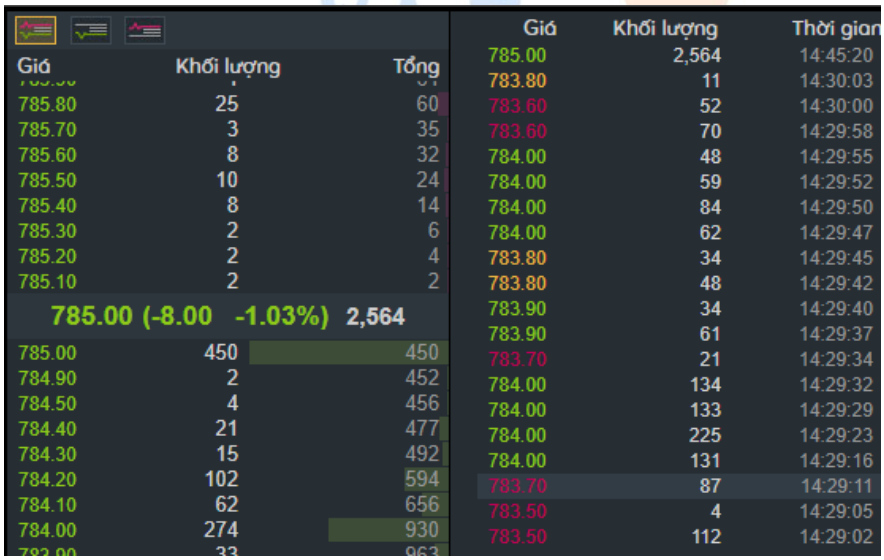

- Xác thực tài khoản: Chọn "Xác thực tài khoản": Hiển thị Popup xác thực tài khoản đối với các tài khoản xác thực Pin hoặc SMS OTP:

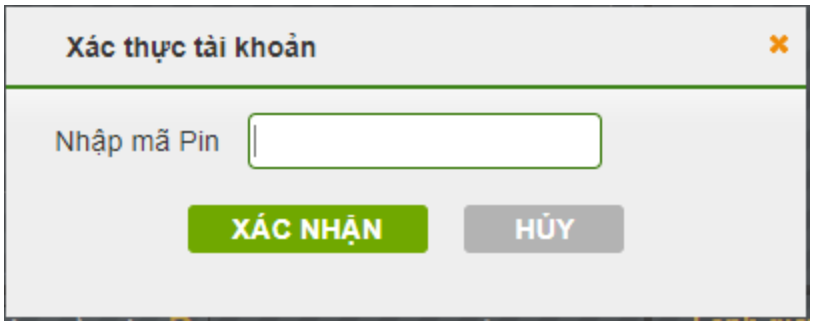

➢ Nhập Mã Pin (Mã xác thực) đúng, các giao dịch cần xác thực tiếp theo không cần phải nhập Mã Pin (Mã xác thực) lại.

- Đăng xuất: chọn nút "Đăng xuất" để đăng thoát khỏi chương trình

- Chọn vào nút để lựa chọn ngôn ngữ mặc định.

  Combobox hiển thị 2 giá trị lựa chọn: English và Tiếng việt.

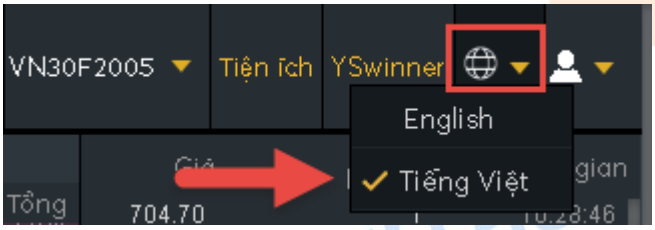

- Chọn 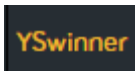

để chuyển sang Online Trading Cơ Sở.

3.1.2. Tiện ích

3.1.2.1. Tab Tiện ích

- Chọn vào nút

sẽ hiện ra trang Tiện ích như bên dưới:

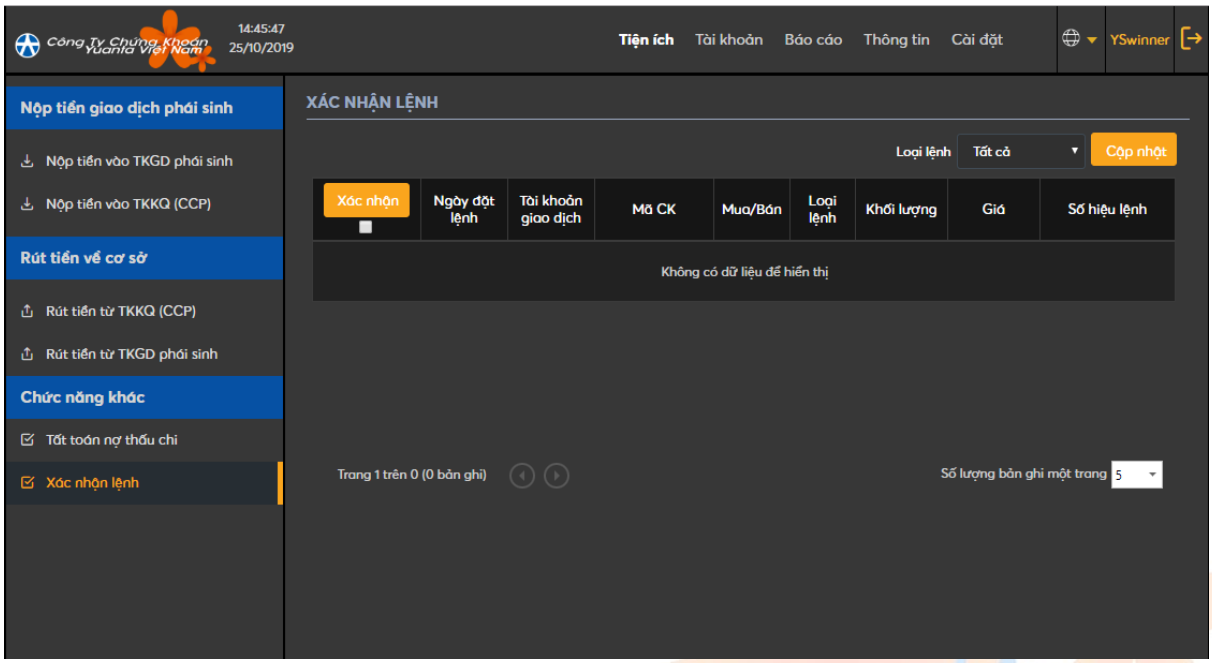

a. Nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh

Trên thanh Menu nhấn chọn "**Tiện ích**" => "**Nộp tiền vào TKGD phái sinh**":

Thông tin giao dịch

Mô tả: Khách hàng chuyển tiền từ tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường sang tài khoản giao dịch phái sinh để dùng cho các mục đích khác nhau như: ký quỹ, thanh toán VM, thanh toán phí GD...

Bước 1. Chọn TK giao dịch cần nộp tiền từ combobox.

Bước 2. Chọn TK cơ sở

Bước 3. Nhập số tiền nộp.

Lưu ý: Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền được rút core cơ sở.

Bước 4.

- Chọn vào nút Làm lại để thực hiện lại giao dịch nộp tiền.
- Chọn vào nút Chấp nhận để thực hiện nộp tiền. => Hiển thị thông báo "Giao dịch thành công!"

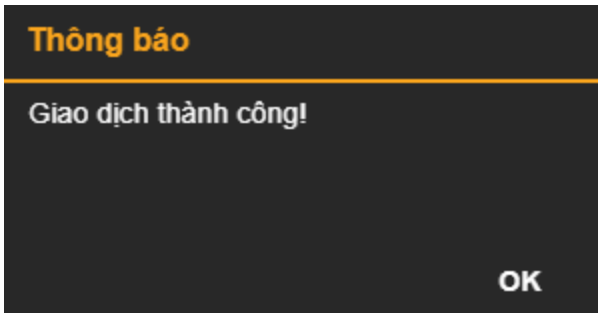

Bước 5. Nhấn nút OK để hoàn thành giao dịch nộp tiền.

Lịch sử giao dịch

Mô tả: Màn hình "Lịch sử giao dịch" cho phép khách hàng tra cứu lịch sử nộp tiền mà khách hàng đã thực hiện.

Bước 1: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày
- Đến ngày

Bước 2: Chọn nút Tìm kiếm để hiển thị thông tin tra cứu.

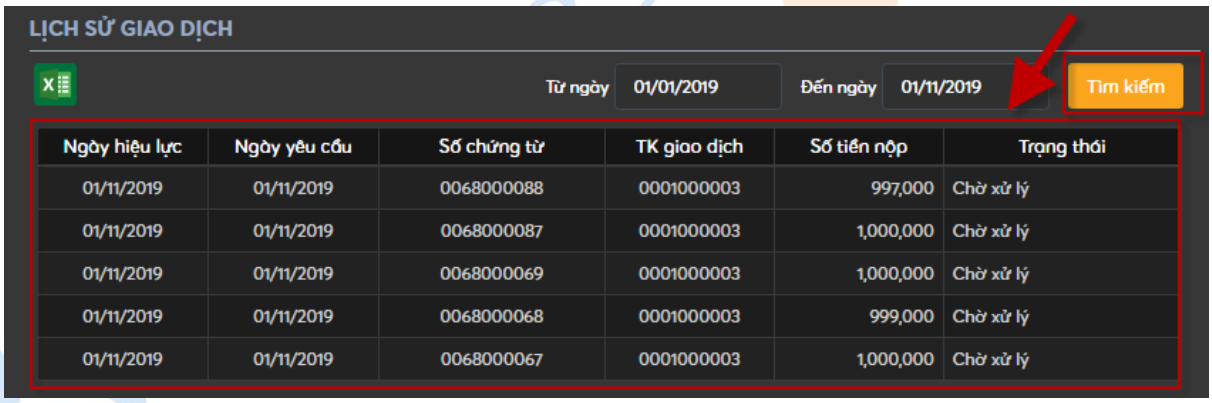

Ngày hiệu lực	Ngày yêu cầu	Số chứng từ	TK giao dịch	Số tiền nộp	Trạng thái
01/11/2019	01/11/2019	0068000088	0001000003	997,000	Chờ xử lý
01/11/2019	01/11/2019	0068000087	0001000003	1,000,000	Chờ xử lý
01/11/2019	01/11/2019	0068000069	0001000003	1,000,000	Chờ xử lý
01/11/2019	01/11/2019	0068000068	0001000003	999,000	Chờ xử lý
01/11/2019	01/11/2019	0068000067	0001000003	1,000,000	Chờ xử lý

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 5 để tùy chỉnh theo ý muốn.
+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 1 2 3 4 5 6 7

Bước 3: Chọn vào nút để kết xuất ra file Excel.

b. Nộp tiền vào tài khoản ký quỹ (CCP)

Trên thanh Menu nhấn chọn "Tiện ích" => "Nộp tiền vào TKKQ (CCP)":

Thông tin giao dịch

Mô tả: Khách hàng yêu cầu nộp ký quỹ yêu cầu / duy trì bằng tiền vào tài khoản ký quỹ do CCP quản lý.

Bước 1. Chọn TKGD cần nộp tiền từ combobox.

Bước 2. Nhập số tiền nộp.

Lưu ý: số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng số tiền có thể dùng.

Bước 3. Chọn kiểu phí là: "Phí trong" hoặc "Phí ngoài"

Phí trong: Số tiền thực nhận của khách hàng = Số tiền chuyển – Phí chuyển tiền – Thuế (nếu có).

Phí ngoài: Số tiền thực nhận của khách hàng = Số tiền chuyển (Phí chuyển tiền và thuế (nếu có) sẽ được tính bên ngoài số tiền nhận).

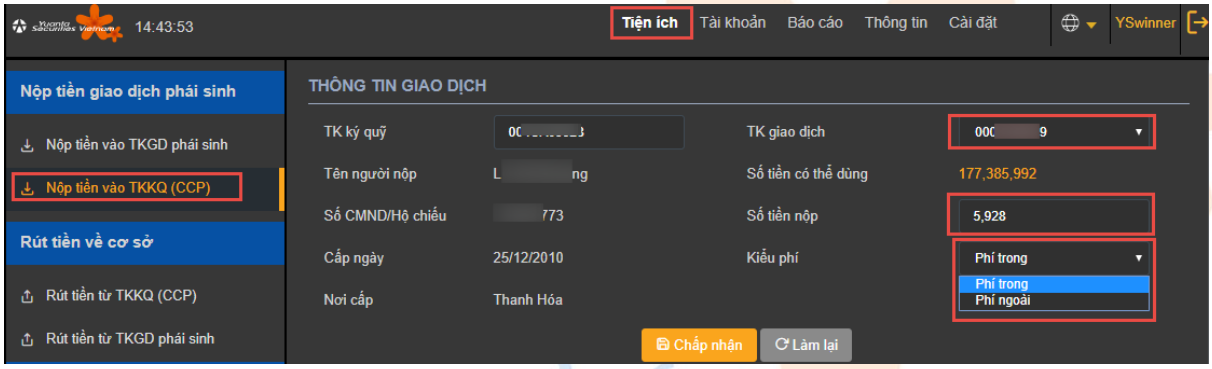

Bước 4.

- Chọn vào nút Làm lại để thực hiện lại giao dịch nộp tiền.
- Chọn vào nút Chấp nhận để thực hiện nộp tiền. => Hiển thị màn hình xác nhận thông tin nộp tiền.

Bước 5. Nhập mật khẩu giao dịch. Tích vào nút Lưu nếu khách hàng muốn lưu lại mật khẩu giao dịch cho các giao dịch sau.

Bước 6.

- Nhấn nút Đóng để thực hiện lại giao dịch nộp tiền.
- Nhấn nút Chấp nhận để thực hiện giao dịch nộp tiền => Hiển thị thông báo "Giao dịch thành công!"

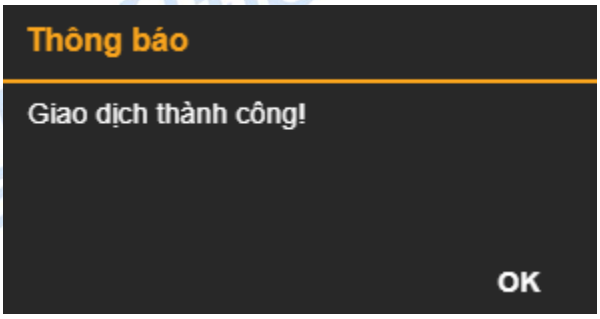

Bước 7. Nhấn nút OK để hoàn thành giao dịch rút tiền.

Lịch sử giao dịch

Mô tả: Màn hình "Lịch sử giao dịch" cho phép khách hàng tra cứu lịch sử nộp tiền mà khách hàng đã thực hiện.

Bước 1: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày
- Đến ngày
- Trạng thái

Bước 2: Chọn nút Tìm kiếm để hiển thị thông tin tra cứu.

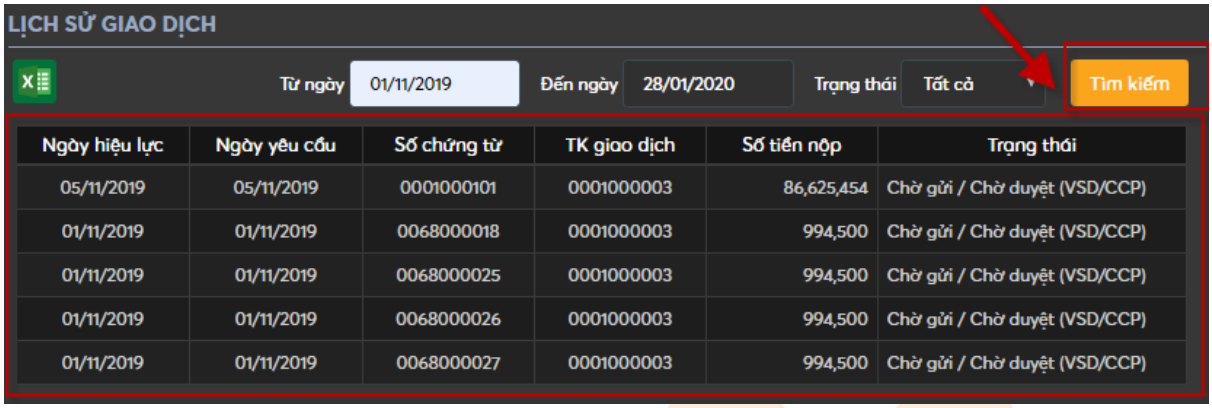

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 5 để tùy chỉnh theo ý muốn.
+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 1 2 3

Bước 3: Chọn vào nút để kết xuất ra file Excel.

c. Rút tiền từ tài khoản ký quỹ (CCP)

Thông tin giao dịch

Trên thanh Menu nhấn chọn "**Tiện ích**" => "**Rút tiền vào TKKQ (CCP)**":

Mô tả: Khách hàng thực hiện rút tiền từ tài khoản ký quỹ do CCP quản lý về tài khoản giao dịch phái sinh do công ty chứng khoán quản lý.

Bước 1. Chọn TKGD cần nộp tiền từ combobox.

Bước 2. Nhập số tiền rút

Lưu ý: Số tiền rút phải nhỏ hơn hoặc bằng số tiền tối đa được rút.

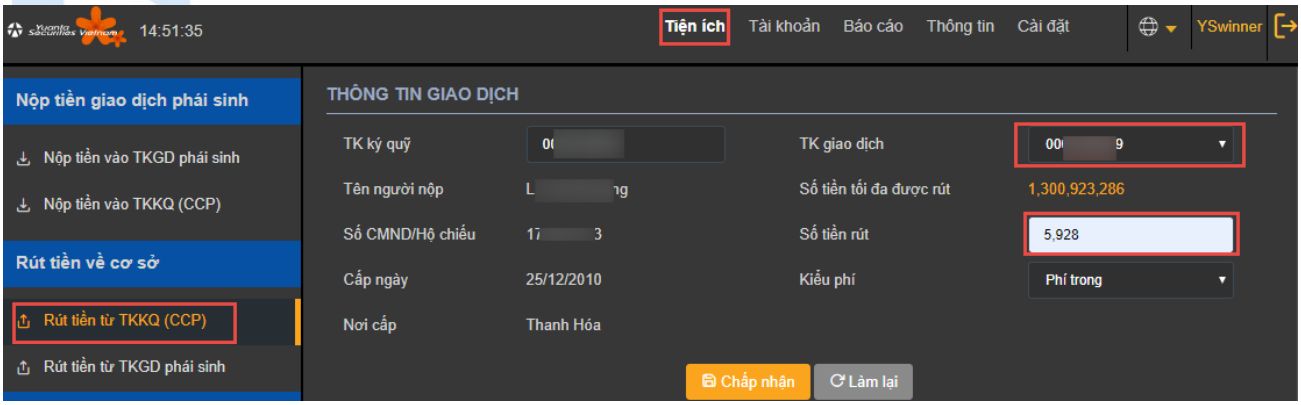

Bước 3.

- Chọn vào nút Làm lại để thực hiện lại giao dịch rút tiền.

- Chọn vào nút Chấp nhận để thực hiện rút tiền. => Hiển thị màn hình xác nhận thông tin nộp tiền.

Bước 4. Nhập mật khẩu giao dịch. Tích vào nút Lưu nếu khách hàng muốn lưu lại mật khẩu giao dịch cho các giao dịch sau.

Bước 5.

- Nhấn nút Đóng để thực hiện lại giao dịch nộp tiền.
- Nhấn nút Chấp nhận để thực hiện giao dịch nộp tiền => Hiển thị thông báo "Giao dịch thành công!"

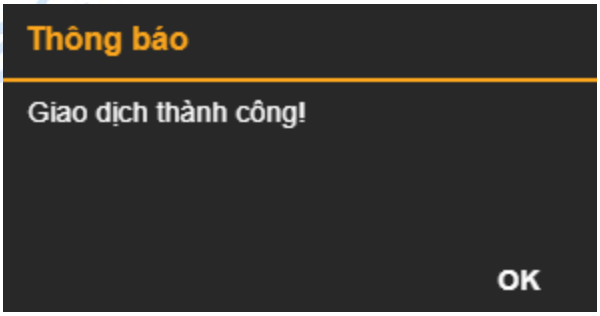

Bước 6. Nhấn nút OK để hoàn thành giao dịch rút tiền.

Lịch sử giao dịch

Mô tả: Màn hình "Lịch sử giao dịch" cho phép khách hàng tra cứu lịch sử rút tiền mà khách hàng đã thực hiện.

Bước 1: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày
- Đến ngày

➢ Trạng thái

Bước 2: Chọn nút Tìm kiếm để hiển thị thông tin tra cứu.

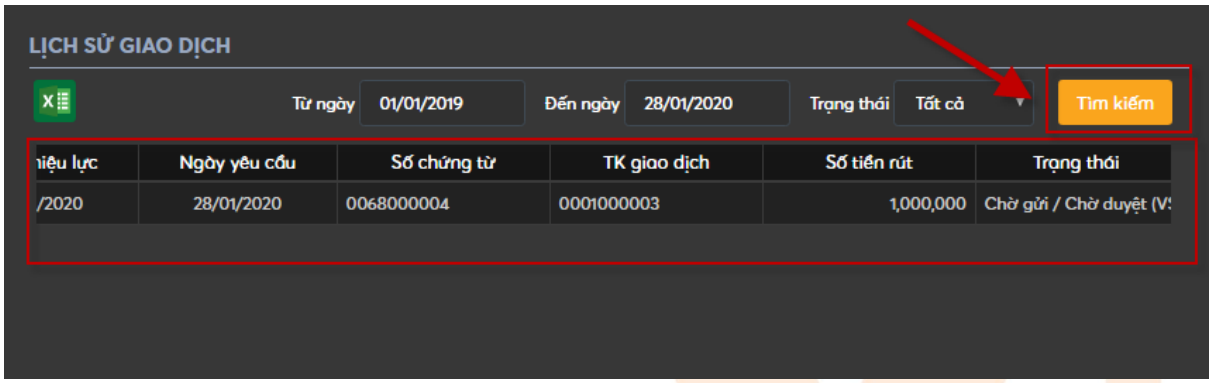

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 5 để tùy chỉnh theo ý muốn.
+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 1 2

Bước 3: Chọn vào nút để kết xuất ra file Excel.

d. Rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh

Thông tin giao dịch

Trên thanh Menu nhấn chọn "**Tiện ích**" => "**Rút tiền từ TKGD phái sinh**":

Mô tả: Trường hợp khách hàng muốn chuyển tiền từ chứng khoán phái sinh sang chứng khoán cơ sở, thực hiện giao dịch "Rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh"

Bước 1. Chọn TKGD cần rút tiền từ combobox.

Bước 2. Nhập số tiền rút.

Lưu ý: Số tiền rút phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được rút.

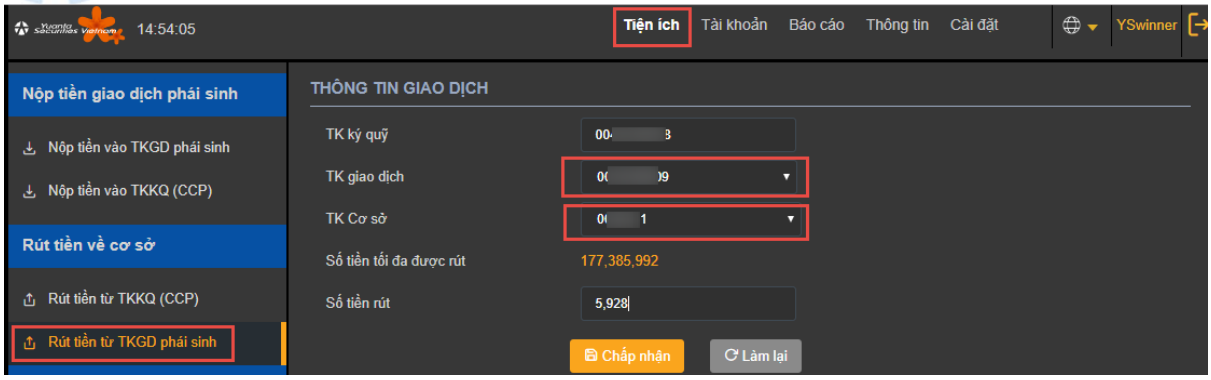

Bước 3.

- Chọn vào nút Chấp nhận để thực hiện rút tiền. => Hiển thị thông báo "Giao dịch thành công!"

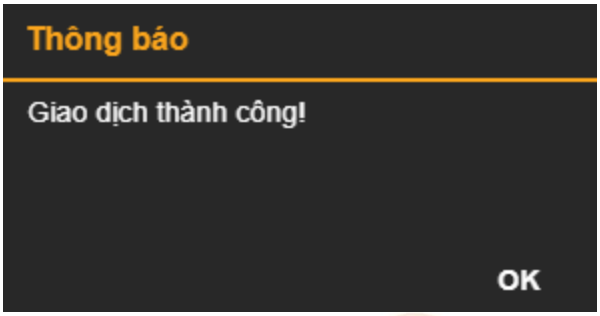

Bước 4. Nhấn nút OK để hoàn thành giao dịch rút tiền.

Chọn vào nút Làm lại để thực hiện lại giao dịch rút tiền.

Lịch sử giao dịch

Mô tả: Màn hình "Lịch sử giao dịch" cho phép khách hàng tra cứu lịch sử rút tiền mà khách hàng đã thực hiện.

Bước 1: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày
- Đến ngày

Bước 2: Chọn nút Tìm kiếm để hiển thị thông tin tra cứu.

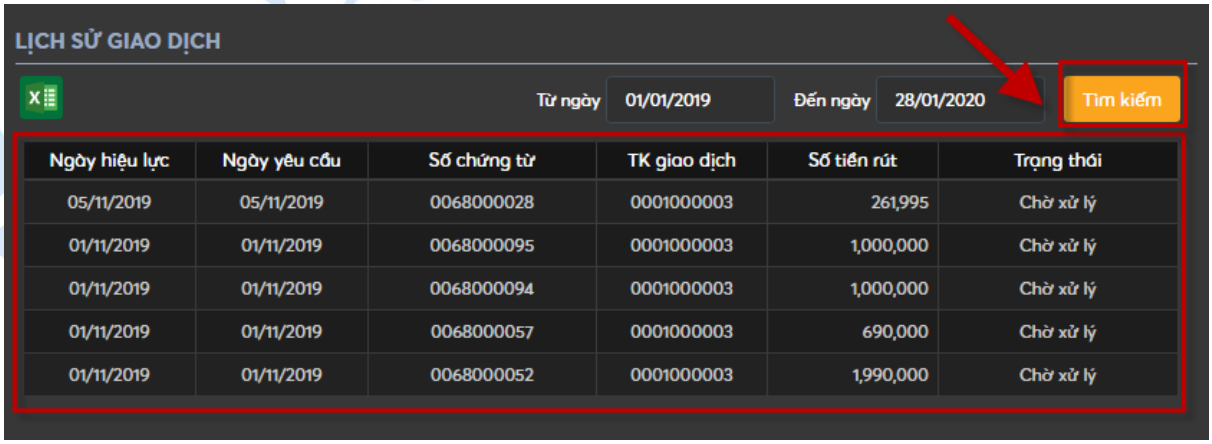

Ngày hiệu lực	Ngày yêu cầu	Số chứng từ	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
05/11/2019	05/11/2019	0068000028	0001000003	261,995	Chờ xử lý
01/11/2019	01/11/2019	0068000095	0001000003	1,000,000	Chờ xử lý
01/11/2019	01/11/2019	0068000094	0001000003	1,000,000	Chờ xử lý
01/11/2019	01/11/2019	0068000057	0001000003	690,000	Chờ xử lý
01/11/2019	01/11/2019	0068000052	0001000003	1,990,000	Chờ xử lý

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 5 để tùy chỉnh theo ý muốn.
+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 1 2 3

Bước 3: Chọn vào nút để kết xuất ra file Excel.

e. Tất toán nợ thấu chi

Thông tin giao dịch

Trên thanh Menu nhấn chọn "**Tiện ích**" => "**Tất toán nợ thấu chi**":

Mô tả: Mục đích cho khách hàng thực hiện tất toán nợ thấu chi

Màn hình thông tin giao dịch sẽ load lên các thông tin về số dư tiền khả dụng đang có, nợ gốc, nợ lãi, tổng nợ phải trả.

Bước 1. Nhập số tiền trả nợ.

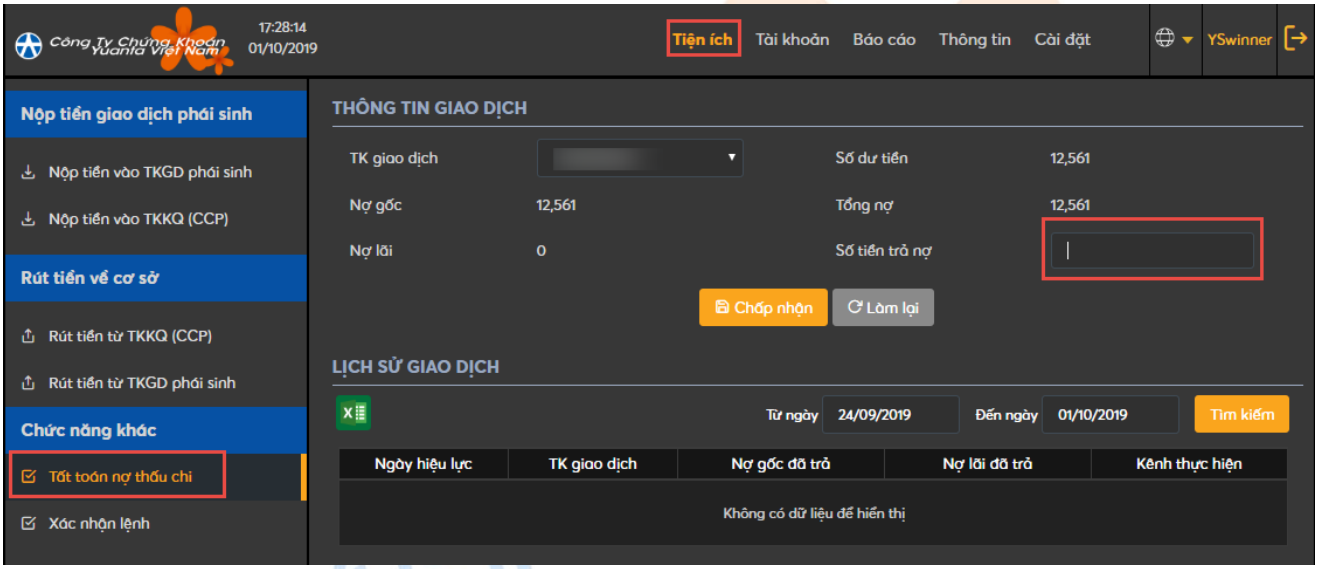

Lưu ý: Số tiền trả nợ phải nhỏ hơn hoặc bằng tổng nợ.

Bước 2.

- Nhấn nút Chấp nhận để thực hiện tất toán nợ thấu chi => Hiển thị thông báo "Giao dịch thành công!"

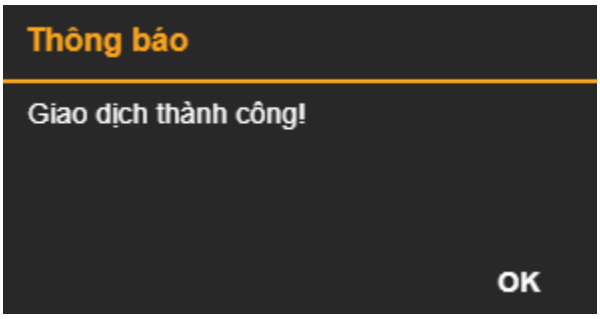

Bước 3. Nhấn nút OK để hoàn thành giao dịch rút tiền.

Nhấn nút Làm lại *để thực hiện lại tất toán nợ thấu chi.*

Lịch sử giao dịch

Bước 1: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày
- Đến ngày

Bước 2: Chọn nút Tìm kiếm để hiển thị thông tin tra cứu.

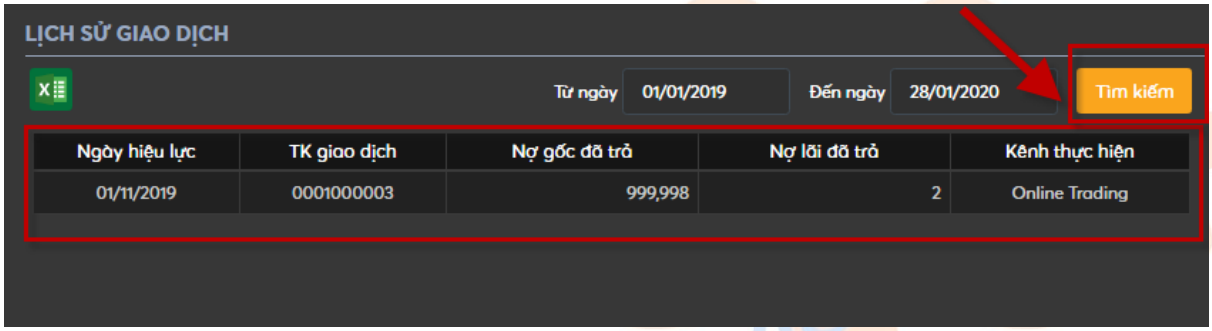

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 5 để tùy chỉnh theo ý muốn.
+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 1 2

Bước 3: Chọn vào nút để kết xuất ra file Excel.

f. Xác nhận lệnh:

Thông tin giao dịch

Trên thanh Menu nhấn chọn "**Tiện ích**" => "**Xác nhận lệnh**"

Mô tả: Mục đích cho khách hàng thực hiện xác nhận lệnh do môi giới đặt. Màn hình thông tin giao dịch sẽ load lên các thông tin về lệnh do môi giới đặt chưa xác nhận như: ngày đặt, tài khoản giao dịch, mã phái sinh, loại lệnh, giá, khối lượng, số hiệu lệnh.

Bước 1. Chọn lệnh cần xác nhận hoặc chọn tất cả.

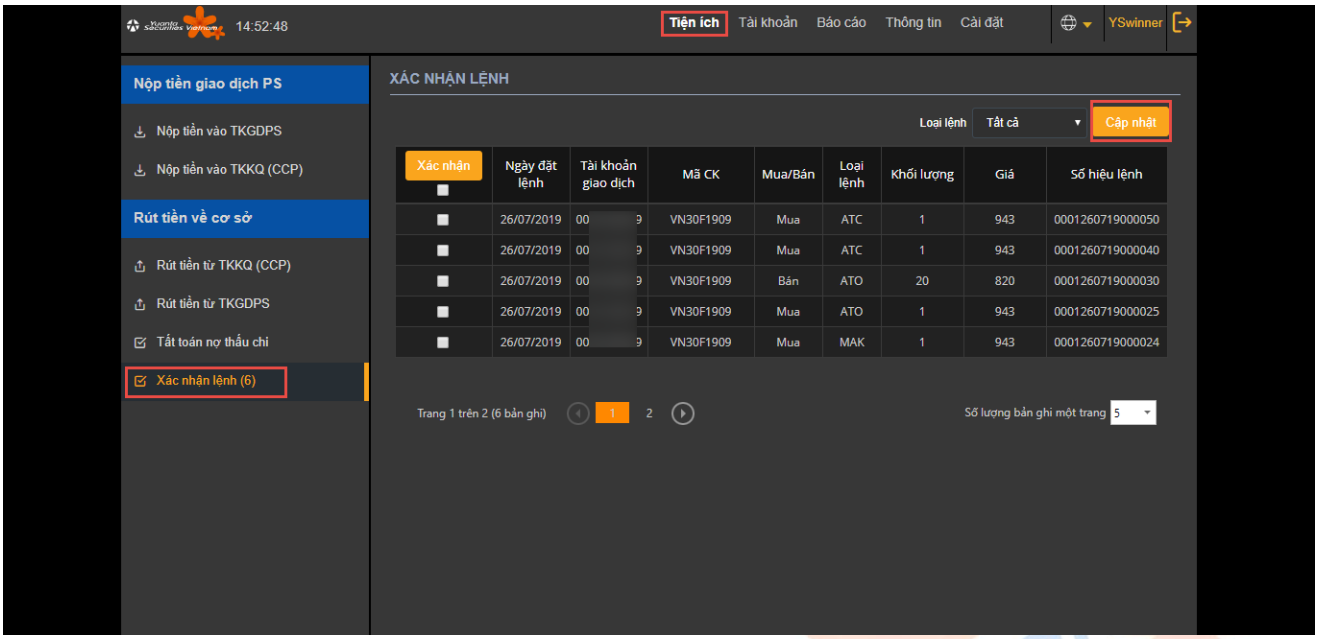

Bước 2.

- Nhấn nút 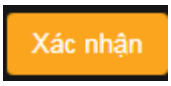

hiển thị màn hình nhập PIN

+ Nhấn nút "Đóng" để thoát khỏi màn hình *hoặc*
+ Nhấn nút "Chấp nhận" để xác nhận lệnh ➔ Hiển thị thông báo thành công như bên dưới

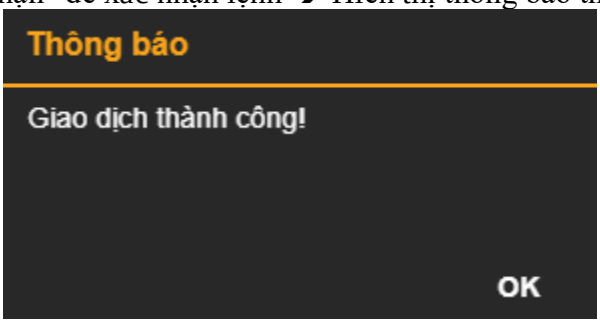

Bước 3. Nhấn nút

để hoàn thành giao dịch xác nhận lệnh

3.1.2.2. Tab Tài khoản

a. Tổng hợp tài khoản

Trên thanh menu chọn Tab "**Tài khoản**" => "**Tổng hợp tài khoản**".

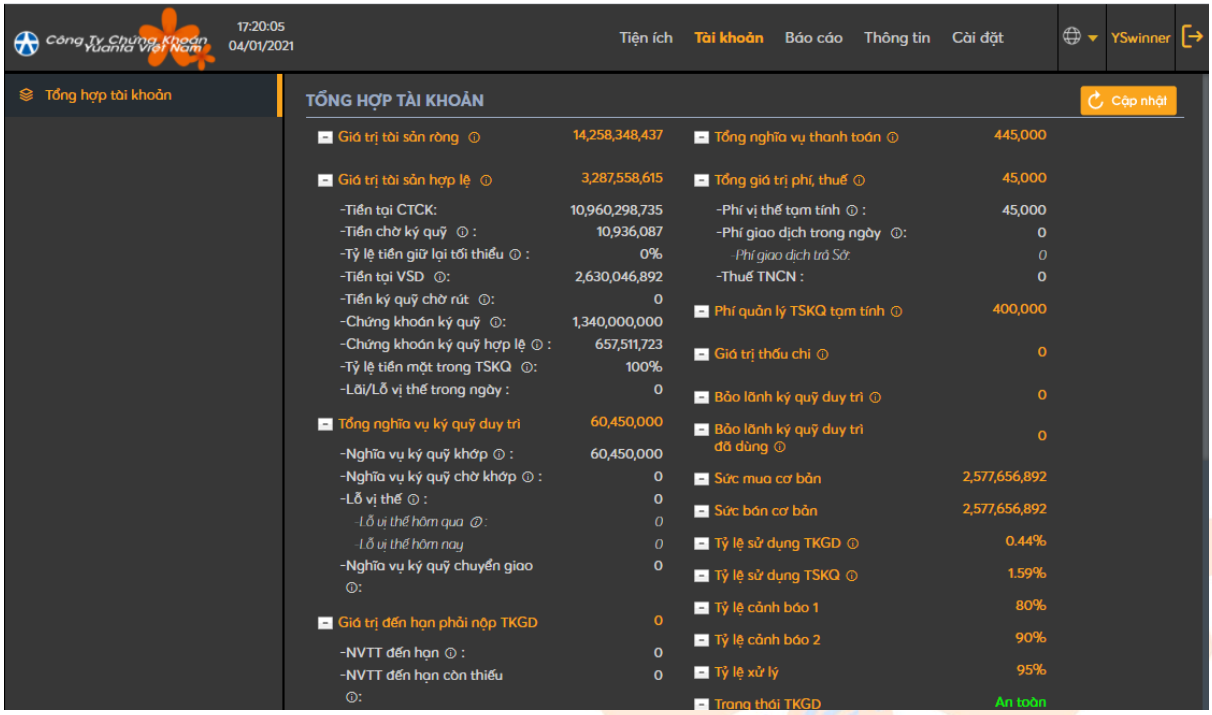

Tổng hợp tài khoản

Mô tả: Màn hình "Tổng hợp tài khoản" là màn hình tra cứu tổng hợp, cho phép khách hàng tra cứu được số dư tiền, giá trị chứng khoán, giá trị tài sản, nghĩa vụ ký quỹ, phí, tổng nợ của khách hàng v.v....

Bước 1: Nhìn màn hình "Tổng hợp tài khoản". Màn hình thể hiện các thông tin tổng hợp của TKGD mà khách hàng đã chọn TKGD mặc định ở tab Cài đặt/Thiết lập tài khoản mặc định.

Bước 2: Tại các trường thông tin có nhánh con, chọn nút để hiển thị chi tiết:

Tên trường	Ý nghĩa
Giá trị tài sản ròng	Tiền tại CTCK - Giá trị Thấu chi - Tổng giá trị phí,thuế +Tiền tại VSD + Tiền chờ ký quỹ + Tiền ký quỹ chờ rút + Chứng khoán ký quỹ hợp lệ + Lãi vị thế hoặc - Lỗ vị thế
Giá trị tài sản hợp lệ	Tiền tại VSD + min (Chứng khoán ký quỹ, (1- Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ) * (Max (0, Tiền tại VSD)/ Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ))
Tiền tại VSD	Tiền đã nộp ký quỹ tại VSD
Tiền chờ ký quỹ	Tiền đã nộp ký quỹ nhưng chưa được VSD duyệt
Tỷ lệ tiền kí quỹ VSD	Tỷ lệ tiền giữ lại tại CTCK để thanh toán các nghĩa vụ phí, thuế phát sinh

Tên trường	Ý nghĩa
Tiền tại VSD	Tiền đã nộp ký quỹ tại VSD
Tiền ký quỹ chờ rút	Tiền đã rút ký quỹ nhưng chưa được VSD duyệt
Chứng khoán ký quỹ	Số lượng * Giá tham chiếu * (1-Tỷ lệ giảm trừ) của các HĐ
Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	Min (Chứng khoán ký quỹ, (1- Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ) * (Max (0, Tiền tại VSD)/ Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ))
Tỷ lệ tiền mặt trong tài sản KQ	Tỷ trọng tiền tối thiểu khi tính giá trị tài sản ký quỹ (ví dụ 80%)
Lãi/lỗ vị thế trong ngày	Lãi/lỗ do thực hiện mua/bán vị thế
Tổng nghĩa vụ ký quỹ	Nghĩa vụ ký quỹ khớp+ Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp + Lỗ vị thế + Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao
Nghĩa vụ ký quỹ khớp	Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu của các hợp đồng đã khớp
Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp	Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu của các hợp đồng chưa khớp
Lỗ vị thế	Lỗ vị thế hôm qua + Lỗ vị thế hôm nay
Lỗ vị thế hôm qua	Lỗ vị thế hôm qua khi áp dụng thanh toán lỗ cuối ngày mai (E+1)
Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	Là giá trị ký quỹ chuyển giao áp dụng cho các mã phái sinh có giao hàng vật chất và các vị thế từ ngày giao dịch cuối cùng (Expired date) đến ngày thanh toán cuối cùng (Settlement date).
Giá trị đến hạn phải nộp TKGD	
NVTT đến hạn	Max (Lỗ vị thế hôm qua + Giá trị thấu chi - Lãi vị thế; 0)
NVTT đến hạn còn thiếu	Max (Lỗ vị thế hôm qua + Giá trị thấu chi - Tiền tại CTCK - Lãi vị thế; 0)
Giá trị bổ sung TKGD	Số tiền cần nộp để đưa tỷ lệ DTA về ngưỡng an toàn
Giá trị ký quỹ đến hạn phải bổ sung VSD	Số tiền cần ký quỹ để đưa tỉ lệ DMA về ngưỡng an toàn
Tổng nghĩa vụ thanh toán	Lỗ vị thế hôm nay + Tổng Giá trị phí, thuế + NVTT đến hạn + Phí quản lý TSKQ tạm tính
Tổng giá trị phí, thuế	Phí vị thế tạm tính + Phí giao dịch trong ngày + Thuế TNCN

Tên trường	Ý nghĩa
Phí vị thế tạm tính	Phí quản lý vị thế tạm tính để trả VSD
Phí giao dịch trong ngày	Phí giao dịch CTCK thu + Phí giao dịch trả Sở
Phí giao dịch trả Sở	Phí giao dịch trả Sở
Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
Phí quản lý TSKQ tạm tính	Phí quản lý TSKQ tạm tính để trả VSD
Giá trị thấu chi	Nợ gốc thấu chi + Lãi thấu chi
Bảo lãnh ký quỹ duy trì	CTCK bảo lãnh tiền cho KH nộp ký quỹ
Bảo lãnh ký quỹ duy trì đã dùng	Giá trị bão lãnh đã dùng để nộp ký quỹ
Sức mua cơ bản	Sức mua cơ bản
Sức bán cơ bản	Sức bán cơ bản
Tỷ lệ sử dụng TKGD	Là tỷ lệ giữa tổng giá trị ký quỹ yêu cầu so với Giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ trên TK giao dịch.
Tỷ lệ sử dụng TSKQ	Là tỷ lệ giữa tổng giá trị ký quỹ yêu cầu so với Giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ trên TK ký quỹ.
Tỷ lệ cảnh báo 1	Tỷ lệ cảnh báo 1 tầng DTA
Tỷ lệ cảnh báo 2	Tỷ lệ cảnh báo 2 tầng DTA
Tỷ lệ xử lý	Tỷ lệ xử lý tầng DTA
Trạng thái TKGD	Trạng thái tài khoản giao dịch

Chứng khoán kí quỹ

***Mô tả*:** Màn hình "Chứng khoán ký quỹ" là màn hình tra cứu tổng hợp, cho phép khách hàng tra cứu được số dư chứng khoán ký quỹ làm TSĐB.

Nhìn màn hình **"Chứng khoán ký quỹ".** Màn hình thể hiện thông tin các mã chứng khoán ký quỹ của TKGD mà khách hàng đã chọn TKGD mặc định ở tab Cài đặt/Thiết lập tài khoản mặc định.

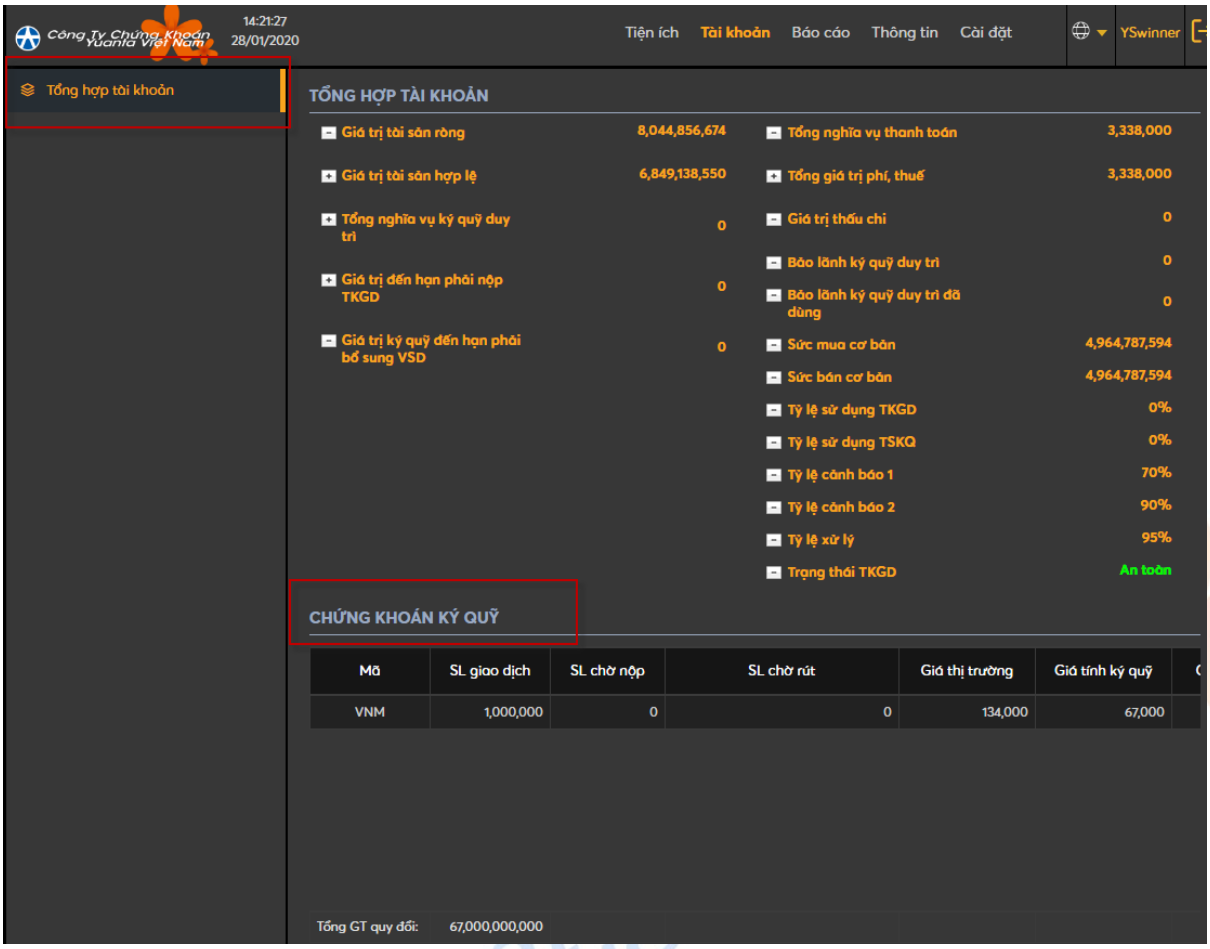

Giải thích các trường trên màn hình:

Tên trường	Ý nghĩa
Chứng khoán ký quỹ	
Mã Chứng khoán	Mã chứng khoán ký quỹ
Số lượng giao dịch	Số lượng CK ký quỹ
Số lượng chờ nộp	Số lượng chờ nộp ký quỹ
Số lượng chờ rút	Số lượng chờ rút ký quỹ
Giá thị trường	Giá trị trường
Giá tính ký quỹ	Giá tính ký quỹ

GT thị trường	Giá trị thị trường = số lượng giao dịch * giá thị trường
TL ký quỹ giảm trừ	Tỷ lệ giảm trừ tài sản để tính ra giá tàn sản
Giá tính ký quỹ	Giá tính tài sản = min(giá trong rổ, giá trị trường) * (1-tỷ lệ ký quỹ giảm trừ)
GT quy đổi	Giá trị quy đổi theo giá tài sản = Số lượng giao dịch * giá tính ký quỹ

3.1.2.3. Tab Báo cáo

a. Lịch sử khớp lệnh

Thanh menu chọn Tab "Báo cáo" => "Lịch sử khớp lệnh"

Mô tả: Báo cáo "Lịch sử khớp lệnh" cho phép khách hàng xem được lịch sử của các lệnh mua/bán đã khớp lệnh thành công.

Bước 1. Chọn TKGD cần xem lịch sử khớp lệnh từ combobox.

Bước 2. Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày
- Mã CK: Nhập 1 mã HĐTL hoặc để ALL hệ thống sẽ mặc định là tất cả các mã HĐTL.
- Loại giao dịch: Tất cả/ Mua/ Bán.

Bước 3. Nhấn nút Tìm kiếm để tra cứu thông tin

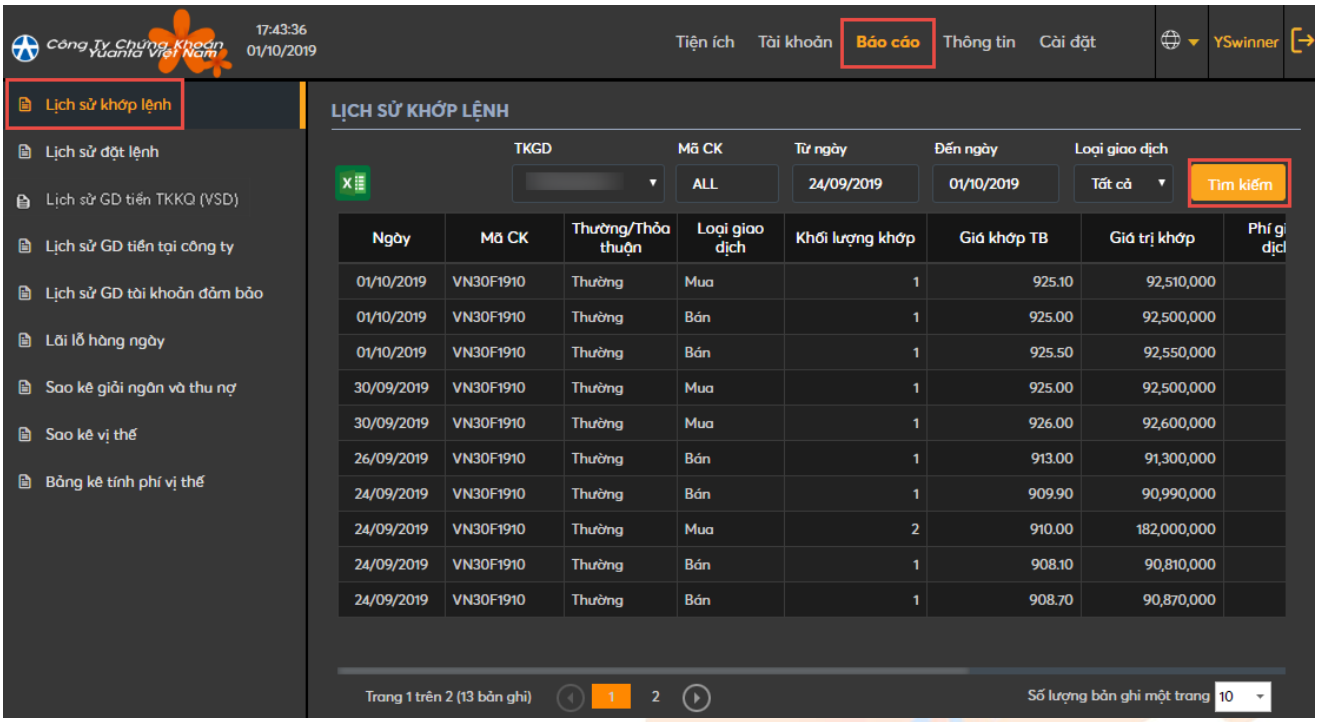

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 5 để tùy chỉnh theo ý muốn.
+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 1 2 3

Bước 4: Chọn vào nút để xuất dữ liệu ra file Excel.

b. Lịch sử đặt lệnh

Thanh menu chọn Tab "**Báo cáo**" => "**Lịch sử đặt lệnh**"

Mô tả: Báo cáo "Lịch sử đặt lệnh", cho phép khách hàng xem được lịch sử của các lệnh mua/bán đã đặt.

Bước 1. Chọn TKGD cần xem lịch sử đặt lệnh từ combobox.

Bước 2. Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày
- Mã CK: Nhập 1 mã HĐTL hoặc để trống hệ thống sẽ mặc định là tất cả các mã HĐTL.
- Loại giao dịch: Tất cả/ Mua/ Bán.

Bước 3. Nhấn nút Tìm kiếm để tra cứu thông tin.

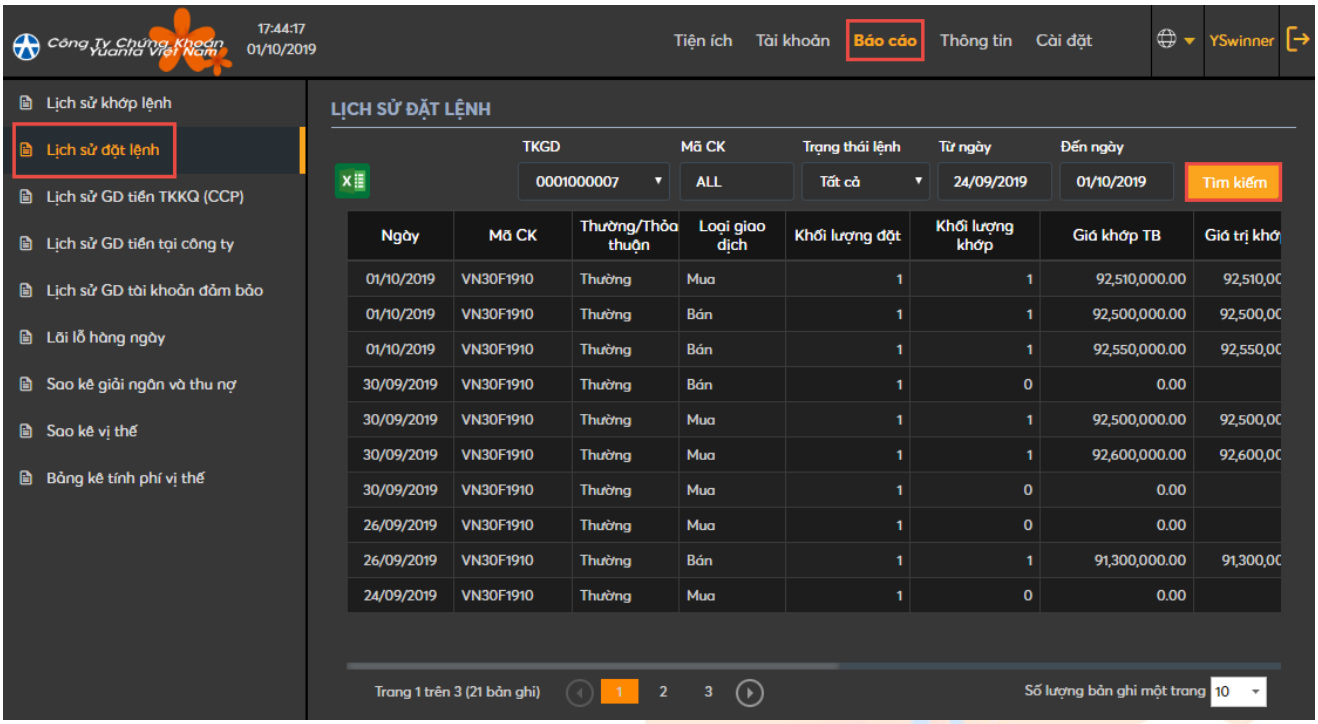

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.
+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

Bước 4: Chọn vào nút để xuất dữ liệu ra file Excel.

c. Lịch sử GD tiền TKKQ (VSD)

Thanh menu chọn Tab "**Báo cáo**" => "Lịch sử GD tiền TKKQ (VSD)"

Mô tả: Báo cáo "Lịch sử giao dịch tiền TK ký quỹ (VSD)", cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch và số dư tiền mà VSD quản lý.

Bước 1. Chọn TKGD cần xem lịch sử giao dịch tiền do VSD quản lý từ combobox.

Bước 2. Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày

Bước 3. Nhấn nút Tìm kiếm để hiển thị thông tin.

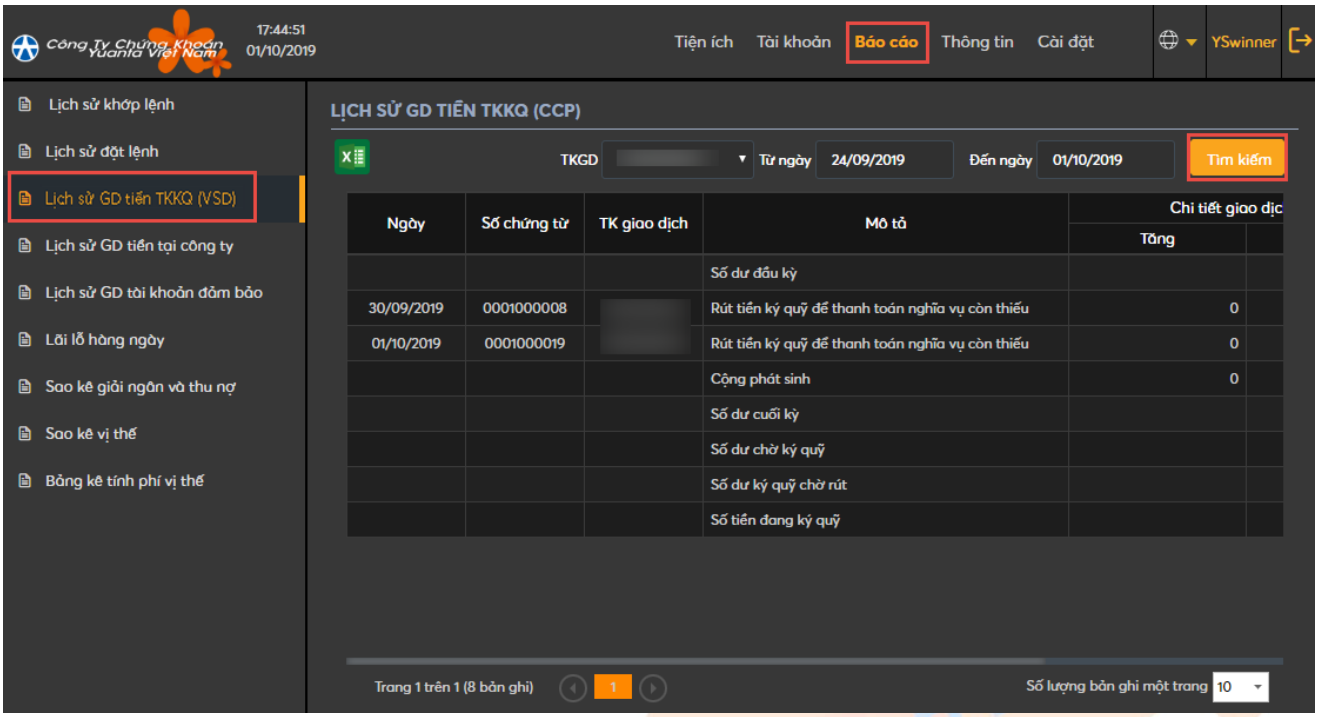

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.
+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

Bước 4: Chọn vào nút để xuất dữ liệu ra file Excel.

d. Lịch sử GD tiền tại công ty

Thanh menu chọn Tab "**Báo cáo**" => "**Lịch sử GD tiền tại công ty**".

Mô tả: Báo cáo "Lịch sử GD tiền tại công ty" cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch và số dư tiền mà công ty chứng khoán quản lý.

Bước 1. Chọn TKGD cần xem lịch sử giao dịch tiền do VSD quản lý.

Bước 2. Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày

Bước 3. Nhấn nút để hiển thị thông tin.

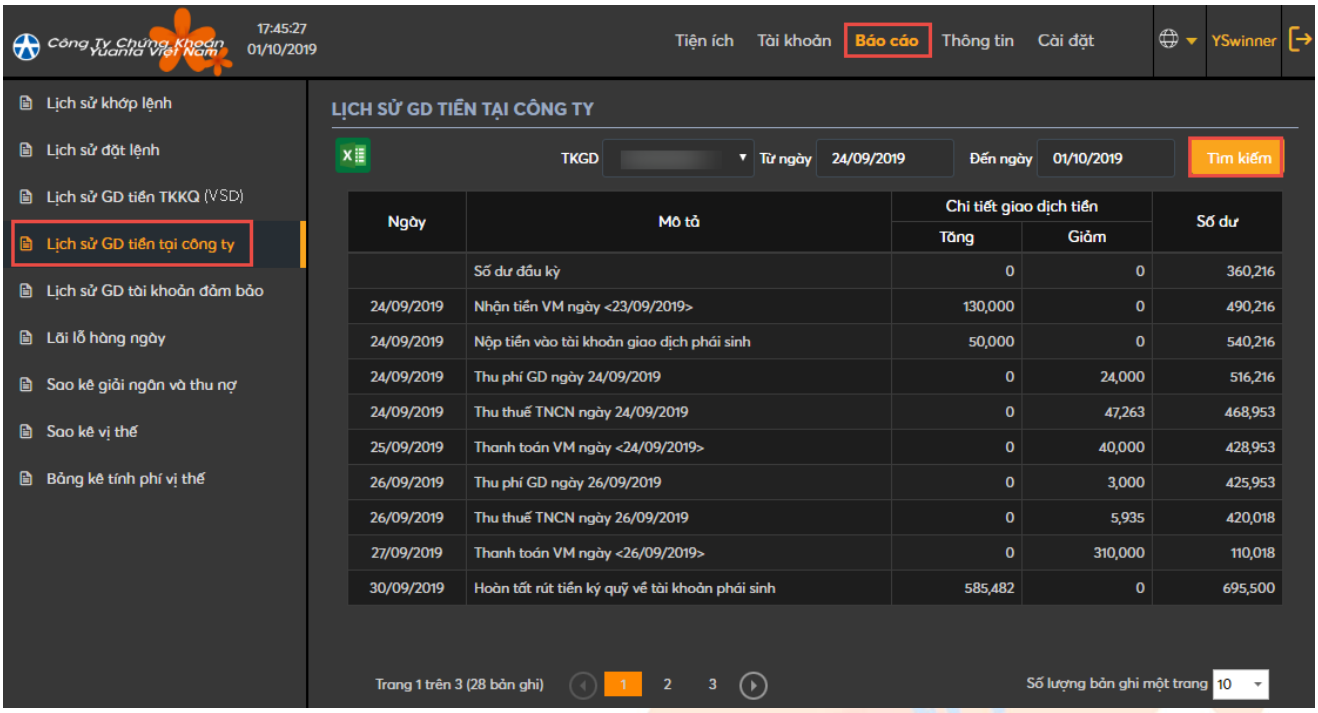

Ngày	Mô tả	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư
		Tăng	Giảm	
	Số dư đầu kỳ	0	0	360,216
24/09/2019	Nhận tiền VM ngày <23/09/2019>	130,000	0	490,216
24/09/2019	Nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh	50,000	0	540,216
24/09/2019	Thu phí GD ngày 24/09/2019	0	24,000	516,216
24/09/2019	Thu thuế TNCN ngày 24/09/2019	0	47,263	468,953
25/09/2019	Thanh toán VM ngày <24/09/2019>	0	40,000	428,953
26/09/2019	Thu phí GD ngày 26/09/2019	0	3,000	425,953
26/09/2019	Thu thuế TNCN ngày 26/09/2019	0	5,935	420,018
27/09/2019	Thanh toán VM ngày <26/09/2019>	0	310,000	110,018
30/09/2019	Hoàn tất rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh	585,482	0	695,500

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 5 để tùy chỉnh theo ý muốn.

+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

Bước 4: Chọn vào nút để xuất dữ liệu ra file Excel.

e. Lịch sử GD tài sản đảm bảo

Thanh menu chọn Tab "**Báo cáo**" => "**Lịch sử GD tài sản đảm bảo**".

Mô tả: Báo cáo "Lịch sử GD tài sản đảm bảo" cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch chứng khoán ký quỹ mà khách hàng dùng làm tài sản đảm bảo.

Bước 1. Chọn TKGD cần xem lịch sử giao dịch tài sản đảm bảo.

Bước 2. Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày

Bước 3. Nhấn nút Tìm kiếm để hiển thị thông tin.

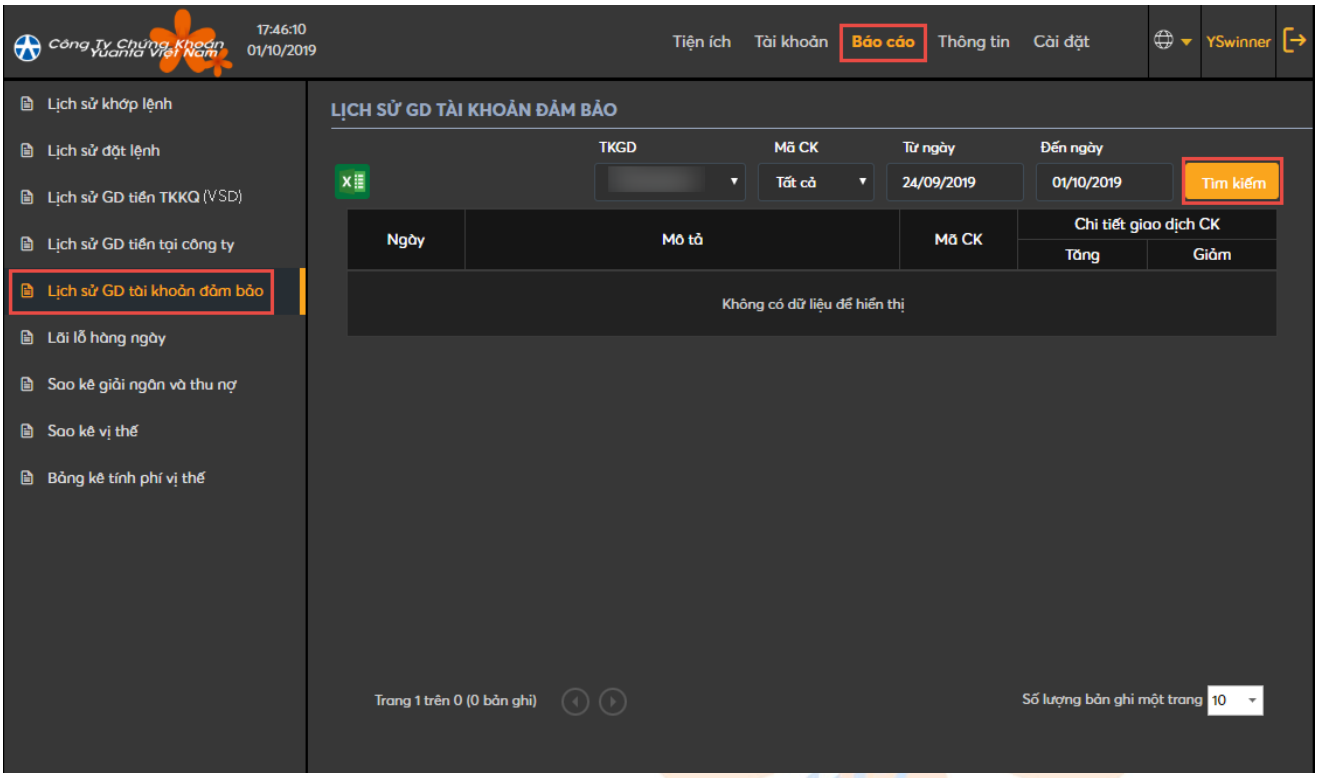

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 5 để tùy chỉnh theo ý muốn.

+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 1 2 3

Bước 4: Chọn vào nút để xuất dữ liệu ra file Excel.

f. Lãi lỗ hàng ngày

Thanh menu chọn Tab "**Báo cáo**" => "**Lãi lỗ hàng ngày**".

Mô tả: Báo cáo "Lãi lỗ hàng ngày" cho phép khách hàng xem được lịch sử lãi/lỗ phát sinh hàng ngày từ việc thực hiện mua/bán chứng khoán phái sinh

Bước 1. Chọn TKGD cần xem lịch sử lãi/lỗ hàng ngày.

Bước 2. Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày
- Mã CK: Nhập 1 mã HĐTL hoặc để ALL hệ thống sẽ mặc định là tất cả các mã HĐTL.

Bước 3. Nhấn nút Tìm kiếm để hiển thị thông tin.

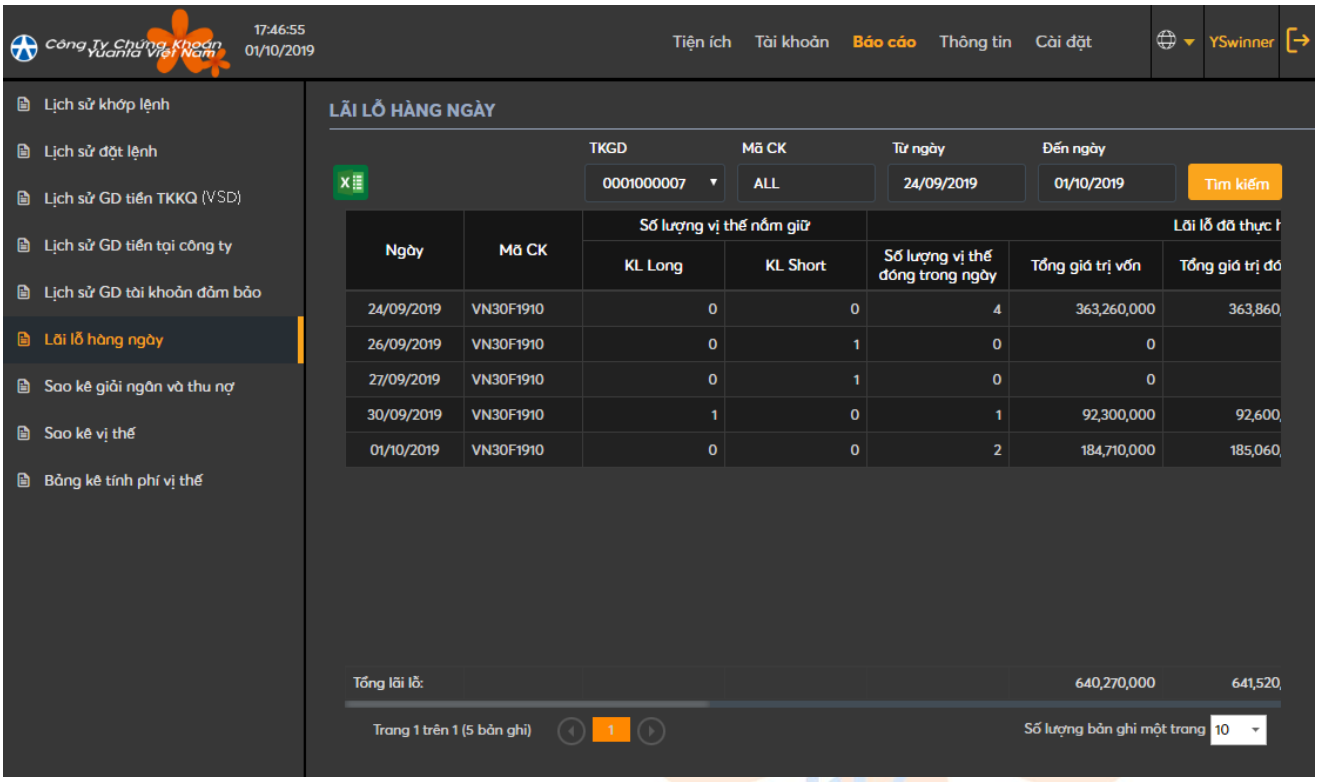

Lưu ý: Lãi lỗ hàng ngày = Giá trị lãi lỗ đã thực hiện + giá trị lãi lỗ chưa thực hiện

Giải thích các trường trên màn hình:

Tên trường	Ý nghĩa
Số lượng vị thế nắm giữ	
KL Long	Khối lượng vị thế Long chưa đóng
KL Short	Khối lượng vị thế Short chưa đóng
Lãi lỗ đã thực hiện	
Số lượng vị thế đóng trong ngày	Số lượng vị thế đóng trong ngày
Tổng giá trị vốn	Tổng giá trị vốn
Tổng giá trị đóng	Tổng giá trị đóng
Giá trị lãi/lỗ	Giá trị lãi/lỗ

% lãi/lỗ	% lãi/lỗ
Lãi lỗ chưa thực hiện	
KL Long	Khối lượng vị thế mở Long
Giá Long	Giá Long
KL Short	Khối lượng vị thế mở Short
Giá Short	Giá Short
Giá DSP	Giá DSP
Giá trị lãi/lỗ	Giá trị lãi/lỗ của vị thế chưa đóng
% Lãi Lỗ	% Lãi Lỗ của vị thế chưa đóng
Lãi lỗ hàng ngày	Lãi lỗ hàng ngày = Giá trị lãi lỗ đã thực hiện + giá trị lãi lỗ chưa thực hiện

Bước 4: Chọn vào nút để xuất dữ liệu ra file Excel.

g. Sao kê giải ngân và thu nợ thấu chi

Thanh menu chọn Tab "**Báo cáo**" => "**Sao kê giải ngân và thu nợ thấu chi**"

Mô tả: "Sao kê giải ngân và thu nợ thấu chi" cho phép khách hàng theo dõi chi tiết việc giải ngân và trả nợ các món vay thấu chi.

Bước 1. Chọn TKGD từ ô combobox cần xem sao kê.

Bước 2. Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày

Bước 3. Nhấn nút Tìm kiếm để hiển thị thông tin.

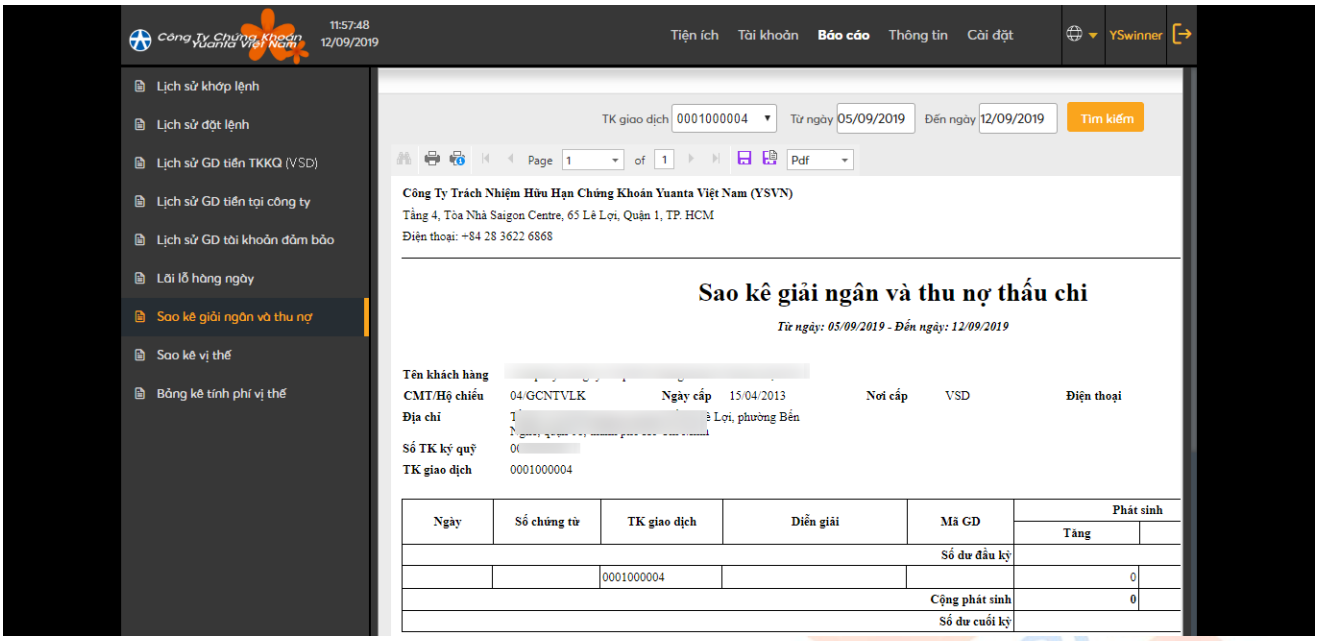

Bước 4. In và xuất file sao kê giải ngân và thu nợ thấu chi

- Chọn để thực hiện việc IN sao kê.
- Chọn để xuất ra file theo các định dạng : Pdf, Xls, Xlsx, Rtf, Mht, Html, Text, Csv, Image.

h. Sao kê vị thế

Thanh menu chọn Tab "**Báo cáo**" => "**Sao kê vị thế**"

Bước 1. Chọn TKGD cần xem sao kê vị thế từ ô combobox.

Bước 2. Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày
- Mã CK cơ sở: Nhập 1 mã HĐTL hoặc "ALL" hệ thống sẽ mặc định là tất cả các mã HĐTL.
- Mã CK: Nhập 1 mã HĐTL hoặc "ALL" hệ thống sẽ mặc định là tất cả các mã HĐTL.
- Mã GD.

Bước 3. Nhấn nút để hiển thị thông tin.

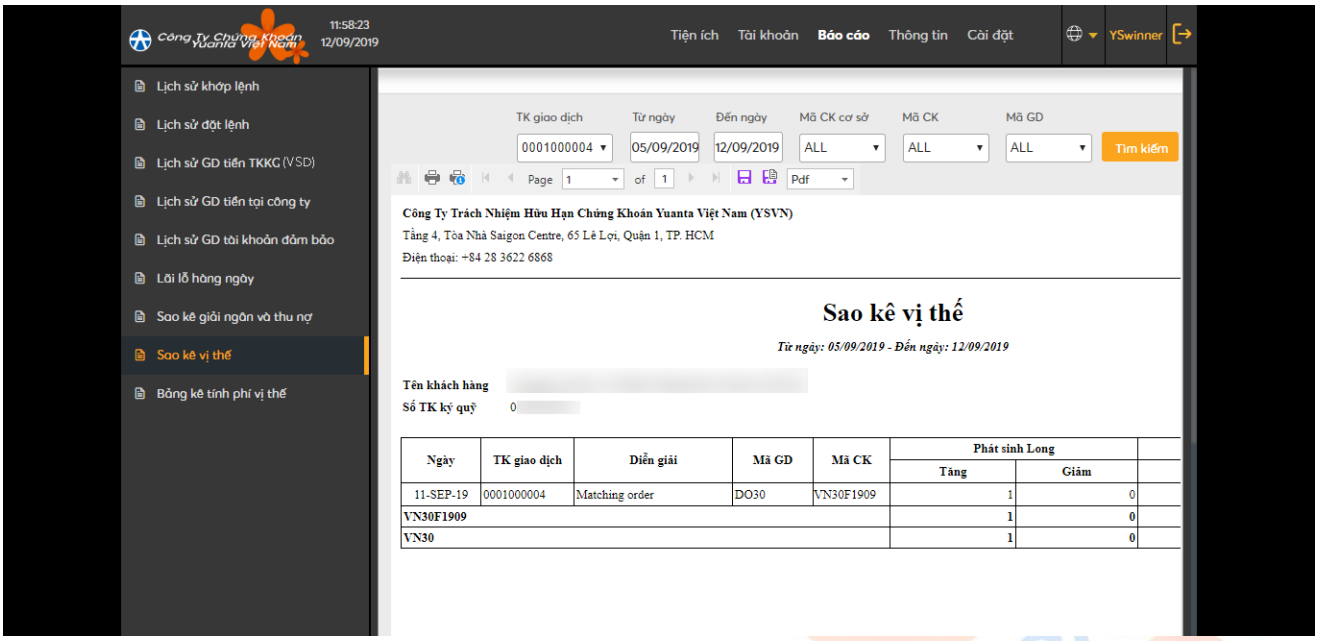

Bước 4. In và xuất file sao kê giải ngân và thu nợ thấu chi

- Chọn để thực hiện việc IN sao kê vị thế
- Chọn để xuất ra file theo các định dạng : Pdf, Xls, Xlsx, Rtf, Mht, Html, Text, Csv, Image.

i. Bảng kê tính phí vị thế

Thanh menu chọn Tab "**Báo cáo**" => "**Bảng kê tính phí vị thế**"

Bước 1. Chọn TKGD cần xem sao kê vị thế từ ô combobox.

Bước 2. Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày

Bước 3. Nhấn nút để hiển thị thông tin "Bảng kê tính phí vị thế"

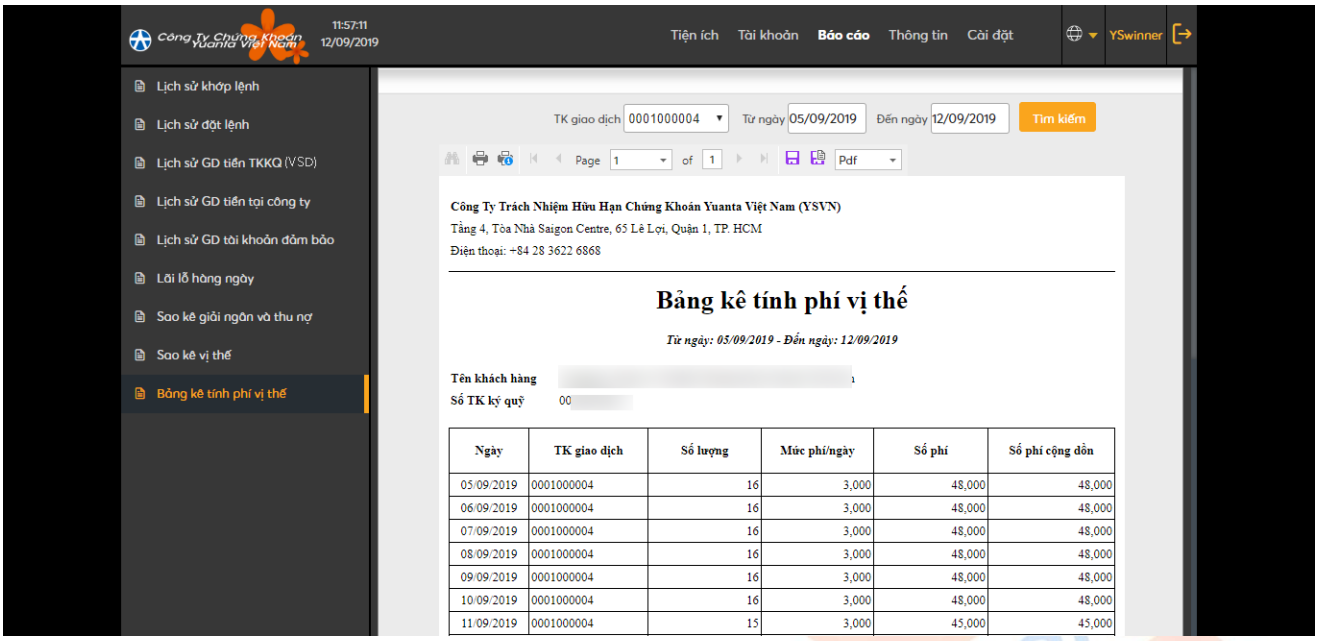

Bước 4. In và xuất file sao kê giải ngân và thu nợ thấu chi

- Chọn để thực hiện việc IN sao kê vị thế
- Chọn để xuất ra file theo các định dạng : Pdf, Xls, Xlsx, Rtf, Mht, Html, Text, Csv, Image.

3.1.1.4. Tab Thông tin

❖ Thông tin khách hàng

Thanh menu chọn Tab "Cài đặt" => "Thông tin khách hàng"

- Màn hình hiện thị các thông tin cơ bản của khách hàng.

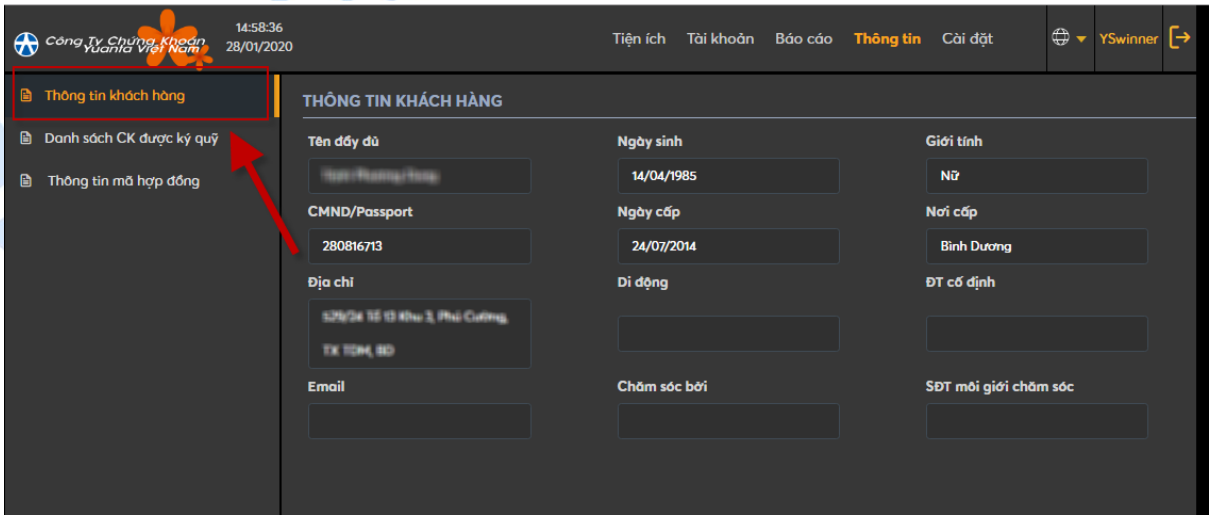

Giải thích các trường:

Tên trường	Ý nghĩa
Thông tin khách hàng	
Tên đầy đủ	Họ và tên của khách hàng
Ngày sinh	Ngày sinh trên CMND
Giới tính	Giới tính trên CMND
CMND/Passport	Số CMND/Passport khác hàng cung cấp
Ngày cấp	Ngày cấp ghi trên CMND
Nơi cấp	Nơi cấp ghi trên CMND
Địa chỉ	Địa chỉ do khách hàng cung cấp
Di động	Số điện thoại di động của khác hàng
ĐT cố định	Số điện thoại cố định của khác hàng
Email	Địa chỉ email khách hàng đã cung cấp
Chăm sóc bởi	Môi giới được gán cho khách hàng
SĐT môi giới chăm sóc	Số điện thoại của môi giới chăm sóc tài khoản của khách hàng

❖ Danh sách CK được kí quỹ

Thanh menu chọn Tab "**Thông tin**" => "**Danh sách chứng khoán được ký quỹ**"

Bước 1. Tại thanh menu chọn tab "Thông tin" => "Danh sách chứng khoán được ký quỹ". Hiển thị màn hình thông tin của các mã chứng khoán.

Giải thích các trường trên màn hình:

Tên trường	Ý nghĩa
SẢN PHẨM	
Mã CK	Mã CK làm tài sản đảm bảo trong rổ
Tỷ lệ giảm trừ (%)	Tỷ lệ giảm trừ tài sản
Giá thị trường	Giá thị trường
Giá tối đa	Giá tối đa trong rổ
Giá tính tài sản	Giá tính tài sản = min (giá tối đa, giá thi trường) * (1- tỷ lệ giảm trừ)

Lưu ý:

+ Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút

để tùy chỉnh theo ý muốn.

+ Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

Bước 2: Chọn vào nút để xuất dữ liệu ra file Excel.

❖ Thông tin mã hợp đồng

Thanh menu chọn Tab “Thông tin” => “Thông tin mã hợp đồng”

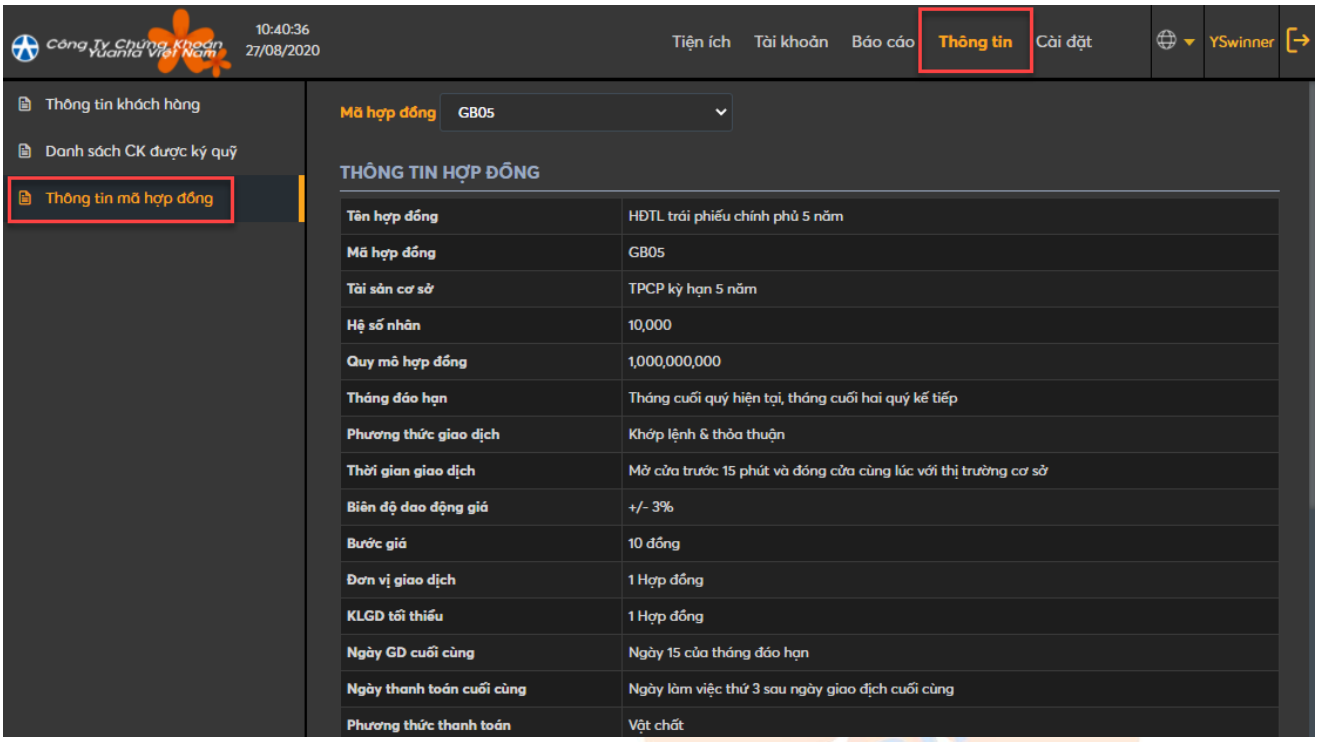

Bước 1: Tại Mã hợp đồng, chọn 1 mã hợp đồng (Tài sản cơ sở) từ combobox:

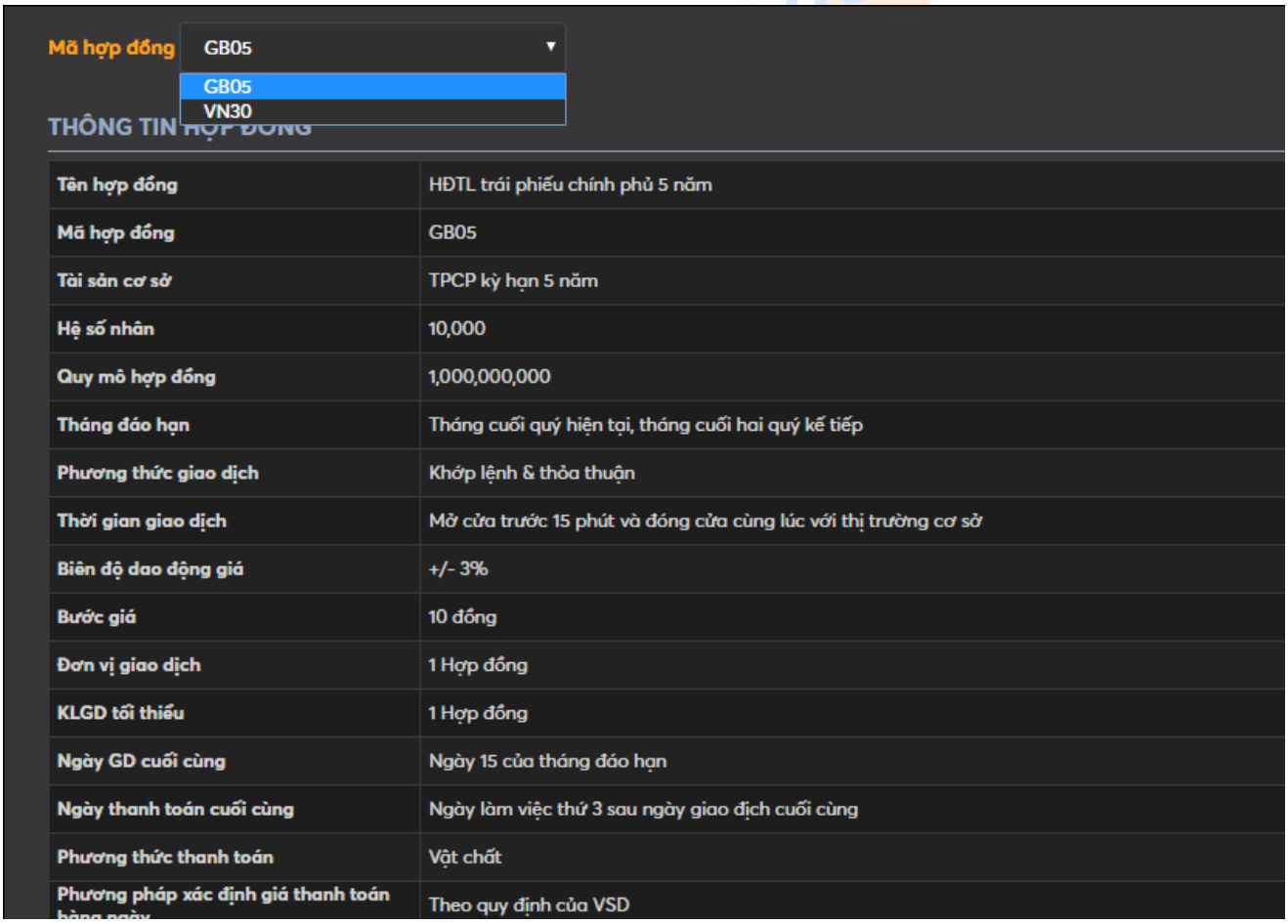

Giải thích các trường trên màn hình:

Tên trường	Ý nghĩa
THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG	
Tên hợp đồng	Tên đầy đủ của hợp đồng
Mã hợp đồng	Mã hợp đồng
Tài sản cơ sở	Tài sản cơ sở của hợp đồng
Hệ số nhân	Hệ số nhân của hợp đồng
Quy mô hợp đồng	Quy mô hợp đồng
Tháng đáo hạn	Các tháng đáo hạn của Mã hợp đồng
Phương thức giao dịch	Phương thức giao dịch của Mã hợp đồng
Thời gian giao dịch	Thời gian giao dịch của Mã hợp đồng
Biên độ giao động giá	Biên độ giao động giá
Bước giá	Bước giá
Đơn vị giao dịch	Đơn vị giao dịch
KLGD tối thiểu	KLGD tối thiểu của mã hợp đồng
Ngày GD cuối cùng	Ngày GD cuối cùng của mã hợp đồng
Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày thanh toán cuối cùng của mã hợp đồng
Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán
Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày	Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày (Theo quy định của VSD)

Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng	Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng
Giá tham chiếu	Giá tham chiếu
Giới hạn vị thế	Giới hạn vị thế của Mã hợp đồng
Mức ký quỹ	Mức ký quỹ của Mã hợp đồng
Ngày niêm yết	Ngày niêm yết của Mã hợp đồng
CÁC MẪU HỢP ĐỒNG HIỆN TẠI	
Mã hợp đồng	Mã hợp đồng
Ngày đáo hạn	Ngày đáo hạn của hợp đồng

3.1.2.5. Tab Cài đặt

a. Thiết lập tài khoản mặc định

- Khi khách hàng mới đăng nhập vào hệ thống, hiển thị TKGD đầu tiên làm tài khoản mặc định
- Khách hàng có thể thay đổi TKGD mặc định bằng cách vào Tab "Cài đặt" → "Thiết lập tài khoản mặc định".
- Chọn TKGD muốn đặt làm mặc định sau đó ấn vào nút Mặc định:

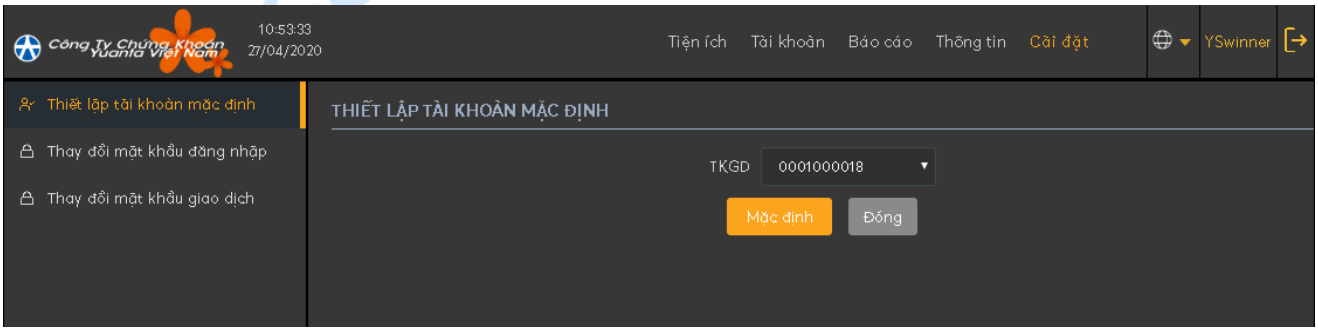

b. Thay đổi mật khẩu đăng nhập

- Bước 1: Nhập mật khẩu đăng nhập hiện tại
- Bước 2: Nhập mật khẩu đăng nhập mới
- Bước 3: Nhập lại mật khẩu đăng nhập mới
- Bước 4: Nhấn Cập nhật để hoàn tất

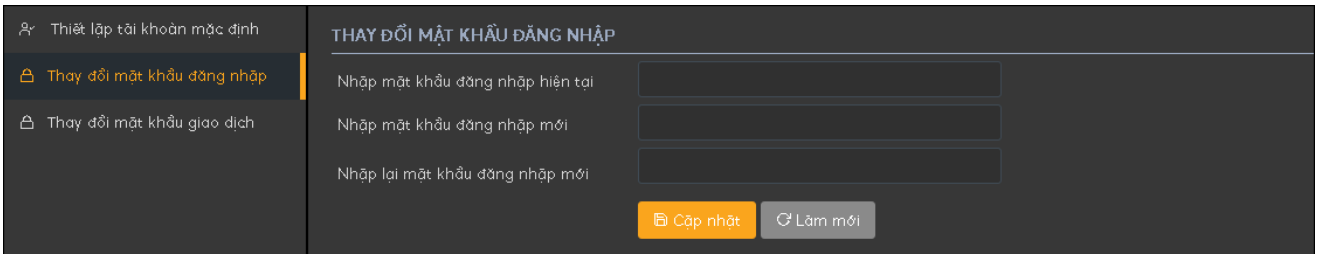

c. Thay đổi mật khẩu giao dịch

- Bước 1: Nhập mật khẩu đặt lệnh (mã PIN) hiện tại
- Bước 2: Nhập mật khẩu đặt lệnh (mã PIN) mới
- Bước 3: Nhập lại mật khẩu đặt lệnh (mã PIN) mới
- Bước 4: Nhấn Cập nhật để hoàn tất

Lưu ý: Chỉ thay đổi mật khẩu giao dịch (mã PIN) khi Khách hàng đang ở kiểu xác thực PIN tĩnh

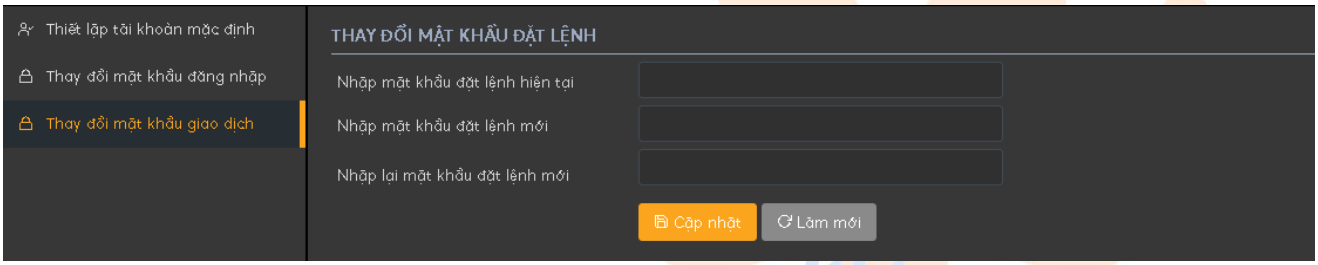

3.1.3. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai

Trên thanh Menu → Chọn vào nút 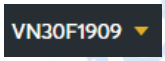

để xem thông tin chi tiết các mã mã HĐTL.

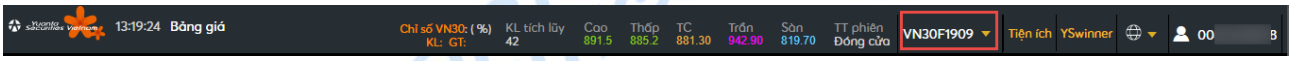

Hiển thị màn hình các mã HĐTL gồm 2 tab: Yêu thích và Chứng khoán phái sinh:

Tab chứng khoán phái sinh

Hiển thị thông tin các mã HĐTL

Tên trường	Ý nghĩa
Mã CK	Mã hợp đồng tương lai
TSCS	Mã Tài sản cơ sở của HĐTL
Ngày đáo hạn	Ngày đáo hạn của HĐTL
OI	Khối lượng vị thể mở OI toàn thị trường

Chọn 1 dòng bất kì để chọn mã HĐTL muốn giao dịch.

Chọn vào nút ★ để chọn mã CK ưa thích:

Tab yêu thích

Chọn vào nút "**Yêu thích**" để hiển thị thông tin các mã CK yêu thích:

3.1.4. Thông tin chi tiết mã TSCS, mã HĐTL

Thông tin mã TSCS

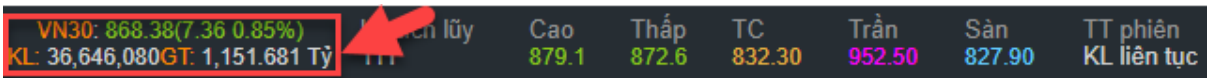

Bao gồm các thông tin:

- Giá thị trường của TSCS.
- Chênh lệch giá thị trường của TSCS.

- % chênh lệch giá thị trường của TSCS.
- Tổng khối lượng giao dịch của TSCS.
- Tổng giá trị giao dịch của TSCS.
- Thông tin mã HĐTL

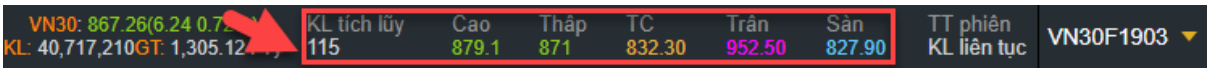

Bao gồm các thông tin chi tiết của mã HĐTL mặc định:

- KL tích lũy: Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch từ đầu ngày đến thời điểm hiện tại.
- Giá trần, giá sàn, giá cao nhất, giá thấp nhất.

Trạng thái phiên

Hiển thị trạng thái phiên tại thời điểm hiện tại

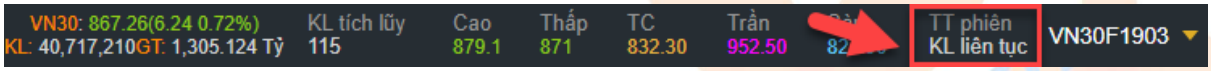

3.2. Khung đồ thị kĩ thuật

Khung đồ thị cho phép Khách hàng quan sát được thị trường và có thể sử dụng phân tích kỹ thuật như 1 công cụ để giao dịch. Các công cụ vẽ cũng như các chỉ báo kỹ thuật cũng được cung cấp đầy đủ từ Bảng công cụ phía trên màn hình.

3.3. Khung thông tin thị trường

Khung hiển thị bao gồm 20 chân giá với khối lượng dự khớp chi tiết và tổng khối lượng hợp đồng giao dịch tại mỗi mức giá. Tại mỗi mức giá đều có cột khối lượng dự khớp để Khách hàng có thể nhận biết rõ hơn các mức giá đang có khối lượng dự khớp cao nhất:

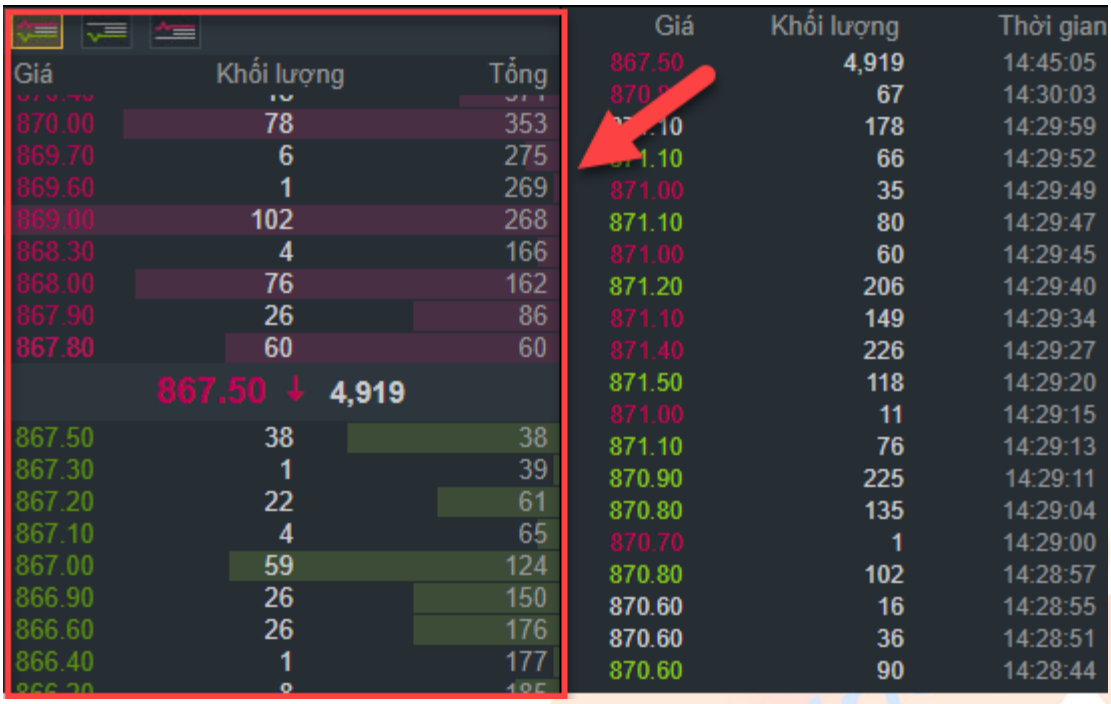

Bên cạnh đó còn có bảng hiển thị giá và khối lượng khớp theo các mốc thời gian khớp lệnh:

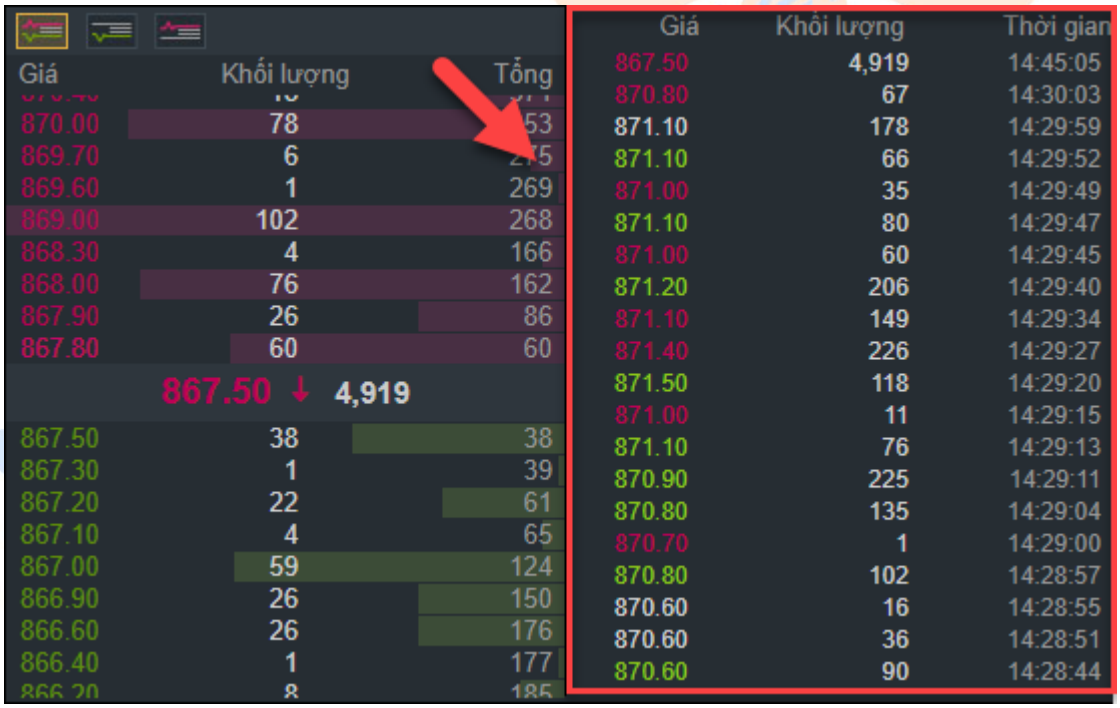

Khách hàng có thể lọc ra thông tin thị trường của mã HĐTL loại mua/bán hoặc cả mua/bán bằng cách chọn các icon ở phần trên khung thông tin thị trường:

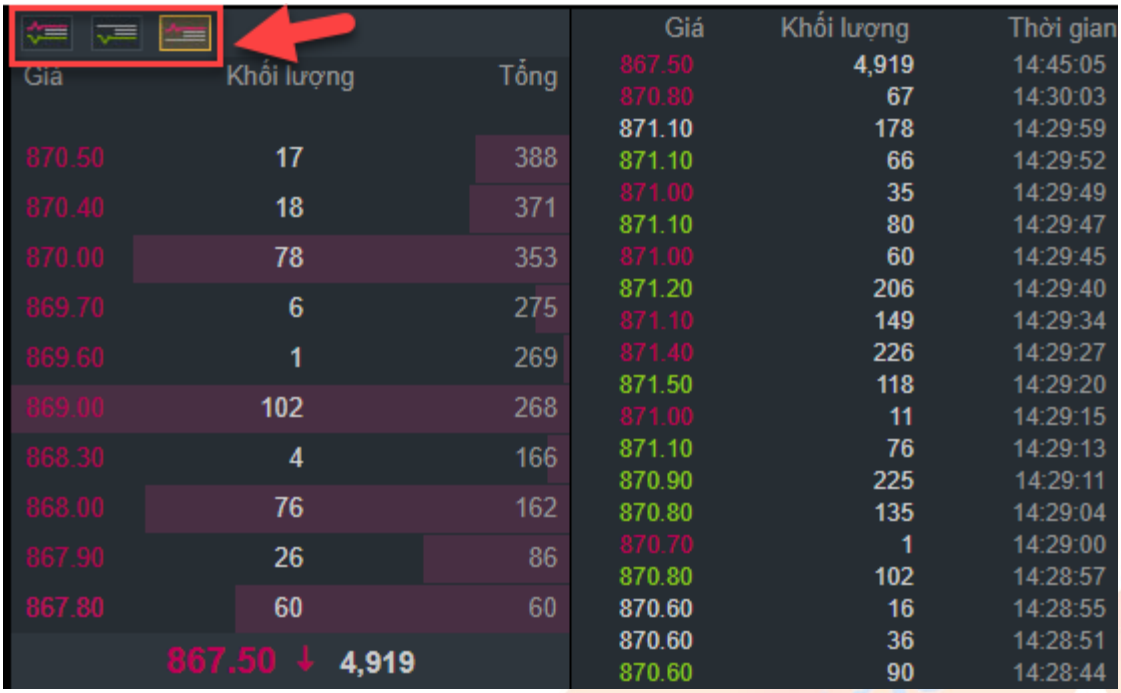

3.4. Khung thông tin vị thế và sổ lệnh

Khung thông tin vị thế bao gồm các cửa sổ nhằm hiển thị đầy đủ và chi tiết nhất về vị thế của khách hàng, trong đó:

3.4.1. Vị thế mở

Bao gồm đầy đủ thông tin của mã hợp đồng tương lai đã/đang chờ khớp cùng thông tin về khối lượng, giá khớp gần nhất, giá vốn, lãi lỗ dự kiến, nghĩa vụ IM của tài khoản đang giao dịch.

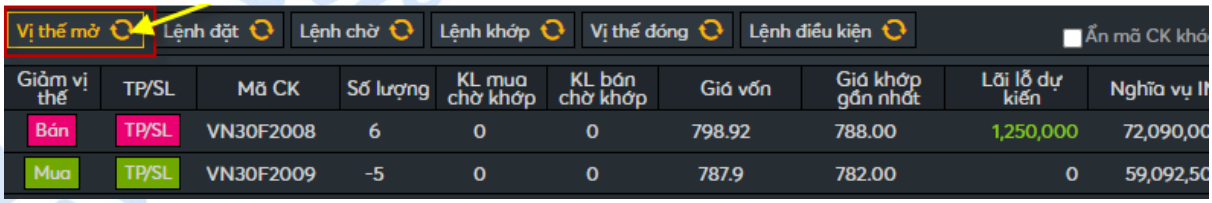

Nhấn chọn nút Bán hoặc Mua để đóng vị thế.

- Chọn Mua/Bán: Hệ thống tự đổi mã HĐTL mặc định là mã HĐTL được chọn. Tại khung đặt lệnh, giá mua tự điền = giá sàn, giá bán tự điền = giá trần, số lượng = số lượng tương ứng để đóng vị thế của mã HĐTL.

- Chọn TP/SL / TP/SL: Hệ thống hiển thị màn hình Chốt lời/ Cắt lỗ.

  - Tài khoản đang nắm giữ vị thế Long → Chọn TP/SL: Hiển thị màn hình "Lệnh Bán"

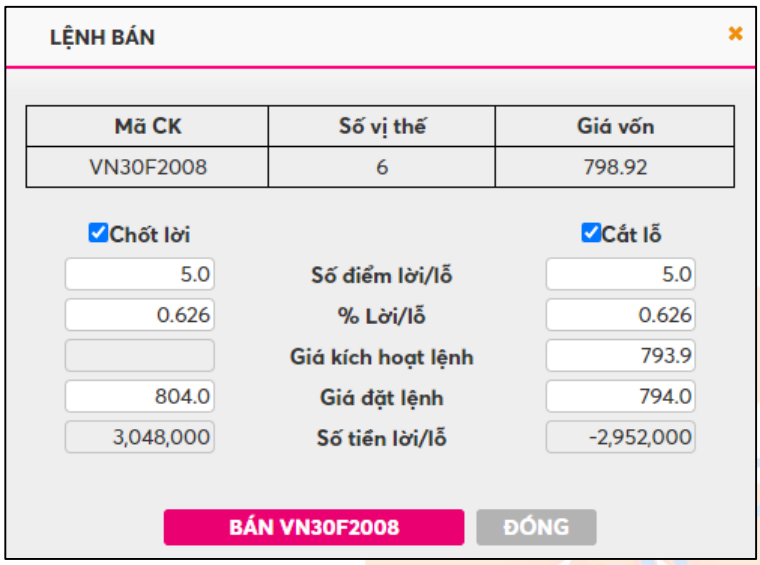

STT	Tên trường	Chốt lời	Cắt lỗ
1	Mã CK	Mã chứng khoán đặt lệnh	
2	Số vị thế	Số lượng vị thế Long khả dụng	
3	Giá vốn	Giá vốn của vị thế đang mở	
4	Dấu tích "Chốt lời", Cắt lỗ"	Có tích: Có chọn đặt lệnh Không tích: Không chọn đặt lệnh	
5	Số điểm lời/ lỗ	Mặc định: Giá khớp gần nhất – Giá vốn + Nếu giá khớp gần nhất – Giá vốn > 5 điểm Số điểm lời (lỗ) = Giá khớp gần nhất – Giá vốn + Nếu giá khớp gần nhất – Giá vốn <= 5 điểm Số điểm lời (lỗ) = 5 Cho phép lại nhập giá trị (đơn vị giá là điểm chỉ số, VD: 0.2 – không chấm hai)	
6	% Lời/lỗ	+ Mặc định: Số điểm lời (lỗ) / Giá vốn * 100 + Cho phép sửa giá trị mặc định	
7	Giá kích hoạt lệnh	Trong trường hợp chốt lời thì không sử dụng trường này	Mặc định: Giá kích hoạt lệnh = Giá vốn – Số điểm lời (lỗ)

STT	Tên trường	Chốt lời	Cắt lỗ
			Cho phép sửa giá trị, tuân thủ các quy định về giá, bước giá
8	Giá đặt lệnh	Mặc định: Giá đặt lệnh = Giá vốn + Số điểm lời (lỗ) Nhập giá đặt lệnh tuân thủ quy định về giá, bước giá Giá đặt lệnh > Giá vốn	Mặc định: Giá đặt lệnh = Giá vốn - Số điểm lời (lỗ) Nhập giá đặt lệnh tuân thủ về giá và bước giá Giá đặt lệnh < Giá vốn
9	Số tiền lời (lỗ)	Số tiền lỗ = (Giá đặt lệnh – Giá vốn) * Số vị thế * Hệ số nhân	

- Khi NĐT bấm nút "**BÁN**" hệ thống sẽ tự sinh 2 lệnh sau:

  - **Chốt lời**: Lệnh giới hạn Bán sinh ra và được đẩy ngay lên Sở giao dịch. Xem thông tin lệnh trong tab "Lệnh đặt". NĐT có thể hủy/ sửa lệnh này như lệnh giới hạn thông thường.
  - **Cắt lỗ**: Lệnh điều kiện **Stop down** Bán có trạng thái = Chờ kích hoạt. Lệnh điều kiện sinh ra sẽ tuân theo quy trình lệnh điều kiện hiện tại của hệ thống. Xem thông tin lệnh này trong tab "Lệnh điều kiện".

- Tài khoản đang nắm giữ vị thế Short → Chọn TP/SL: Hiển thị màn hình "Lệnh Mua"

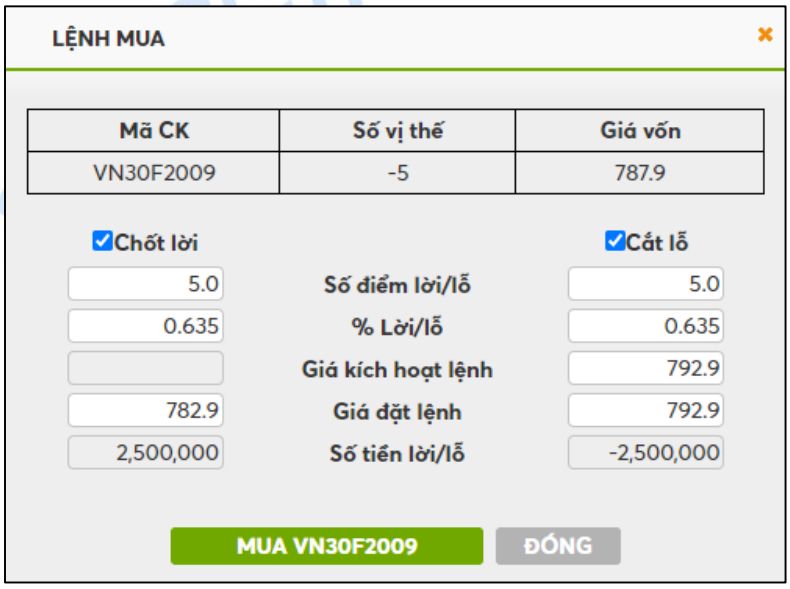

STT	Tên trường	Chốt lời	Cắt lỗ
1	Mã CK	Mã chứng khoán đặt lệnh	
2	Số lượng	Số lượng vị thế short khả dụng	

STT	Tên trường	Chốt lời	Cắt lỗ
3	Giá vốn	Giá vốn của vị thế đang mở	
4	Dấu tích "Chốt lời", "Cắt lỗ"	Có tích chọn: Có chọn đặt lệnh Không tích chọn: không chọn đặt lệnh	
5	Số điểm lời (lỗ)	Mặc định: Số điểm lời/ lỗ = Giá vốn – Giá thị trường + Nếu giá vốn – Giá khớp lệnh giần nhất > 5 điểm Số điểm lời (lỗ) = Giá vốn – Giá khớp lệnh gần nhất + Nếu giá vốn – Giá khớp lệnh gần nhất <= 5 điểm Số điểm lời (lỗ) = 5 Cho phép nhập giá trị (đơn vị giá là điểm chỉ số, VD: 0.2 – không chấm hai).	
6	% Lời/lỗ	+ Mặc định: Số điểm lời (lỗ) / Giá vốn * 100 + Cho phép sửa giá trị mặc định	
7	Giá kích hoạt lệnh	Trong trường hợp chốt lời thì không sử dụng trường này	Mặc định: Giá kích hoạt lệnh = Giá vốn + Số điểm lời (lỗ) Cho phép sửa giá trị, tuân thủ các quy định về giá
8	Giá đặt lệnh	Mặc định: Giá đặt lệnh = Giá vốn - Số điểm lời (lỗ) Nhập giá đặt lệnh tuân thủ về giá và bước giá Giá đặt lệnh < Giá vốn	Mặc định: Giá đặt lệnh = Giá vốn + Số điểm lời (lỗ) Nhập giá đặt lệnh tuân thủ về giá và bước giá Giá đặt lệnh > Giá vốn
9	Số tiền lời (lỗ)	Số tiền lời = (Giá vốn – Giá đặt lệnh) * Số vị thế * Hệ số nhân	Số tiền lỗ = (Giá vốn – Giá đặt lệnh) * Số vị thế * Hệ số nhân

- Khi NĐT bấm nút "**MUA**" hệ thống sẽ tự sinh 2 lệnh sau:

  - **Chốt lời:** Lệnh giới hạn Mua sinh ra và được đẩy ngay lên Sở giao dịch. Xem thông tin lệnh trong tab "Lệnh đặt". NĐT có thể hủy/ sửa lệnh này như lệnh giới hạn thông thường.
  - **Cắt lỗ:** Lệnh điều kiện Stop up Mua có trạng thái = Chờ kích hoạt. Lệnh điều kiện sinh ra sẽ tuân theo quy trình lệnh điều kiện hiện tại của hệ thống. Xem thông tin lệnh này trong tab "Lệnh điều kiện".

3.4.2. Lệnh đặt

Là sổ lệnh hiển thị tất cả các lệnh đặt theo thời gian trong ngày cũng như trạng thái, loại lệnh, mã hợp đồng, giá trị khớp và khối lượng hủy/sửa.

Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá tr
14:53:39	VN30F1901	Bán	LO	2	867.5	Chờ gửi	0	0	0
14:53:22	VN30F1901	Bán	LO	1	867.5	Lệnh sửa gửi thành công	0	0	0
14:51:23	VN30F1901	Bán	LO	2	870.8	Chờ gửi	0	0	0

3.4.3. Lệnh chờ

Cửa sổ này giúp khách hàng quản lý được các lệnh chưa được khớp hết cũng như chức năng hủy lệnh chưa khớp.

Hủy	Hủy	Sửa	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Gi
	Hủy	Sửa	14:53:39	VN30F1901	Bán	2	867.5	0	
	Hủy	Sửa	14:51:23	VN30F1901	Bán	2	870.8	0	
	Hủy	Sửa	14:49:56	VN30F1901	Mua	1	870.8	0	

3.4.3.1. Hủy lệnh

Khách hàng có thể hủy 1 lệnh hoặc hủy tất cả các lệnh.

Bước 1: Chọn nút Hủy tại dòng lệnh muốn hủy.

Hủy	Hủy	Sửa	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	G
☑	Hủy	Sửa	16:16:40	VN30F1903	Mua	1	876.3	0	
	Hủy	Sửa	15:43:41	VN30F1903	Bán	1	878.2	0	
	Hủy	Sửa	14:53:39	VN30F1901	Bán	2	867.5	0	

Hiển thị màn hình Xác nhận Hủy lệnh:

Bước 2:

- Nhấn nút ĐÓNG để đóng màn hình Hủy lệnh.
- Nhấn nút THỰC HIỆN

Hiển thị màn hình xác thực tài khoản

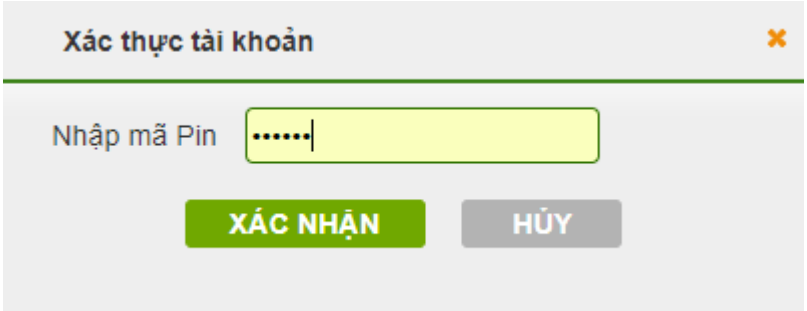

Bước 3: Nhập mã Pin. Nhấn nút XÁC NHẬN Hiển thị thông báo "Giao dịch thành công".

Nhấn nút HỦY để hủy để quay về màn hình xác nhận Hủy.

3.4.3.2. Sửa lệnh

Bước 1: Chọn vào nút Sửa tại dòng lệnh muốn sửa:

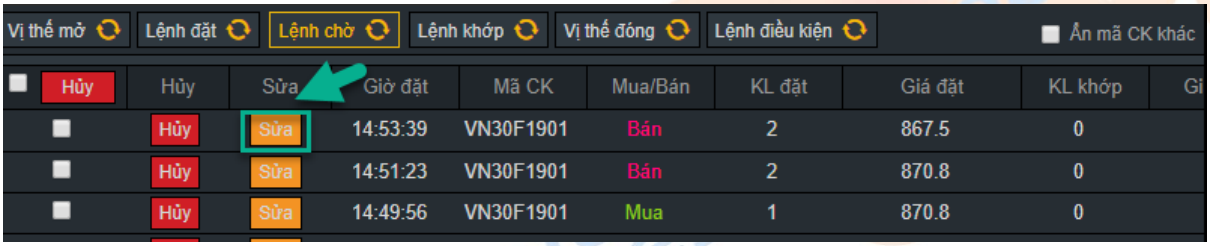

Hiển thị màn hình Sửa lệnh:

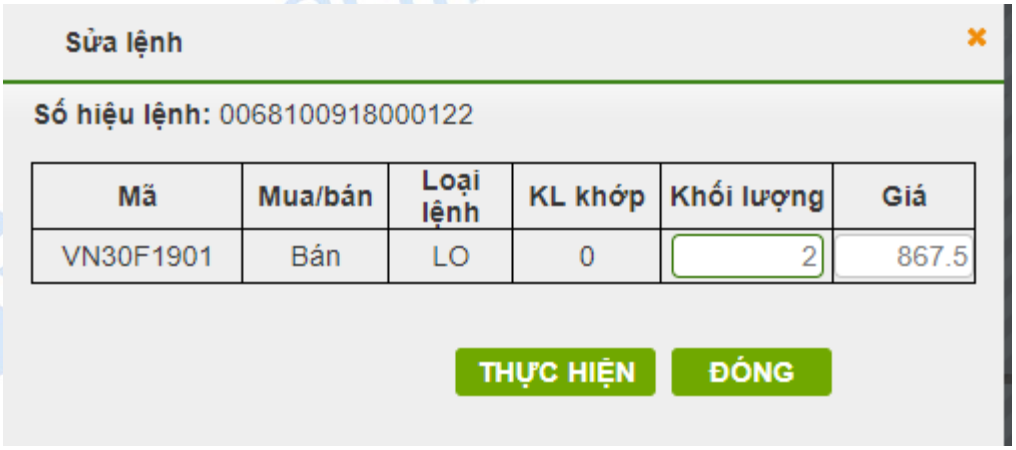

Bước 2: Nhập các thông tin về Khối lượng, Giá.

Bước 3:

- Nhấn nút ĐÓNG để đóng màn hình Sửa lệnh.
- Nhấn nút THỰC HIỆN

Hiển thị màn hình xác thực tài khoản.

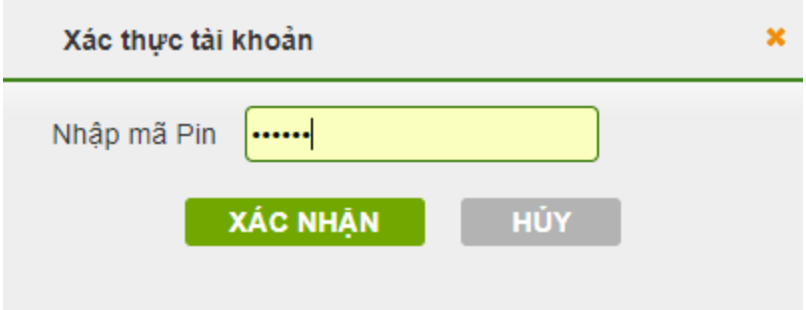

Bước 4: Nhập mã Pin. Nhấn nút XÁC NHẬN Hiển thị thông báo "Giao dịch thành công".

Nhấn nút HỦY để hủy để quay về màn hình xác nhận Hủy.

3.4.4. Lệnh Khớp

Hiển thị các lệnh đã khớp trong ngày với các thông số giá trị khớp, loại lệnh Mua hay Bán và phí giao dịch.

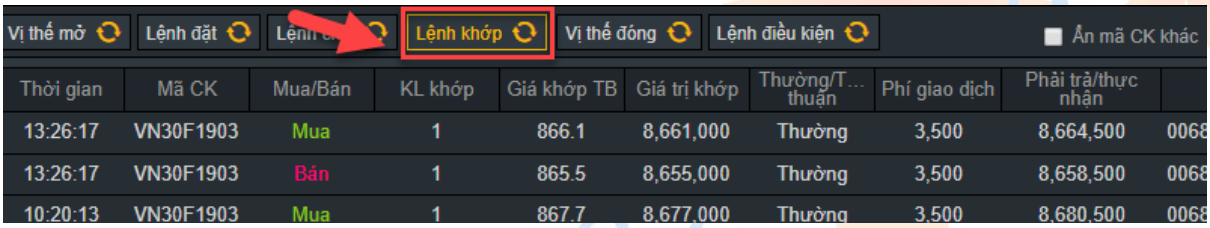

Thời gian	Mã CK	Mua/Bán	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Thường/T... thuận	Phí giao dịch	Phải trả/thực nhận	
13:26:17	VN30F1903	Mua	1	866.1	8,661,000	Thường	3,500	8,664,500	0068
13:26:17	VN30F1903	Bán	1	865.5	8,655,000	Thường	3,500	8,658,500	0068
10:20:13	VN30F1903	Mua	1	867.7	8,677,000	Thường	3,500	8,680,500	0068

3.4.5. Vị thế đóng

Tổng kết các cặp vị thế đã đóng cùng thông tin lãi lỗ và tài khoản giao dịch cho từng mã hợp đồng.

Mã CK	Số lượng đã đóng	Giá Long	Giá Short	Chênh lệch giá	Hệ số nhân	Lãi lỗ VM	TKGD
VN30F1903	1	867.63	865.5	-2.13	10,000	-21,333	0001017558

3.4.6. Lệnh điều kiện

Hiển thị thông tin chi tiết các lệnh điều kiện mà khách hàng đặt gồm các thông tin về mã HĐTL, loại lệnh và thông tin lệnh đặt.

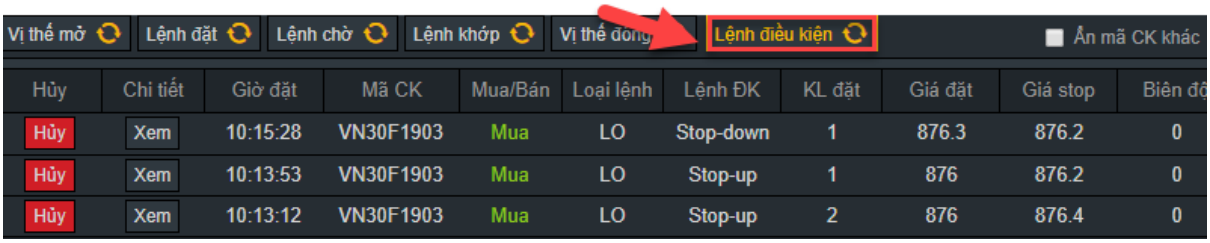

Hủy	Chi tiết	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Giá stop	Biên đ
Hủy	Xem	10:15:28	VN30F1903	Mua	LO	Stop-down	1	876.3	876.2	0
Hủy	Xem	10:13:53	VN30F1903	Mua	LO	Stop-up	1	876	876.2	0
Hủy	Xem	10:13:12	VN30F1903	Mua	LO	Stop-up	2	876	876.4	0

Cho phép ẩn các mã HĐTL khác, chỉ hiển thị mã HĐTL đang giao dịch bằng cách tích chọn ô Ẩn mã CK khác.

3.5. Khung đặt lệnh

Khung đặt lệnh được chia thành các cửa sổ nhỏ theo loại lệnh như lệnh giới hạn, lệnh thị trường và lệnh điều kiện. Trên khung đặt lệnh sẽ có đầy đủ thông tin về mã HĐTL muốn giao dịch, sức mua tối đa cũng như giá và khối lượng hợp đồng giao dịch.

3.5.1. Lệnh thường:

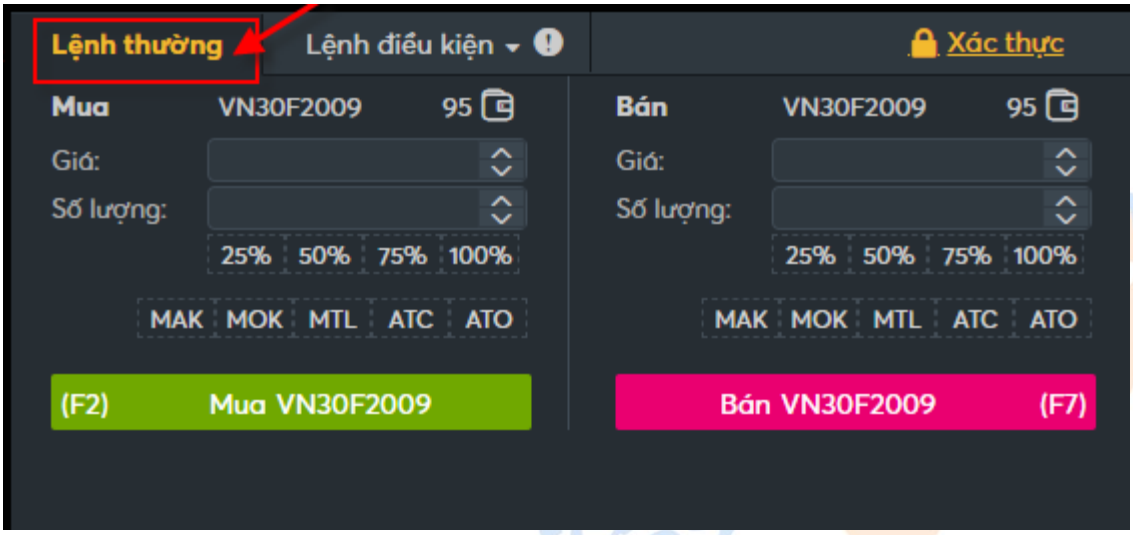

- Hiển thị mã HĐTL, SL mua/bán tối đa của mã HĐTL.
- Nhập giá, số lượng:
  - ➢ Giá: Có 2 cách nhập giá:
    - Nhập tay
      - Nhập giá bằng số cho lệnh giới hạn
      - Nhập giá bằng chữ in hoa cho lệnh thị trường: MOK, MAK, MTL, ATC, ATO
    - Chọn 1 giá bất kì từ khung thông tin thị trường, giá được chọn sẽ tự điền vào ô giá.
      - Chọn giá MAK MOK MTL ATC ATO đối với lệnh thị trường, giá được chọn sẽ tự điền vào ô giá

  Tích để tăng/giảm giá đặt +/- 0.1.

  Nhấn nút Mua/Bán để đặt lệnh.

  - ➢ Số lượng: Có 2 cách nhập số lượng:

- Nhập tay.
- Chọn theo % SL tối đa có thể mua. Hệ thống sẽ tự điền số lượng = Số lượng mua tối đa * phần trăm được chọn.

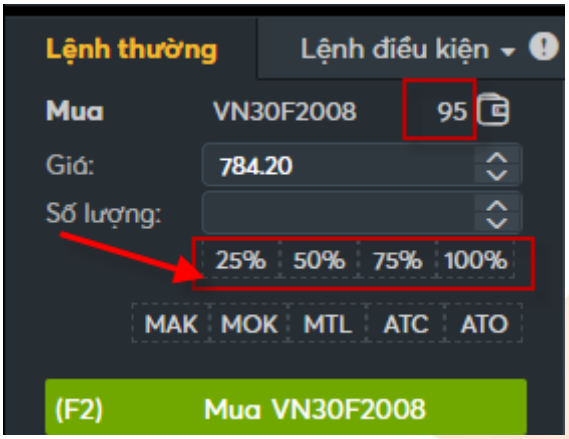

- Tích để tăng/giảm số lượng đặt +/- 1.

3.5.2. Lệnh điều kiện

Tương tự lệnh giới hạn. Có thể chọn nhiều loại lệnh từ combobox: Stop Up, Stop Down, Trailing Buy, Trailing Sell, OCO, Bull & Bear

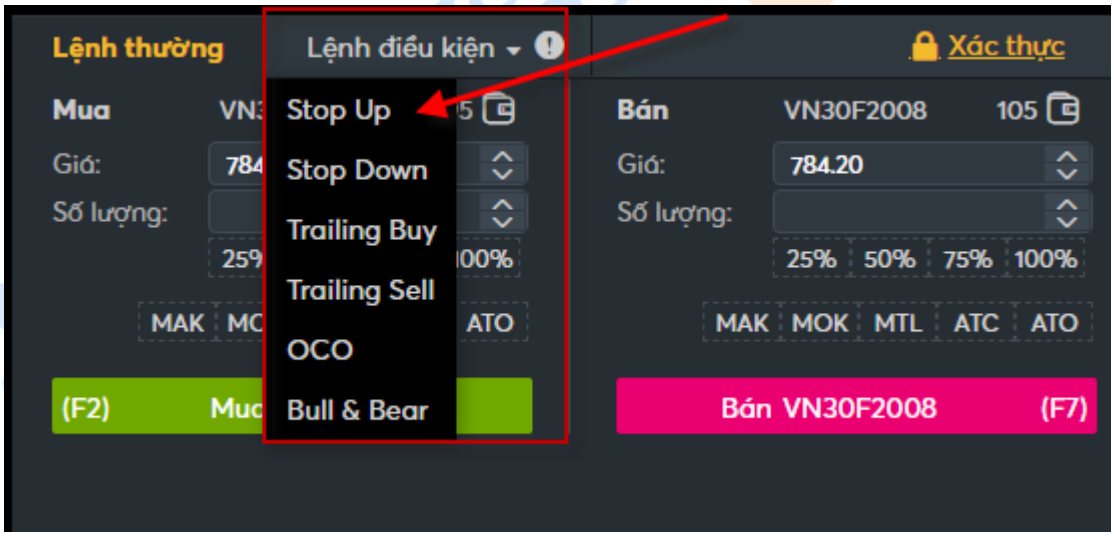

Xem thông tin chi tiết lệnh điều kiện

- Tích vào biểu tượng để liên kết tới tài liệu hướng dẫn sử dụng lệnh điều kiện

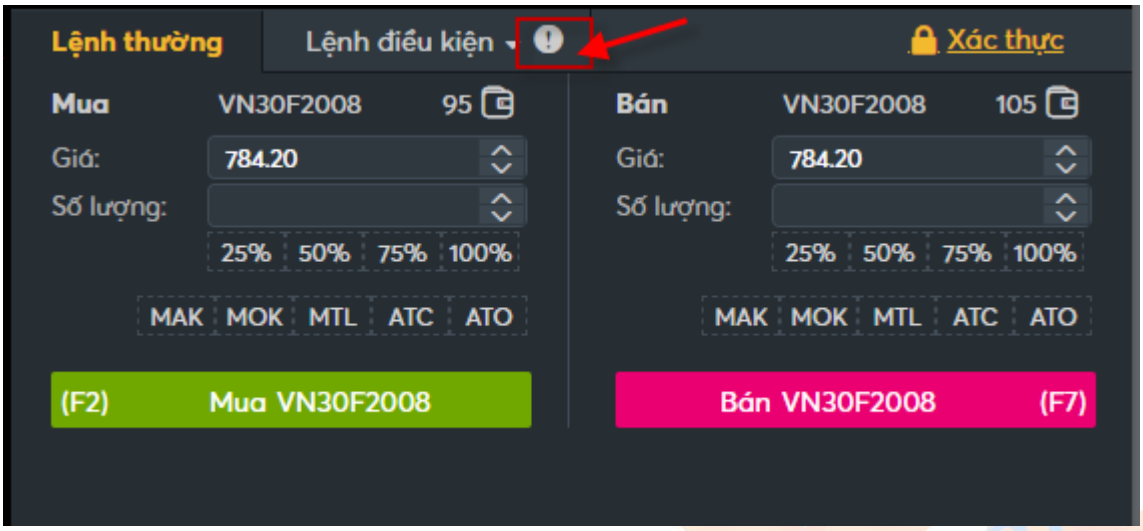

3.5.2.1. Stop Up

a. Khái niệm

- Lệnh Stop up được sử dụng khi thị trường có xu thế tăng, lệnh được kích hoạt đẩy vào Sở giao dịch khi giá khớp lệnh gần nhất >= giá dừng (Stop price).
- Giá dừng (Stop price): là mức giá do người sử dụng thiết lập
- Giá giới hạn (Limit price): là giá đặt của lệnh khi lệnh đã kích hoạt để đẩy vào Sở giao dịch. Đây chính là giá đặt của lệnh giới hạn (LO)

b. Mục đích của lệnh

- Bán chốt lãi tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Long
- Mua dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Short
- Mở mới vị thế Long hoặc Short

c. Ví dụ

Lệnh điều kiện Stop up Bán chốt lãi tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Long

Nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Mua 1 HĐTL mã VN30F1808 tại mức giá vốn = 910 = giá thị trường. Nhà đầu tư nhận thấy thị trường đang có xu hướng tăng và cần chốt lãi khi thị trường đạt 921 nên đặt 1 lệnh điều kiện Stop up: Bán 1 HĐTL VN30F1808 với giá 920 và giá kích hoạt là 921, giá thị trường biến đổi như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5

Giá thị trường	910	912	909	918	921
Giá stop	921	921	921	921	921
Giá limit	920	920	920	920	920

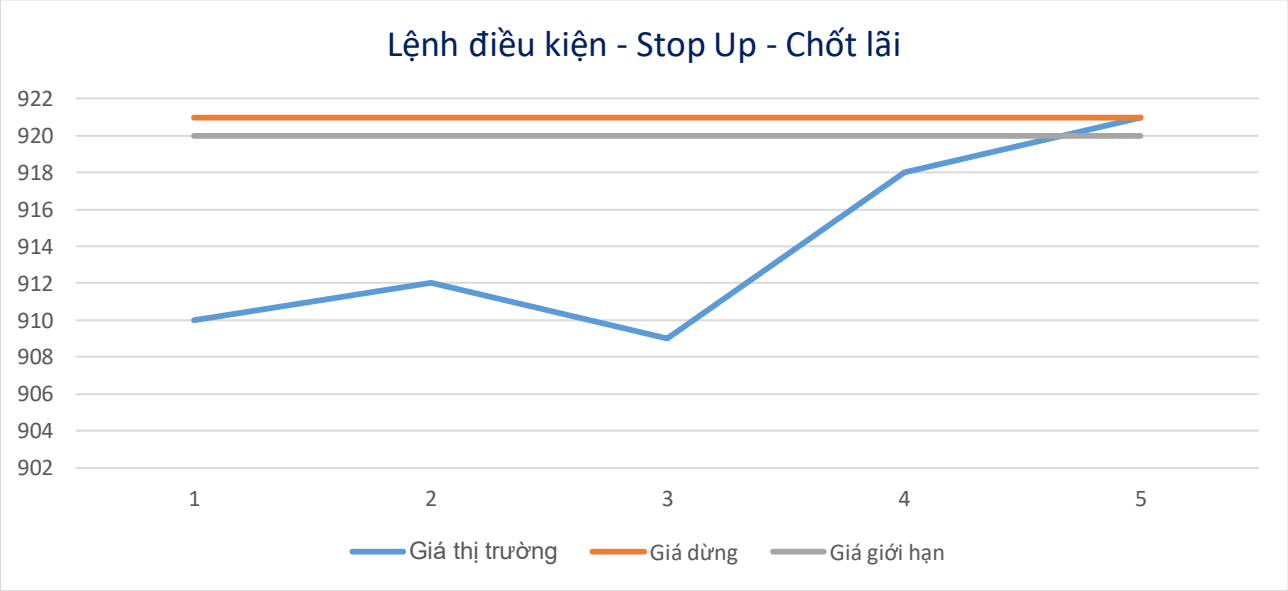

Như vậy, đến thời điểm thứ 5 khi giá thị trường = giá stop thì lệnh Bán LO: 1 HĐTL VN30F1808 – giá 920 sẽ được kích hoạt và đẩy vào sàn giao dịch.

d. Điều kiện ràng buộc

- Thời điểm đặt lệnh Stop Up không kiểm tra điều kiện (KL Mua/Bán tối đa, …)
- Kiểm tra Giá stop phải lớn hơn giá thị trường ở thời điểm đặt lệnh, thỏa mãn điều kiện về bước giá, trần/sàn
- Lệnh dừng được đặt trong tất cả các phiên, loại lệnh LO
- Lệnh mới đặt ở trạng thái "Chờ kích hoạt"

e. Các bước đặt lệnh

- **Bước 1:** Chọn lệnh "Stop up"
- **Bước 2:** Nhập các thông tin lệnh: Mã HĐ, Mua/Bán, Giá stop, Giá limit, Số lượng

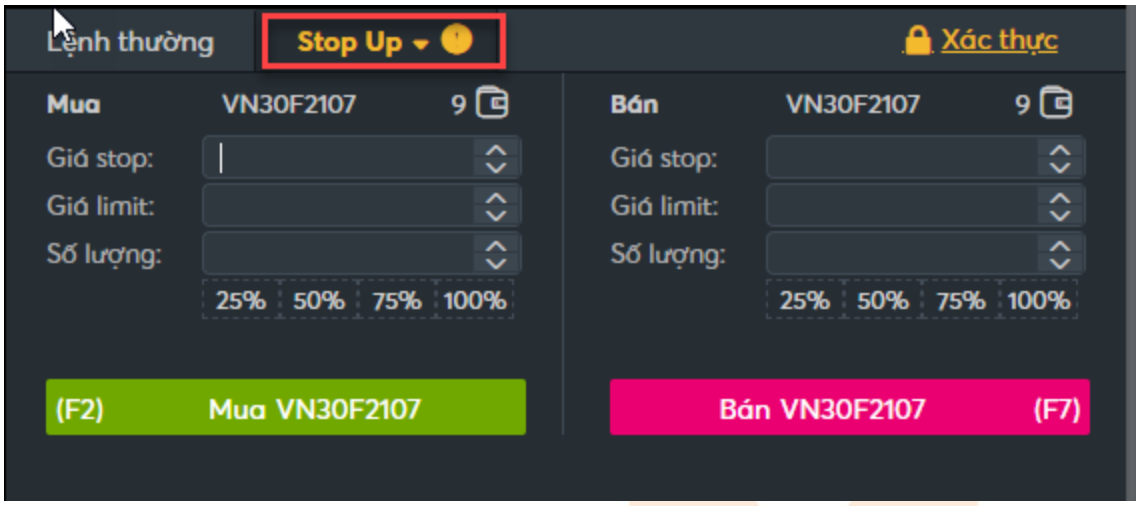

Tên trường	Mô tả chi tiết
Lệnh điều kiện	Stop up
Mua/Bán	Chọn Vùng đặt lệnh Mua hoặc Bán: - Vùng hiển thị nút Mua màu xanh là vùng Mua - Vùng hiện thị nút Bán màu hồng là vùng Bán
Giá stop	Nhập giá dừng, tuân theo quy định về giá, bước giá. Giá Stop phải lớn hơn giá khớp lệnh gần nhất tại thời điểm đặt lệnh
Giá limit	Nhập giá giới hạn, tuân theo quy định về giá, bước giá
Số lượng	Khối lượng đặt lệnh

- **Bước 3: Xác nhận lệnh**

- Nhấn nút "Xác nhận bán" để xác nhận đặt lệnh.

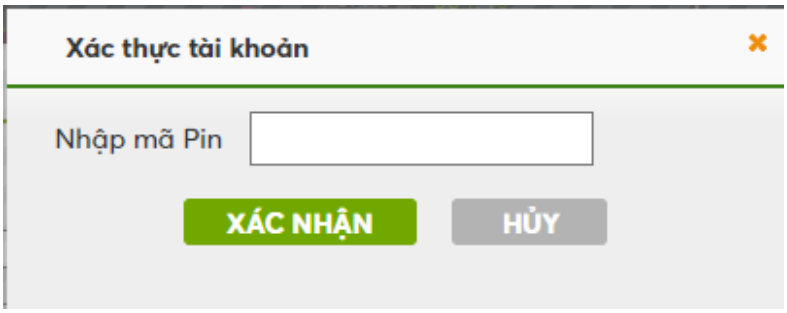

- Nhập mã PIN để xác thực giao dịch, nếu khách hàng chưa thực hiện xác thực PIN đặt lệnh trước đó.
- Bấm nút "Xác nhận" để hoàn tất việc đặt lệnh, lệnh đặt thành công hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Đã gửi yêu cầu. Xin vui lòng kiểm tra lại sổ lệnh điều kiện!". Khách hàng có thể vào tab "Lệnh điều kiện" để kiểm tra chi tiết lệnh đặt.

3.5.3.1 Stop Down

a. Khái niệm

- Lệnh Stop Down được sử dụng khi thị trường có xu thế giảm, lệnh được kích hoạt đẩy vào Sở giao dịch khi giá khớp lệnh gần nhất <= giá dừng (Stop price).
- Giá dừng (Stop price): là mức giá do người sử dụng thiết lập
- Giá giới hạn (Limit price): là giá đặt của lệnh khi lệnh đã kích hoạt để đẩy vào Sở giao dịch. Đây chính là giá đặt của lệnh giới hạn (LO)

b. Mục đích của lệnh

- Mua chốt lãi tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Short
- Bán dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Long
- Mở mới vị thế Long hoặc Short khi giá thị trường < giá dừng (stop price)

c. Ví dụ

- Lệnh điều kiện Stop Down Mua chốt lãi tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Short

Nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Short 1 HĐTL mã VN30F1808 tại mức giá vốn = 910 = giá thị trường. Nhà đầu tư nhận thấy thị trường đang có xu hướng giảm và cần chốt lãi khi thị trường đạt 900 nên đặt 1 lệnh điều kiện Stop Down: Mua 1 HĐTL VN30F1808 với giá 901 và giá kích hoạt là 900, giá thị trường biến đổi như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5

Giá thị trường	910	918	920	910	900
Giá stop	900	900	900	900	900
Giá limit	901	901	901	901	901

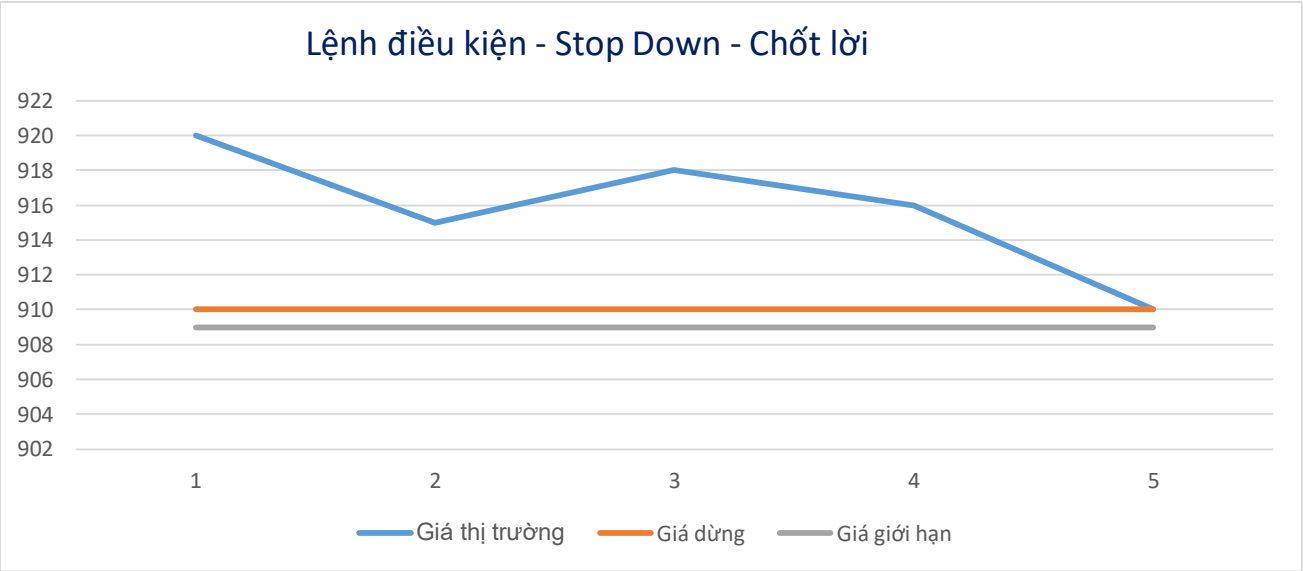

Như vậy, đến thời điểm thứ 5 khi giá thị trường = giá dừng thì lệnh Mua LO: 1 HĐTL VN30F1808 – giá 901 sẽ được kích hoạt và đẩy vào sàn giao dịch.

d. Điều kiện ràng buộc

- Thời điểm đặt lệnh dừng không kiểm tra điều kiện (KL Mua/Bán tối đa)
- Kiểm tra giá dừng phải nhỏ hơn hoặc bằng giá thị trường ở thời điểm đặt lệnh, thỏa mãn điều kiện về bước giá, trần/sàn
- Lệnh dừng được đặt trong tất cả các phiên, loại lệnh LO
- Lệnh mới đặt ở trạng thái "Chưa kích hoạt"

e. Các bước đặt lệnh

- **Bước 1**: Chọn lệnh "Stop down"
- **Bước 2:** Nhập các thông tin lệnh: Mã HĐ, Giá stop, Giá limit, Số lượng

  - **Lưu ý**: Giá stop để kích hoạt lệnh phải nhỏ hơn giá thị trường tại thời điểm đặt lệnh

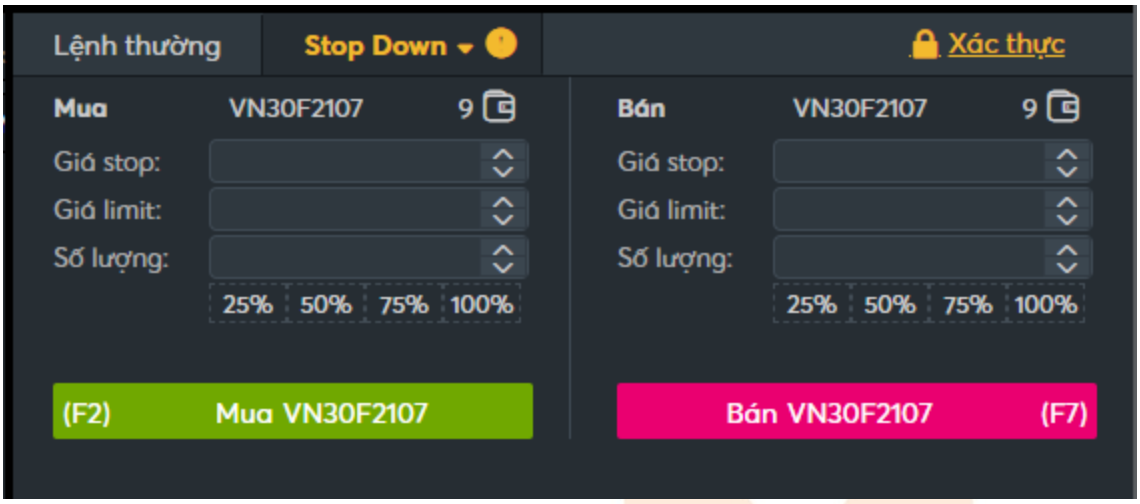

- **Bước 3:** Xác nhận lệnh

  - **Nhấn** nút "Xác nhận mua" để xác nhận đặt lệnh.

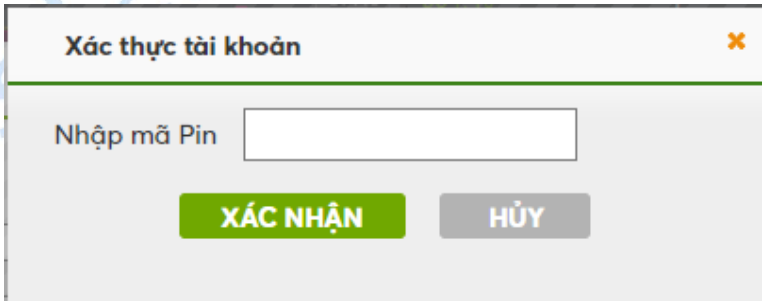

  - Nhập mã PIN để xác thực giao dịch, nếu khách hàng chưa thực hiện xác thực PIN đặt lệnh trước đó. Bấm nút "Xác nhận" để hoàn tất việc đặt lệnh, đặt lệnh thành công hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Đã gửi yêu cầu. Xin vui lòng kiểm tra lại sổ lệnh điều kiện!". Khách hàng có thể vào tab "Lệnh điều kiện" để kiểm tra chi tiết lệnh đặt

3.5.3.2 Trailing Buy (Lệnh Mua xu hướng)

a. Khái niệm

- Là lệnh Mua xu hướng với giá Mua bám sát xu thế giảm của thị trường để đạt được giá Mua tốt nhất. Khi giá thị trường giảm, giá kích hoạt sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng để đảm bảo không vượt quá biên độ giá "Trailing amount"; khi giá thị trường tăng, giá kích hoạt giữ nguyên. Khi giá thị trường vượt qua (>=) giá kích hoạt thì lệnh sẽ được kích hoạt.
- Trailing amount: là biên độ giá kích hoạt. Tại thời điểm giá thị trường >= giá kích hoạt thì đẩy 1 lệnh LO với **giá đặt** = *giá thị trường + bước giá điều chỉnh "Limit offset"* vào hệ thống
- Limit offset (Bước giá điều chỉnh): là giá chênh lệch giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường tại thời điểm lệnh kích hoạt. Mức giá chênh lệch >= 0 và chẵn theo bước giá quy định của hệ thống.

b. Mục đích của lệnh

- Mua chốt lãi tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Short
- Mua dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Short
- Mở mới vị thế Long với giá mua tối ưu để giảm thiểu chi phí

c. Điều kiện kích hoạt

- Quy ước ký hiệu công thức như sau:
    - ***f(x):*** là giá kích hoạt lệnh
    - ***f(x-1):*** là giá kích hoạt ở bước trước đó
    - ***P:*** là giá thị trường tại thời điểm tính giá kích hoạt, tại thời điểm đầu phiên giao dịch giá thị trường ***P(0)*** bằng giá tham chiếu
    - ***D:*** là biên độ tính giá kích hoạt = giá trị nhập vào (1, 2, 3, …)
- Điều kiện kích hoạt lệnh Mua:
    - Giá kích hoạt thời điểm ban đầu: ***f(0) = P(0) + D***
    - Giá kích hoạt: ***f(x) = MIN[f(x-1); P + D]*** (điều kiện này được hiểu là khi giá thị trường giảm, giá kích hoạt sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng để đảm bảo không vượt quá biên độ giá "Trailing amount"; khi giá thị trường tăng, giá kích hoạt giữ nguyên)
    - Điều kiện kích hoạt: ***f(x) <= P***, hay ***MIN[f(x-1); P + D] - P <= 0*** (lệnh được kích hoạt khi giá thị trường >= giá kích hoạt)

d. Ví dụ

- Lệnh điều kiện Trailing Buy: Mua chốt lãi tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Bán

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế ***Bán*** 1 HĐTL mã VN30F1809 tại mức giá vốn = 905. Nhà đầu tư không có thời gian theo dõi thị trường và cần chốt lãi vị thế bán đang có nên đặt 1 lệnh điều kiện Trailing Buy: Mua 1 HĐTL VN30F1809 với biên độ giá kích hoạt D = 2 và bước giá điều chỉnh = 0.2, giá thị trường biến đổi như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường (***P***)	904	900	901	900	902
Biên độ ***(D)***	2	2	2	2	2
Giá kích hoạt lệnh ***f(x)***	906	902	902	902	902

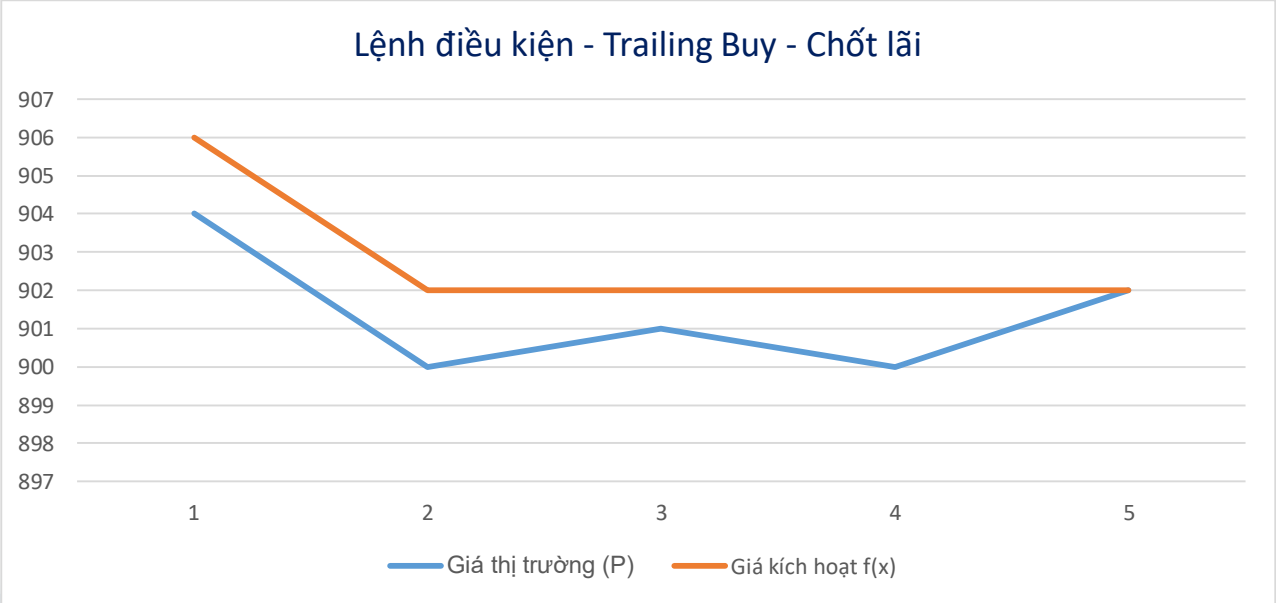

Dựa trên đồ thị:

- Thời điểm 1, giá thị trường: P(1) = 904 => giá kích hoạt ban đầu:
  f(1) = P(1) + D = 904 + 2 = 906
- Thời điểm 2, giá thị trường giảm: P(2) = 900 => giá kích hoạt:
  f(2) = Min[f(x-1); P + D] = Min[(f(1); P(2) + D] = Min(906; 900 + 2) = 902
- Thời điểm 3, giá thị trường tăng: P(4) = 901 => giá kích hoạt:
  f(3) = Min[(f(2); P(3) + D) = Min (902;903) = 902
- Thời điểm 4, giá thị trưởng giảm: P(4) = 900 => giá kích hoạt:

f(4) = Min[f(x-1); P + D] = Min[(f(3); P(4) + D] = Min(902; 900 + 2) = 902

- Đến thời điểm, giá thị trường chạm giá kích hoạt: P(5) = 902 = f(4) => lệnh Trailing Buy được kích hoạt, đẩy 1 lệnh Mua LO 1 HĐTL VN30F1809 với giá đặt lệnh = P(5) + 0.2 = 902 + 0.2 = 902.2 vào hệ thống

e. Điều kiện ràng buộc

- Thời điểm đặt lệnh xu hướng không kiểm tra điều kiện (KL Mua/Bán tối đa, …)
- Kiểm tra biên độ giá kích hoạt (Trailing Amount) > 0, và phải chẵn bước giá của hệ thống
- Kiểm tra chênh lệch giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường (Limit offser) >= 0 và chẵn theo bước giá quy định của hệ thống
- Lệnh xu hướng được đặt trong tất cả các phiên, loại lệnh LO
- Lệnh mới đặt ở trạng thái "Chờ kích hoạt"

f. Các bước đặt lệnh

- **Bước 1:** Chọn "Trailing Buy"
- **Bước 2:** Nhập các thông tin đặt lệnh: Mã HĐ, biên độ, bước giá, số lượng

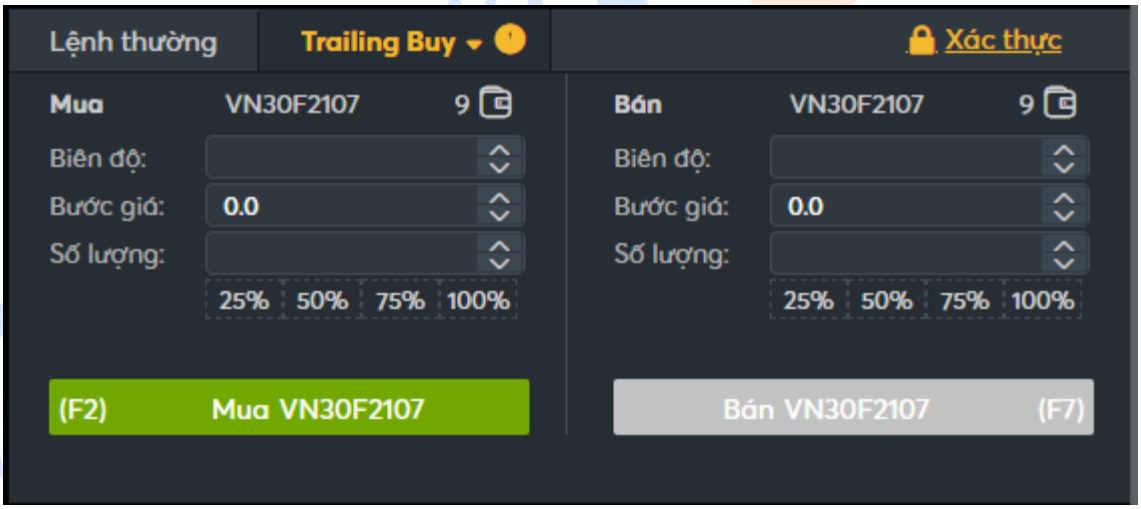

Tên trường	Mô tả chi tiết
Lệnh điều kiện	Trailing Buy
Mua	Hiển thị vùng đặt lệnh bên Mua - Vùng hiển thị nút Mua màu xanh là vùng Mua - Disable vùng đặt lệnh Bán

Tên trường	Mô tả chi tiết
Biên độ	Là giá trị chênh lệch giữ giá kích hoạt và giá thị trường: thiết lập giá kích hoạt cao hơn giá thị trường • Cho phép nhập giá trị (đơn vị giá là điểm chỉ số, VD: 2.3 – hai phẩy 3 điểm) • Chỉ chấp nhận giá trị > 0 và lẻ sau dấu phẩy 1 đơn vị • Cho phép dùng Scroll, mũi tên lên/xuống (trên màn hình hoặc bàn phím) để điều chỉnh
Bước giá	Độ chênh lệch bước giá giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường tại thời điểm kích hoạt lệnh • Cho phép nhập giá trị (đơn vị giá là điểm chỉ số, VD: 0.2 – không chấm hai) • Chỉ chấp nhận giá trị > =0 • Mặc định là 0.0 • Cho phép dùng Scroll, mũi tên lên/xuống (trên màn hình hoặc bàn phím) để điều chỉnh
Số lượng	Khối lượng đặt lệnh

- **Bước 3:** Nhấn nút "Xác nhận mua"

- Thực hiện xác thực mật khẩu đặt lệnh nếu khách hàng chưa xác thực mật khẩu khẩu đặt lệnh trước đó.

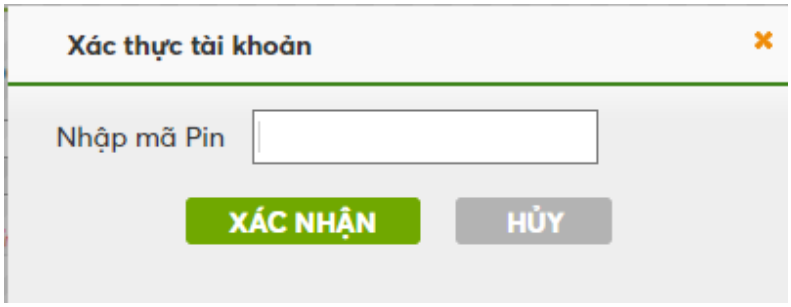

- Nhấn nút "Xác nhận" để hoàn tất việc đặt lệnh., khi đặt lệnh thành công hệ thống có thông báo "Đã gửi yêu cầu. Xin vui lòng kiểm ra lại sổ lệnh điều kiện!"

3.5.3.3 Trailing Sell (Lệnh Bán xu hướng)

a. Khái niệm

- Là lệnh Bán xu hướng với giá Bán bám sát xu thế tăng của thị trường để đạt được giá Bán tốt nhất. Khi giá thị trường tăng, giá kích hoạt sẽ được điều chỉnh tăng tương ứng để đảm bảo không vượt quá biên độ giá "Trailing amount"; khi giá thị trường giảm, giá kích hoạt giữ nguyên. Khi giá thị trường vượt dưới ngưỡng (<=) giá kích hoạt thì lệnh sẽ được kích hoạt.
- Trailing amount: là biên độ giá kích hoạt điều chỉnh. Tại thời điểm giá thị trường <= giá kích hoạt thì đẩy 1 lệnh LO với **giá đặt** = *giá thị trường - mức giá điều chỉnh "Limit offset"* vào hệ thống
- Limit offset: là giá chênh lệch giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường tại thời điểm lệnh kích hoạt. Mức giá chênh lệch >= 0 và chẵn theo bước giá quy định của hệ thống.

b. Mục đích của lệnh

- Bán chốt lãi tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Long
- Bán dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Long
- Mở mới vị thế Short với giá bán tối ưu để giảm thiểu chi phí

c. Điều kiện kích hoạt lệnh

- Quy ước ký hiệu công thức như sau:
  - f(x): là giá kích hoạt lệnh
  - f(x-1): là giá kích hoạt ở bước trước đó
  - P: là giá thị trường tại thời điểm tính giá kích hoạt, tại thời điểm đầu phiên giao dịch giá thị trường P(0) bằng giá tham chiếu
  - D: là biên độ tính giá kích hoạt = giá trị nhập vào (1, 2, 3, …)
- Điều kiện kích hoạt lệnh Bán:
  - Giá kích hoạt thời điểm ban đầu: f(0) = P(0) - D
  - Giá kích hoạt: f(x) = MAX[f(x-1), P - D] (điều kiện này được hiểu khi giá thị trường tăng, giá kích hoạt sẽ được điều chỉnh tăng tương ứng để đảm bảo không vượt quá biên độ giá "Trailing amount"; khi giá thị trường giảm, giá kích hoạt giữ nguyên)

- Điều kiện kích hoạt: f(x) >= P, hay MAX[f(x-1), P + D] - P >= 0 (lệnh được kích hoạt khi giá thị trường <= giá kích hoạt)

d. Ví dụ

- Lệnh điều kiện Trailing Sell: Bán chốt lãi tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Mua

Nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế ***Mua*** 1 HĐTL mã VN30F1809 tại mức giá vốn = 905. Nhà đầu tư không có thời gian theo dõi thị trường và cần chốt lãi vị thế Mua đang có nên đặt 1 lệnh điều kiện Trailing Sell: Bán 1 HĐTL VN30F1809 với biên độ giá kích hoạt D = 3 và bước giá điều chỉnh = 0.1, giá thị trường biến đổi như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường (***P***)	908	910	909	914	911
Biên độ ***(D)***	3	3	3	3	3
Giá kích hoạt ***f(x)***	905	907	907	911	911

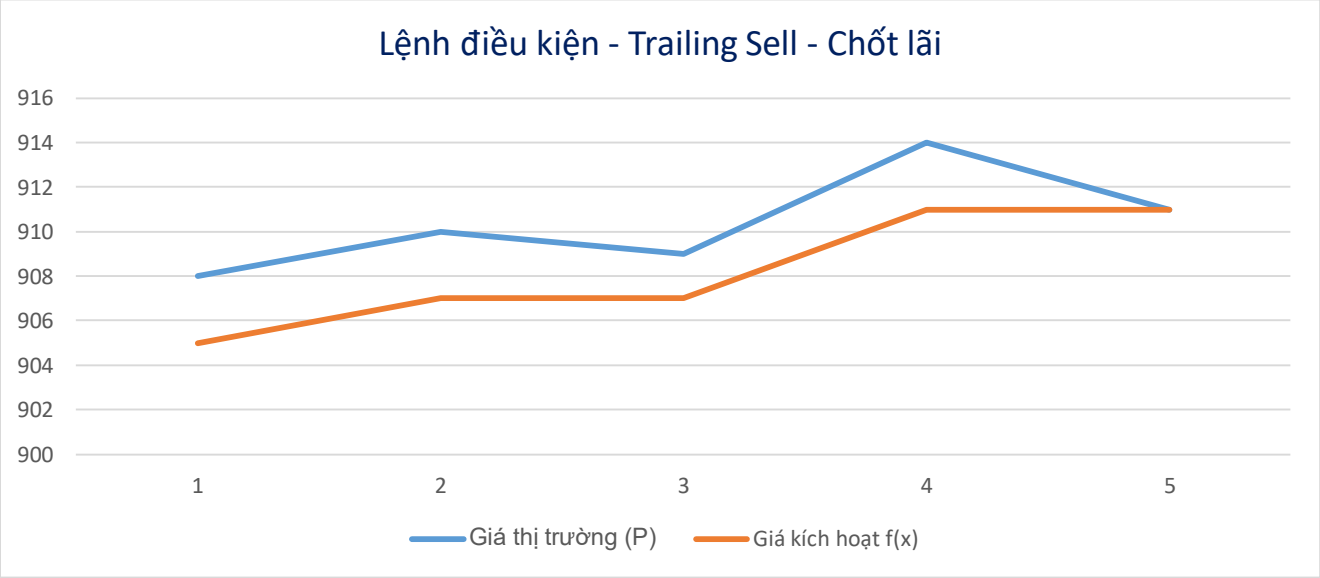

Dựa trên đồ thị:

- Thời điểm 1, giá thị trường: P(1) = 910 => giá kích hoạt:
  f(1) = P(1) - D = 908 - 3 = 905
- Thời điểm 2, giá thị trường tăng: P(2) = 910 => giá kích hoạt:
  f(2) = Max[f(x-1), P - D] = Max[f(1); P(2) – D] = Max(905; 910 – 3) = 907
- Thời điểm 3, giá thị trường giảm: P(3) = 909 => giá kích hoạt:
  f(3) = Max[f(x-1), P - D] = Max[(f(2); P(3) - D) = Max(907; 909 - 3) = 907

- Thời điểm 4, giá thị trường tăng: P(4) = 914 => giá kích hoạt:
  f(4) = Max[f(x-1), P - D] = Max[(f(3); P(4) - D) = Max(907; 914 – 3) = 911
- Đến thời điểm 5, giá thị trường giảm chạm giá kích hoạt: P(5) = 911 = f(4) => lệnh Trailing Sell được kích hoạt, đẩy 1 lệnh Bán LO 1 HĐTL VN30F1809 với giá đặt lệnh = P(5) - 0.1 = 911 - 0.1 = 910.9 vào hệ thống

e. Điều kiện ràng buộc

- Thời điểm đặt lệnh xu hướng không kiểm tra điều kiện (KL Mua/Bán tối đa,…)
- Check biên độ giá kích hoạt phải (Trailing Amount) > 0, và phải chẵn bước giá của hệ thống
- Check chênh lệch giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường (Limit offser) >= 0 và chẵn theo bước giá quy định của hệ thống
- Lệnh xu hướng được đặt trong tất cả các phiên, loại lệnh LO
- Lệnh mới đặt ở trạng thái "Chờ kích hoạt"

f. Các bước đặt lệnh

- **Bước 1**: Chọn "Trailing sell"
- **Bước 2**: Nhập thông tin lệnh: Mã HĐ, Biên độ, Bước giá, Số lượng

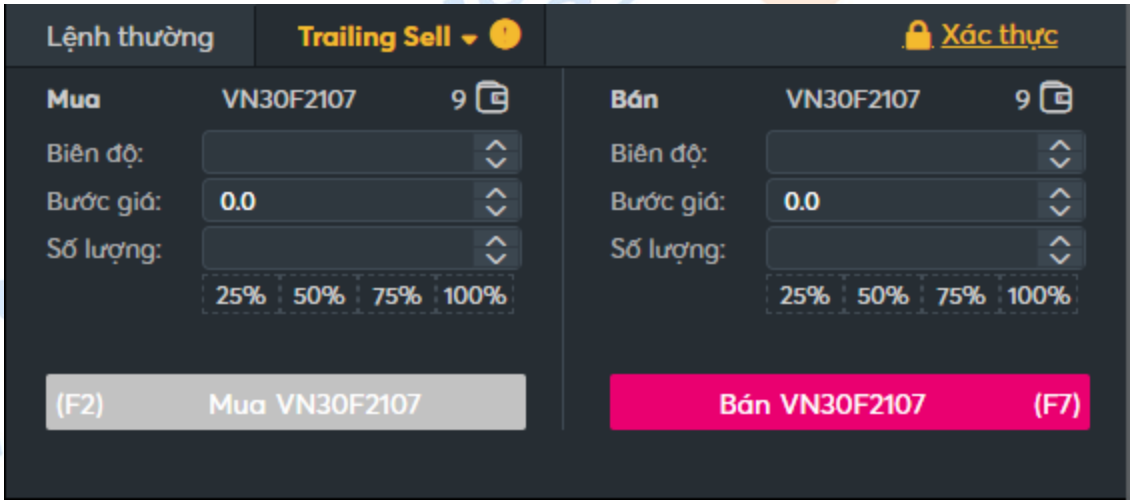

Tên trường	Mô tả chi tiết
Lệnh điều kiện	Chọn loại lệnh là Trailing Sell
Bán	Hiển thị vùng đặt lệnh bên Bán - Vùng hiển thị nút Bán màu hồng là vùng Bán - Disable vùng đặt lệnh Mua

Tên trường	Mô tả chi tiết
Biên độ	Là giá trị chênh lệch giữ giá kích hoạt và giá thị trường: thiết lập giá kích hoạt cao hơn giá thị trường • Cho phép nhập giá trị (đơn vị giá là điểm chỉ số, VD: 2.3 – hai phẩy 3 điểm) • Chỉ chấp nhận giá trị > 0 và lẻ sau dấu phẩy 1 đơn vị • Cho phép dùng Scroll, mũi tên lên/xuống (trên màn hình hoặc bàn phím) để điều chỉnh
Bước giá	Độ chênh lệch bước giá giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường tại thời điểm kích hoạt lệnh • Cho phép nhập giá trị (đơn vị giá là điểm chỉ số, VD: 0.2 – không chấm hai) • Chỉ chấp nhận giá trị >= 0 • Mặc định là 0.0 • Cho phép dùng Scroll, mũi tên lên/xuống (trên màn hình hoặc bàn phím) để điều chỉnh
Số lượng	Khối lượng đặt lệnh

- **Bước 3**: Nhấn nút "Bán" trên màn hình nhập lệnh, hiển thị màn hình "Xác nhận lệnh"
  - Tại màn hình "Xác nhận lệnh": Nhấn nút "Xác nhận bán", nếu khách hàng chưa thực hiện xác nhận PIN đặt lệnh, hệ thống sẽ hiển thị màn hình Xác thực tài khoản

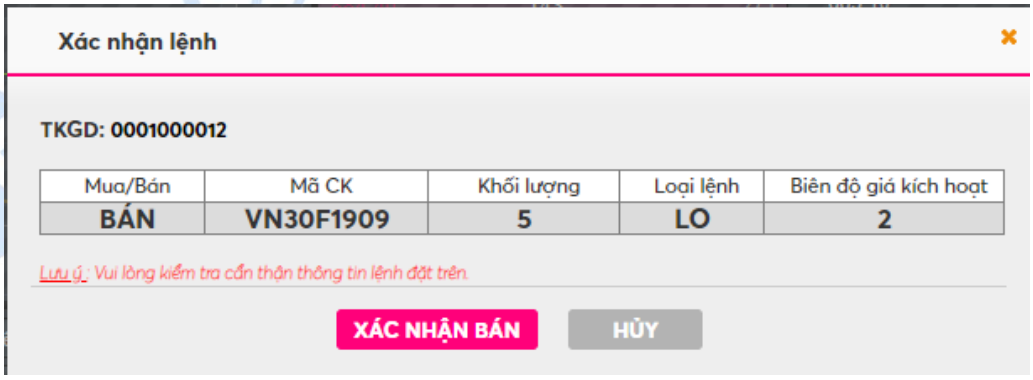

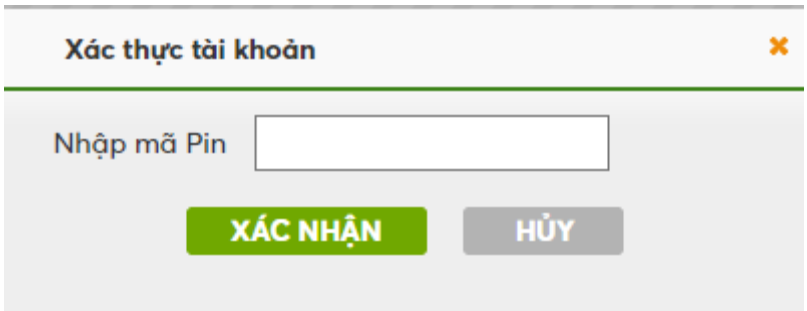

- Nhập PIN đặt lệnh, bấm nút "Xác nhận" để hoàn tất đặt lệnh, lệnh đặt thành công hệ thống có thông báo "Đã gửi yêu cầu. Xin vui lòng kiểm tra lại sổ lệnh điều kiện !"

3.5.3.4 OCO (Lệnh đặt và hủy liên hoàn – One Cancels Other)

a. Khái niệm

- Là lệnh kết hợp giữa một lệnh dừng lỗ (Stop Up hoặc Stop Down) và một lệnh giới hạn để đóng vị thế (chốt lời) đang mở tại mức giá nhà đầu tư kỳ vọng (2 lệnh này cùng loại Buy/Sell, cùng mã và cùng khối lượng)
- Trường hợp lệnh giới hạn Hủy/Sửa hoặc nhận được tín hiệu khớp (Khớp 1 phần hoặc khớp hết) thì sẽ hủy lệnh Stop
- Trường hợp lệnh Stop được kích hoạt thì sẽ hủy lệnh giới hạn (với điều kiện lệnh giới hạn được phép hủy)

b. Mục đích của lệnh

- Đặt lệnh bán limit chốt lời trên vị thế Long đang có, kèm lệnh điều kiện Stop Down tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường giảm
- Đặt lệnh mua limit chốt lời trên vị thế Short đang có, kèm theo lệnh điều kiện Stop Up tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường tăng
- Mở mới vị thế Long/Short theo nhu cầu của nhà đầu tư

c. Ví dụ

- Đặt lệnh bán limit chốt lời trên vị thế Long đang có kèm lệnh điều kiện Stop down tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường giảm

Nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Mua 1 HĐTL mã VN30F1809 tại mức giá vốn = 910 = giá thị trường. Nhà đầu tư sử dụng lệnh điều kiện OCO Bán để kỳ vọng chốt lời tại giá 920 và không mong cắt lỗ ở mức giá nhỏ hơn 905 (khi giá thị trường dưới ngưỡng 905 thì nhà đầu tư chấp nhận bán với giá 904.5). Giá thị trường biến đổi như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	910	912	915	918	920
Giá chốt lời	920	920	920	920	920
Giá stop	905	905	905	905	905
Giá cắt lỗ	904.5	904.5	904.5	904.5	904.5

Lệnh OCO được sử dụng tạo ra 2 lệnh: 1 lệnh giới hạn Bán được đẩy vào hệ thống và gửi lên sàn với giá 920; 1 lệnh Stop Down Bán ở trạng thái "Chờ kích hoạt" với giá Stop = 905 và giá đặt cho lệnh Stop = 904.5

Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 5 khi giá thị trường tăng đến 920 và lệnh giới hạn Bán với giá 920 được khớp hết => Hệ thống sinh yêu cầu hủy lệnh Stop Down Bán ở trạng thái "Chờ kích hoạt" với giá Stop = 905 và giá đặt cho lệnh Stop = giá cắt lỗi = 904.5
- Giả sử đến thời điểm thứ 3, thị trường giảm tới ngưỡng giá 905 = giá stop thì khi đó: lệnh Stop Down Bán ở trạng thái "Chờ kích hoạt" với giá Stop = 905 và giá đặt cho lệnh Stop = giá cắt lỗ = 904.5 được kích hoạt, sinh lệnh con vào sàn với giá = 904.5; đồng thời sinh yêu cầu hủy cho lệnh giới hạn được đẩy vào sàn ban đầu giá 920

d. Điều kiện ràng buộc

- Thời điểm đặt lệnh OCO có kiểm tra điều kiện (KL Mua/Bán tối đa,…) cho lệnh giới hạn để đảm bảo lệnh có thể đẩy được vào hệ thống và gửi lên sàn.
- Kiểm tra giá đặt, giá stop, giá cắt lỗ trong khoảng trần/sàn và chẵn theo bước giá quy định của hệ thống
- Giá stop phải tuân thủ theo các quy định của lệnh Stop Up, Stop Down
- Không cho đặt lệnh trong phiên ATC
- Lệnh OCO chỉ đặt lệnh LO

e. Các bước đặt lệnh

- **Bước 1**: Chọn lệnh "OCO"

- **Bước 2**:
  - Chọn lệnh "Mua" hoặc "Bán"
  - Chọn Mã HĐ, nhập thông tin lệnh (Giá chốt lời, Giá stop, Giá cắt lỗ, Số lượng)

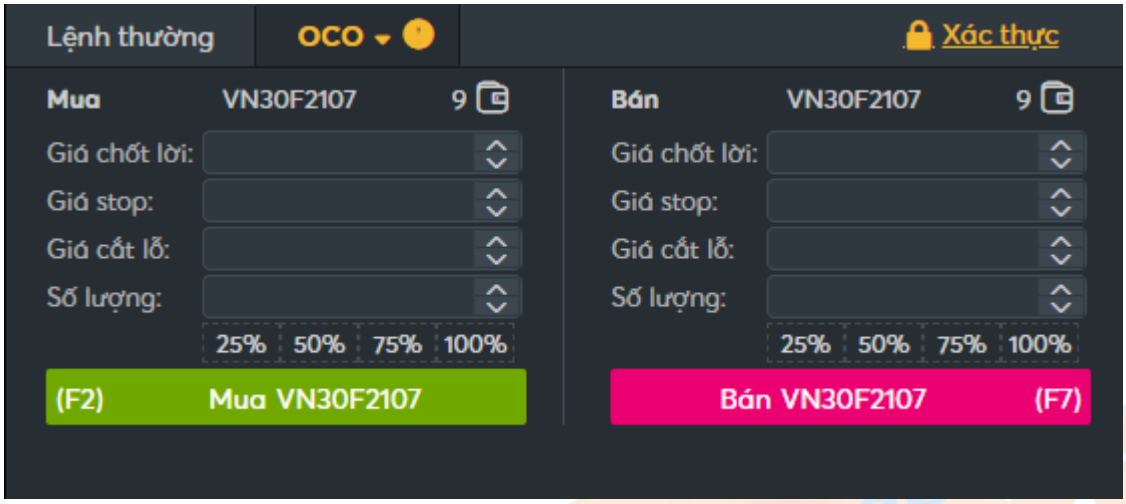

Tên trường	Mô tả chi tiết
Lệnh điều kiện	Chọn OCO
Mua/Bán	Chọn Vùng đặt lệnh Mua hoặc Bán: - Vùng hiển thị nút Mua màu xanh là vùng Mua - Vùng hiện thị nút Bán màu hồng là vùng Bán
Giá chốt lời	Nhập giá giới hạn cho lệnh dừng: tuân theo quy định về giá, bước giá
Giá stop	Nhập giá dừng: tuân theo quy định về giá, bước giá
Giá cắt lỗ	Nhập giá cắt lỗ: tuân theo quy định về giá, bước giá
Số lượng	Khối lượng đặt lệnh

- **Bước 3**: Bấm nút "Mua" , "Bán" để đồng ý đặt lệnh, hệ thống hiển thị màn hình xác nhận lệnh

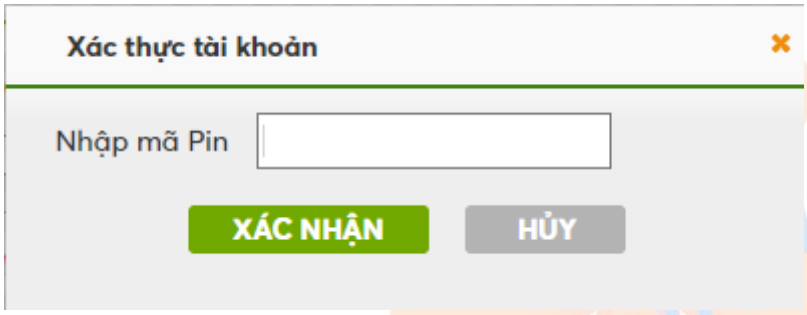

- Bấm nút "Xác nhận mua" hoặc "Xác nhận bán" trên màn hình Xác nhận lệnh, trường hợp khách hàng chưa nhập PIN đặt lệnh trước đó, hệ thống sẽ hiển thị màn hình xác nhận PIN đặt lệnh. Sau khi nhập PIN, bấm "Xác nhận" để hoàn tất đặt lệnh. Lệnh đặt thành công, hệ thống có thông báo "Đã gửi yêu cầu. Xin vui lòng kiểm tra lại sổ lệnh điều kiện!"

3.5.3.5 Bull & Bear

a. Khái niệm

- Là lệnh kết hợp giữa các lệnh sau:
  - Lệnh giới hạn (a) Buy/Sell: dùng để mở mới vị thế
  - Lệnh giới hạn (b) để tất toán vị thế mở (chốt lời)
  - Lệnh dừng lỗ (c) (Stop Up hoặc Stop Down) tại mức giá nhà đầu tư thiết lập. Cặp lệnh (b) và (c) sinh ra sau khi lệnh (a) có tín hiệu khớp
- Sau khi lệnh giới hạn (a) có tín hiệu khớp (bao gồm khớp 1 phần hoặc khớp hết), hệ thống sinh yêu cầu đẩy các cặp lệnh (b), (c) tương ứng
- Phần xử lý sinh các cặp lệnh (b), (c) tương ứng theo tín hiệu khớp của lệnh giới hạn (a) có option để NĐT lựa chọn trên giao diện đặt lệnh, bao gồm:
  - Lệnh mở khớp hết: lệnh giới hạn (a) khớp hết mới sinh lệnh (b), (c)
  - Lệnh mở có tín hiệu khớp: lệnh giới hạn (a) có tín hiệu khớp từng phần thì sinh các cặp lệnh (b), (c) tương tứng.

b. Mục đích của lệnh

- Mở mới vị thế Long, đồng thời đặt lệnh bán limit chốt lời trên vị thế Long đang có kèm lệnh điều kiện Stop Down tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường giảm
- Mở mới vị thế Short, đồng thời đặt lệnh mua limit chốt lời trên vị thế Short đang có kèm theo lệnh điều kiện Stop Up tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường tăng
- Mở mới vị thế Long/Short theo nhu cầu của nhà đầu tư

c. Ví dụ

Ví dụ 1: Mở mới vị thế Long, đồng thời đặt lệnh bán limit chốt lời trên vị thế Long đang có kèm lệnh điều kiện Stop Down tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường giảm

Nhà đầu tư sử dụng lệnh điều kiện Bull & Bear để mở mới vị thế 1 Long với giá 960, đồng thời đưa ra mức kỳ vọng chốt lời là 10 điểm và cắt lỗ là 5 điểm, biên trượt = 0.2 trong trường hợp mở mới vị thế thành công; giá thị trường biến đổi như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	955	957	960	965	970
Giá đặt	960	960	960	960	960
Giá chốt lời	*970*	*970*	*970*	*970*	*970*
Giá stop	*955*	*955*	*955*	*955*	*955*
Giá cắt lỗ	*954.8*	*954.8*	*954.8*	*954.8*	*954.8*

Lệnh Bull & Bear khi đặt thành công thì đẩy 1 lệnh giới hạn Mua KL 1 vào hệ thống và gửi lên sàn với giá 960;

Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 3 khi giá thị trường tăng đến 960 lệnh giới hạn Mua KL 1 với giá 960 được khớp hết => Hệ thống sinh yêu cầu đẩy vào cặp lệnh OCO Bán, bao gồm: 1 lệnh giới hạn để tất toán vị thế với giá chốt lời = 970 được đẩy vào hệ thống và 1 lệnh dừng Stop Down Bán với giá stop = 955, giá đặt của lệnh stop = giá cắt lỗ = 954.8 ở trạng thái "Chờ kích hoạt"

- Đến thời điểm thứ 5, giá thị trường tăng đến 970 lệnh giới hạn trong cặp lệnh OCO được khớp hết => Hệ thống sinh yêu cầu hủy lệnh Stop Down còn lại.

Ví dụ 2: Mở mới vị thế Short, đồng thời đặt lệnh mua limit chốt lời trên vị thế Short đang có kèm theo lệnh điều kiện Stop Up tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường tăng

Nhà đầu tư sử dụng lệnh điều kiện Bull & Bear để mở mới vị thế 1 Short với giá 960, đồng thời đưa ra mức kỳ vọng chốt lời là 10 điểm và điểm dừng cắt lỗ là 5, biên độ trượt = 0.2 trong trường hợp mở mới vị thế thành công; giá thị trường biến đổi như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	955	957	960	955	950
Giá đặt	960	960	960	960	960
Giá chốt lời	*950*	*950*	*950*	*950*	*950*
Giá stop	*965*	*965*	*965*	*965*	*965*
Giá cắt lỗ	*965.2*	*965.2*	*965.2*	*965.2*	*965.2*

Lệnh Bull & Bear khi đặt thành công thì đẩy 1 lệnh giới hạn Bán KL 1 được đẩy vào hệ thống và gửi lên sàn với giá 960;

Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 3 khi giá thị trường tăng đến 960 lệnh giới hạn Bán KL 1 với giá 960 được khớp hết => Hệ thống sinh yêu cầu đẩy vào cặp lệnh OCO Mua, bao gồm: 1 lệnh giới hạn để tất toán vị thế với giá chốt lời = 950 được đẩy vào hệ thống và 1 lệnh dừng Stop Up Mua với giá dừng lỗ = giá stop = 965, giá đặt của lệnh dừng = giá cắt lỗ = 965.2 ở trạng thái "Chờ kích hoạt"
- Đến thời điểm thứ 5, giá thị trường giảm xuống 950 lệnh giới hạn trong cặp lệnh OCO được khớp hết => Hệ thống sinh yêu cầu hủy lệnh Stop Up còn lại.

Ví dụ 3: Lệnh Bull & Bear mở mới Long/Short theo nhu cầu của nhà đầu tư

Nhà đầu tư đang có vị thế mở 1 Short mã HĐTL VN30F1809 với giá vốn là 965. Nhà đầu tư sử dụng lệnh điều kiện Bull & Bear để đóng vị thế 1 Short với giá 960, đồng thời đưa ra mức điểm dự tính mà thị trường sẽ tạo đáy là 10 điểm và điểm dừng là 5 điểm khi đó giá đặt = 0.2 để mở mới vị thế với giá tốt nhất; giá thị trường biến đổi như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	955	957	960	965	970
Giá đặt	960	960	960	960	960
Giá chốt lời	*970*	*970*	*970*	*970*	*970*
Giá stop	*955*	*955*	*955*	*955*	*955*
Giá cắt lỗ	*954.8*	*954.8*	*954.8*	*954.8*	*954.8*

Lệnh Bull & Bear khi đặt thành công thì đẩy 1 lệnh giới hạn Mua KL 1 vào hệ thống và gửi lên sàn với giá 960;

Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 3 khi giá thị trường tăng đến 960 lệnh giới hạn Mua KL 1 với giá 960 được khớp hết. Lệnh khớp đồng nghĩa với việc TK của nhà đầu tư được đóng vị thế => Lãi đã thực hiện = 1 x (965 – 960) x 100.000 = 500.000
  => Hệ thống sinh yêu cầu đẩy vào cặp lệnh OCO Bán, bao gồm: 1 lệnh giới hạn để tất toán vị thế với giá chốt lời = 970 được đẩy vào hệ thống và 1 lệnh dừng Stop Down Bán với giá dừng lỗ = giá stop = 955, giá đặt của lệnh dừng lỗ = giá cắt lỗ = 954.8 ở trạng thái "Chờ kích hoạt"
- Đến thời điểm thứ 5, giá thị trường giảm xuống 955 lệnh dừng trong cặp lệnh OCO được kích hoạt, đẩy vào hệ thống 1 lệnh Bán LO với giá LO = 954.8 => Hệ thống sinh yêu cầu hủy lệnh giới hạn còn lại.

d. Điều kiện ràng buộc

- Thời điểm đặt lệnh Bull & Bear: kiểm tra sức mua/bán của lệnh giới hạn (a) như lệnh thông thường. Sau khi lệnh Bull & Bear: được kích hoạt (lệnh giới hạn (a) được khớp), hệ thống sẽ kiểm tra lại sức mua/bán trước khi sinh lệnh (b), (c)
- Check giá đặt, giá chốt lời, giá stop, giá cắt lỗ trong khoảng trần/sàn và chẵn theo bước giá quy định của hệ thống
- Giá stop check theo rule của lệnh Stop Up, Stop Down
- Không cho đặt lệnh trong phiên ATC

e. Các bước đặt lệnh

- **Bước 1**: Chọn lệnh "Bull & Bear"
- **Bước 2**: Chọn lệnh "Mua" hoặc "Bán, Mã HĐ

  - Nhập thông tin lệnh: Xử lý lệnh, Giá đặt, Giá chốt lời, Giá stop, Giá cắt lỗ, Số lượng

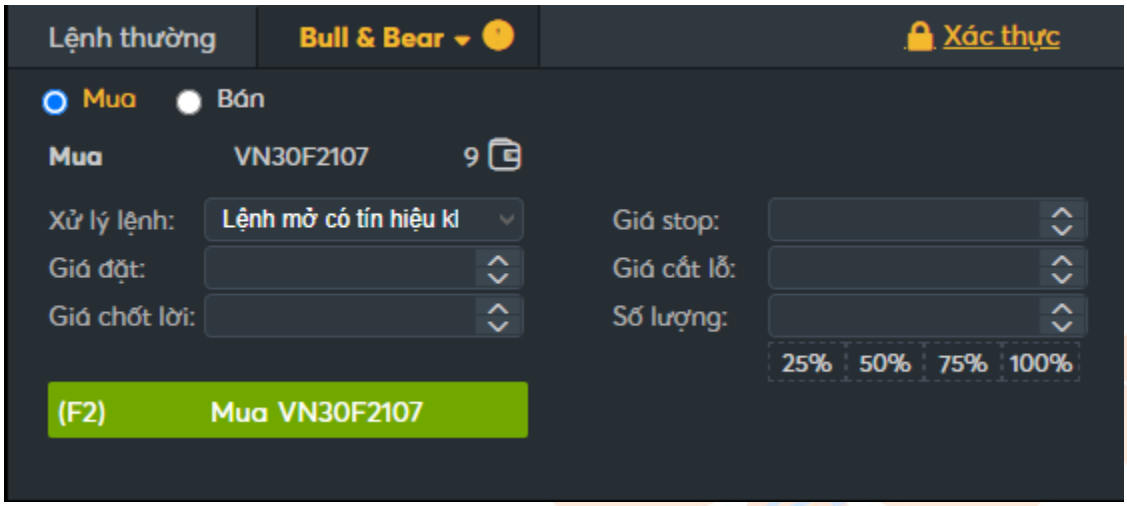

Tên trường	Mô tả chi tiết
Lệnh điều kiện	Bull & Bear
Mua/Bán	Chọn Vùng đặt lệnh Mua hoặc Bán: - Vùng hiển thị nút Mua màu xanh là vùng Mua - Vùng hiện thị nút Bán màu hồng là vùng Bán
Xử lý lệnh	Lựa chọn option: ➢ Lệnh mở khớp hết: lệnh giới hạn (a) khớp hết mới sinh 1 lệnh (b), (c) ➢ Lệnh mở có tín hiệu khớp: lệnh giới hạn (a) có tín hiệu khớp từng phần thì sinh các cặp lệnh (b), (c) tương tứng.
Giá đặt	Nhập giá giới hạn cho lệnh giới hạn ban đầu: tuân theo quy định về giá, bước giá
Giá chốt lời	Mức giá kỳ vọng chốt lời: tuân theo quy định về giá, bước giá

Tên trường	Mô tả chi tiết
Lệnh điều kiện	Bull & Bear
Giá stop	Mức giá dừng cho lệnh cắt lỗ: tuân theo quy định về giá (trần/sàn, giá stop của lệnh Stop Up, Stop Down), bước giá
Giá cắt lỗ	Mức giá cắt lỗ hay giá đặt của lệnh dừng: tuân theo quy định về giá, bước giá
Số lượng	Khối lượng đặt lệnh

- **Bước 3**: Bấm nút "Mua", "Bán" để đồng ý đặt lệnh, hiển thị màn hình Xác nhận lệnh

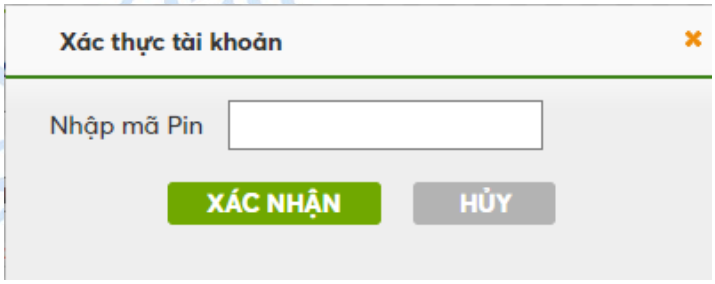

- Nhấn nút "Xác nhận mua", hoặc "Xác nhận bán" hiển thị màn hình xác thực tài khoản nếu khách hàng chưa thực hiện xác nhận PIN đặt lệnh trước đó

Nhập thông tin PIN đặt lệnh, bấm "Xác nhận" để hoàn tất việc đặt lệnh, đặt lệnh thành công hệ thống có thông báo "Đã gửi yêu cầu. Xin vui lòng kiểm tra lại sổ lệnh điều kiện!"